

diễn đàn

Số 40 / 1.4.1995

ISSN 1164-2378

F O R U M

mục lục

2 Bàn đọc và Diễn Đàn

Thời sự & những vấn đề

- 1 Hai mươi năm sau Hoà Vân
4 Tin tức
9 Thư Hà Nội NSP
10 Phát triển : Vấn đề gốc rễ Bùi Mộng Hùng
13 Thư gửi Bộ chính trị Lê Giản

Văn hoá & nghệ thuật & khoa học

3 Sách mới

Hồ sơ tin học

- 16 Đại lộ thông tin Hàn Thuỷ
20 Tin học ở Việt Nam Goodman & Press
24 Bảo vệ khu vực Hồ Tây Văn Ngọc
27 Bí mật của rừng già
(truyện ngắn) Khánh Trường

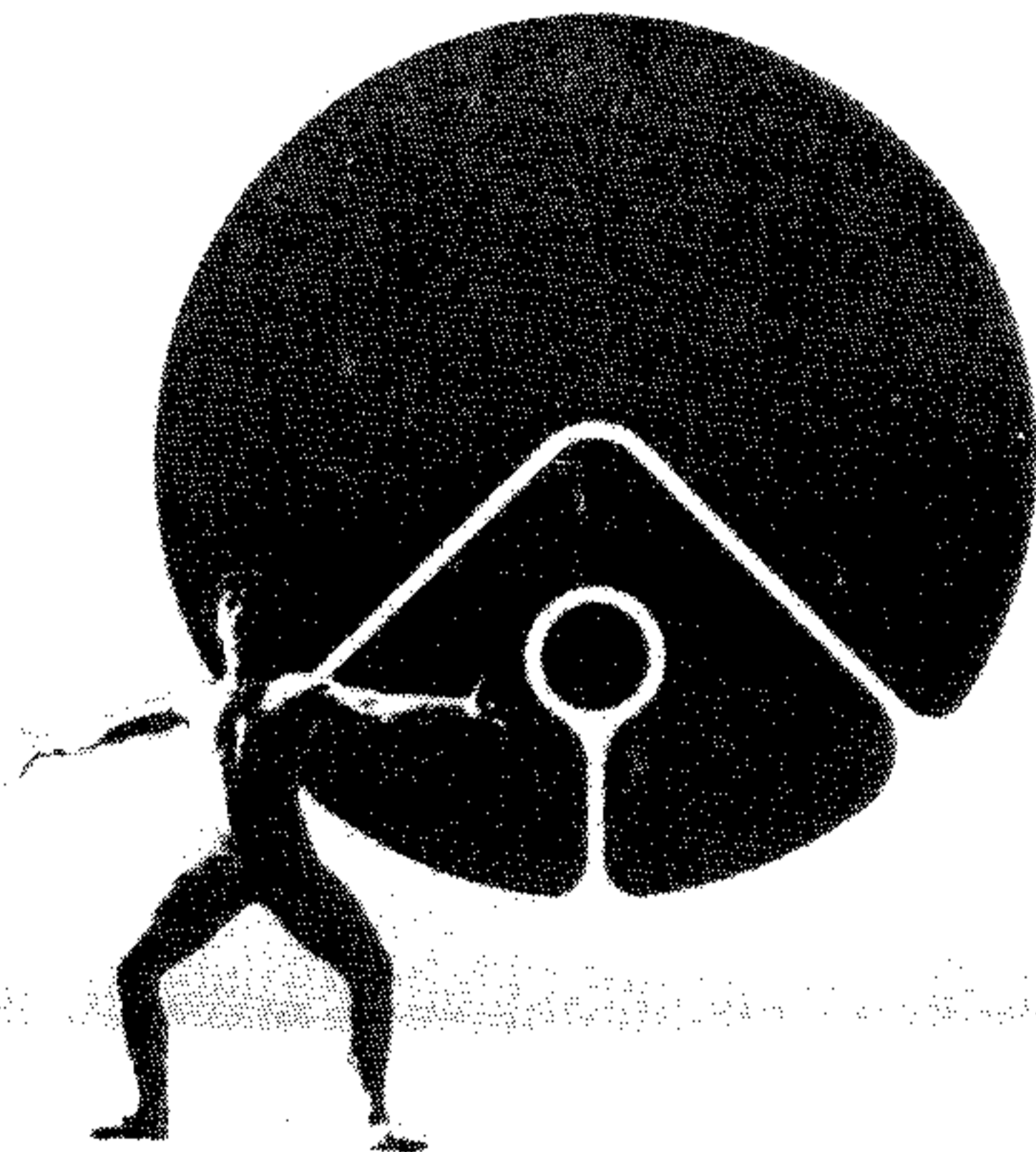
Hai mươi năm sau...

Hoà Vân

Khách vào thăm Việt Nam gần đây hay nói tới ấn tượng mạnh mẽ về sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam và cảnh tượng làm ăn náo nhiệt đang diễn ra trên dải đất hình chữ S này. Trong bài “ *Vietnam strives to catch up* ” (“ VN cố gắng đuổi kịp ”), trên *Asia Update* tháng 2.1995, nhà nghiên cứu người Úc David Marr thuật lại lời một người Mỹ ví 72 triệu người Việt Nam như 72 triệu Rip Van Winkles, sau giấc ngủ thần thoại, đang ra sức tìm lại thời gian đã mất.

Hơn hẳn các con số, bức tranh xã hội về cảnh tượng mọi người hối hả tìm kiếm các cơ hội để nâng cao mức sống cho mình và gia đình thể hiện những bước tiến về kinh tế - xã hội trong mấy năm qua. Nhà cầm quyền Việt Nam có thể tự hào đã vượt qua giai đoạn hiểm nghèo của những năm 1988-91, khi các đồng minh tin cậy nhất của họ, chính quyền cộng sản ở các nước đông Âu và Liên Xô lần lượt sụp đổ, chấm dứt nguồn ngoại viện duy nhất nhưng quan trọng của Việt Nam trong một thời gian dài. Nền kinh tế đối ngoại đã mau chóng được chuyển hướng về các nước lân bang, để đạt tới mức 85 % trao đổi thương mại năm 1994 là với các nước Á Đông. Từ đó, một “ phần thưởng ” có ý nghĩa : sự gia nhập khối ASEAN trong năm nay, hơn 5 năm sau khi đã rút hết quân đội ra khỏi Campuchia và lần lượt thiết lập lại các quan hệ ngoại giao bình thường với thế giới. Luật đầu tư nước ngoài được thông qua cuối năm 1987 đã và đang thu hút nhiều nguồn vốn cần thiết cho sự tái thiết đất nước. Đối nội, sự thiết lập nền kinh tế thị trường, với chính sách một giá năm 1989, cùng với nguồn lợi “ trời cho ” về dầu mỏ, đã cho phép giảm mức lạm phát 3 số những năm 1986-88 (gần 800 % năm 1986) xuống còn dưới 10 % năm 1993 (nhưng đã tăng lên gần tới 15 % năm 1994, và chỉ riêng hai tháng đầu năm nay, hơn 6 %). Sự giải phóng nông dân khỏi những kèm kẹp của các chính sách “ thu mua ” và của chế độ hợp tác xã cưỡng ép đã tạo điều kiện giải quyết vấn đề lương thực, nâng Việt Nam thành nước xuất cảng gạo thứ ba trên thế giới...

(xem tiếp trang 31)



Tuấn - *Décor de ballet* (1971)

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme d'avril 1995

EXPOSITION DE PEINTURES :

Từ Duy

du 1er au 30 avril (vernissage : 1er avril, à 18h)

EXPOSITION DE PHOTOS :

Dương Mạnh Trí (2^e série)

du 1er au 30 avril (vernissage : 1er avril, à 18h)

CONFÉRENCE :

Autour des Enfants d'Izieu, opéra-oratorio de Nguyễn Thiên Đạo sur un livret de Rolande Causse, créé au Festival d'Avignon (juillet 1994). Lors de cette conférence, Nguyễn Thiên Đạo dédicacera le CD *Les enfants d'Izieu*, prix Gian-Carlo Menotti 1995 de l'Académie lyrique du disque. (samedi 8 avril, à 18 h 30)

RÉCITAL :

**Phú Quang & Lê Thu,
Hồng Nhung & Diệu Linh & Ngọc Lan**
(dimanche 9 avril, à 16 h)

Bạn đọc

& diễn đàn

Câu đối Hà Sĩ Phu viếng Phùng Quán

Tôi vừa ở Sài Gòn về, xin gửi Diễn Đàn đôi câu đối anh Hà Sĩ Phu viếng nhà thơ Phùng Quán. Nếu báo có phương tiện, xin đăng nguyên hình bằng chữ nho. Dưới đây, tôi xin phiên âm :

Nhất QUÁN tận can trường

Trùng PHÙNG lưu cốt cách

22.12 Giáp Tuất

Vĩnh biệt Phùng Quán hào kiệt thi nhân

Hà Sĩ Phu

N.B.L. (Paris, Pháp)

重
逢
留
骨
格
一
貫
書
肝
腸
甲戌年十二月二十二日
末別達貫素傑詩人
何士夫

Tin buồn

Chúng tôi được tin cụ **Đào Trọng Đù** đã từ trần ngày 10.3.1995 tại Antony, thọ 99 tuổi. Lễ an táng đã tổ chức ngày 14.3 tại nghĩa trang Bagneux (ngoại ô Paris), lễ cầu siêu ngày 18.3 tại Trúc Lâm thiền viện.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Đào Trọng Nguyên và toàn thể tang quyến.

Obtain your college degree now!

REGISTER NOW AT SOUTHERN CALIFORNIA UNIVERSITY FOR PROFESSIONAL STUDIES AND YOU CAN BE ON YOUR WAY TO RECEIVE A ASSOCIATE'S, BACHELOR'S, MASTER'S, OR EVEN A PH.D. DEGREE

SCHOLARSHIP AVAILABLE FOR VIETNAMESE WORKING PEOPLE TO COVER UP TO 40% OF YOUR TUITION FEES. WE EVEN RECOGNIZE PRIOR LEARNING EXPERIENCES AND DEGREES FROM VIETNAM

Some benefits of attending SCU:

- Learn from the convenience of your own home and No need to attend classes on a weekly basis as other schools
- Most degrees completed between 12 to 24 months
- Convert prior life experiences, such as training and work experience into college credit
- Choose from a variety of fields, such as Business Administration, Marketing, International Business, or Law (J.D Bar and Non Bar)



For more information, please contact:

Southern California University for Professional Studies
International Program
P.O. Box 5171 University Station
Irvine, CA 92716
Tel: (714) 542-3796 (Vietnamese) Fax: (714) 542-0296

SCU was founded in 1978 and is fully approved by the State of California. Campus located at 1840 E. 16th Street, Santa Ana, CA

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân



Những cuốn sách mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng, Diễn Đàn trân trọng giới thiệu với bạn đọc :

La société vietnamienne face à la modernité

Nguyễn Văn Ký, Coll. Recherches asiatiques, Ed. L'Harmattan, Paris 1995, 436 trang.

Đây là một công trình nghiên cứu công phu về quá trình biến chuyển từ truyền thống sang hiện đại của xã hội Bắc Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến chiến tranh thế giới lần thứ hai : văn hoá, văn học, phụ nữ, gia đình, tình yêu, khẳng định cá nhân... Chúng tôi sẽ trở lại công trình quan trọng này của ông Nguyễn Văn Ký trong một số tới.

Dấu vết Văn hoá Việt trên đường Bắc Mỹ

Phạm Quốc Bảo, tập I, Nxb. Việt Hưng, Garden Grove (CALIFORNIA) 1995, 302 trang.

Một loạt phóng sự về một vài nét văn hoá trong đời sống của cộng đồng Việt Nam (khoảng 800 000 người) tại Bắc Mỹ, 20 năm sau đợt nhập cư lớn đầu tiên.

Vùng đá ngầm

Hà Kỳ Lam, tập truyện ngắn, Nxb. Thế Kỷ, Garden Grove (California) 1995, 216 trang.

10 truyện ngắn đầu tay của một người bắt đầu viết văn khi bước vào tuổi *tri thiên mệnh*, sau những năm tham gia lực lượng đặc biệt VNCH, 6 năm cải tạo, 10 năm sống ở Mỹ.

Sách sắp xuất bản :

Vietnam 1920-1945

Révolution et contre-révolution sous la domination coloniale

Tác giả, Ngô Văn (82 tuổi), tham gia phong trào trótkít từ năm 1932 ở Sài Gòn, và từ năm 1948 ở Paris.

Ghi mua tại nhà xuất bản L'Insomniaque, 7 rue Jean François Gerbillon, 75006 Paris (gửi kèm theo ngân phiếu 100 FF, hay 30 FS, hay 600 FB).

Vietnam : Nouveau dragon ou vieux tigre de papier ?

Việt Nam hôm nay nhìn từ đôi mắt của bà Nhung Agustoni-Phan, một nhà hoá học thối nhường sống ở Thụy Sĩ, tham gia nhiều dự án phát triển ở Việt Nam. Tựa của G. Boudarel.

Ghi mua : Editions Olizane, 11 rue des Vieux-Grenadiers, 1205 GENEVE (32.70 FS+3 FS cước phí). Sẽ ra tháng 4.95.

Récital de piano de Đặng Thái Sơn

Jeu di 11 mai 1995 de 12^h45 à 13^h45

en direct et en public sur FRANCE MUSIQUE (91.7)

Auditorium 106, MAISON DE LA RADIO

116, ave du Président Kennedy, Paris 16e

dans le cadre de l'émission *En Blanc et en Noir* d'Anne-Marie Réby au programme :

1) **Đỗ Hồng Quân** : Variations sur un thème folklorique vietnamien " *Où vas-tu ?* " [création en France]

2) **Maurice Ravel** : a) *Valses nobles et sentimentales*

b) *Miroirs (Noctuelles, Oiseaux tristes, Une barque sur l'océan, Alborada del Gracioso, La Vallée des cloches)*

Les cartons d'invitation sont à retirer à la réception dans le hall d'entrée, une demi-heure avant l'émission

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chúng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

tìm đọc bản tin Pháp ngữ

DIỄN ĐÀN FORUM

số 16

đã phát hành đầu tháng 3.95

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ :

DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Dự thảo bộ luật dân sự

Sau một quá trình dài và gian truân (14 năm !), một bản dự thảo bộ **luật dân sự** (bản dự thảo lần thứ 12) đã được nhà nước công bố để lấy ý kiến trong xã hội trước khi trình quốc hội thông qua. Sự ra đời của một bộ luật nhằm chế định phần lớn các quan hệ dân sự là một bước tiến quan trọng cho những giao lưu trong xã hội dân sự Việt Nam đang phát triển cùng với nền kinh tế thị trường. Trước tiên, nó bù lấp nhiều khoảng trống của pháp luật hiện hành (sau năm 1975, bộ dân luật của chế độ cũ đã bị xếp vào tầng thư) : đến nay, trong hoạt động xét xử, các tòa án phải vận dụng các báo cáo tổng kết hàng năm của ngành và các báo cáo chuyên đề của Tòa án tối cao để tìm cách bù đắp những khoảng trống đó. Đồng thời, nó khắc phục tình trạng tản mạn, trùng lặp, mâu thuẫn, không đồng bộ của pháp luật dân sự hiện hành.

Dự thảo bộ luật dân sự đưa ra gồm 6 phần : 1) những qui định chung (107 điều) ; 2) quyền sở hữu (61 điều) ; 3) thừa kế (60 điều) ; quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghiệp (69 điều) ; quan hệ dân sự có nhân tố nước ngoài (17 điều). Trong những điểm đổi mới và tiến bộ, người ta ghi nhận việc đưa vấn đề tác quyền (cả sản phẩm văn hóa lẫn phát minh khoa học) vào luật : trước nay, quyền sở hữu chỉ chú trọng vào các tài sản vật chất, và quyền tác giả chủ yếu thuộc sở hữu nhà nước, còn người sáng tác hay phát minh chỉ được hưởng thù lao theo mức nhất định. Ngoài ra, cũng là lần đầu tiên, vấn đề bảo vệ quyền của cá nhân, như đối với tên họ, hình ảnh, được qui định thành luật – mặc dầu vẫn còn những thiếu sót như là đối với vấn đề xúc phạm danh dự.

Bên cạnh đó, dự luật đưa ra một số điểm “ đổi mới ” không được sự đồng tình và đã bị phản đối, phản bác, đặc biệt trong giới luật gia Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc tranh luận hiện tập trung vào những điều khoản liên quan đến ba vấn đề.

1. **Chủ thể hộ gia đình** : Trong các chủ thể của quan hệ dân sự, ngoài cá nhân (thể nhân) và pháp nhân, dự luật đưa vào thêm “ hộ gia đình ”, định nghĩa như là những thành viên của một gia đình có hộ khẩu chung, tài sản chung và hoạt động kinh tế chung. Theo giải thích của trưởng ban dự luật, bộ trưởng tư pháp Nguyễn Đình Lộc, đây là “ *một chủ thể đặc thù của Việt Nam trong giao lưu dân sự* ”. Phạm trù này không có trong pháp luật của phương Tây, nhưng có tiền lệ ở Trung Quốc, “ *một nước có định hướng xã hội chủ nghĩa gần gũi với Việt Nam* ”. Hiến pháp 1992 và nhất là Luật đất đai 1993 của Việt Nam đã xác định hộ gia đình là chủ thể sử dụng đất. Cũng theo ông Lộc, bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam đã có ý kiến nên đưa phạm trù đó vào luật dân sự “ *vì truyền thống gia đình phương Đông* ” và để “ *chống lại những hậu quả xấu của kinh tế thị trường* ”.

Trái lại, giới luật gia cho rằng chế độ pháp lý về tài sản của hộ gia đình tạo những sự phức tạp trong việc phân định giữa tài sản chung và tài sản riêng của từng thành viên trong hộ, cũng như giữa những hành vi của chủ hộ với tính cách cá nhân và với tính cách đại diện cho hộ : không lẽ mỗi khi làm gì vợ, chồng, cha, con lại phải làm giấy cam kết với nhau ? Chế độ này tạo cơ sở pháp lý cho sự nảy nở các tranh chấp giữa con cái và cha mẹ : chính nó mới trái với đạo lý Việt Nam và là nguy cơ đối với truyền thống gia đình phương Đông. Hộ gia đình thực ra chỉ là một trong những đối tượng được nhà nước giao quyền sử dụng đất nông nghiệp và chỉ liên quan đến mối quan hệ đó mà thôi, không thể là chủ thể trong quan hệ dân sự nói chung.

2. **Quan hệ hôn nhân - gia đình** : Dự thảo bộ luật dân sự, ngược lại, không đề cập đến các vấn đề hôn nhân và gia đình, vốn là những yếu tố chi phối các quan hệ nhân thân, tài sản. Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc giải thích việc tách luật hôn nhân-gia đình khỏi bộ luật dân sự là một quan niệm của hệ thống luật xã hội chủ nghĩa và nhằm “ *giữ một truyền thống giải phóng phụ nữ của Việt Nam* ”. Song, ông cho biết quan niệm này có thể bàn trở lại.

3. **Sở hữu thuộc tổ chức chính trị - xã hội** : Trong năm hình thức sở hữu do dự luật qui định, lần đầu tiên xuất hiện phạm trù “ *sở hữu thuộc các tổ chức chính trị - xã hội* ”, bao gồm Đảng cộng sản Việt Nam và các đoàn thể trong hệ thống chính trị (Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Liên đoàn lao động, Mặt trận Tổ quốc...). Từ trước tới nay, tài sản mà các tổ chức này sử dụng đều là sở hữu toàn dân, được nhà nước giao. Bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc xác nhận hình thức sở hữu mới có nghĩa một sự “ *chuyển dịch* ” tài sản toàn dân sang các tổ chức nói trên, tức sang tay một bộ phận của dân cư. Song ông cho rằng đó chỉ ở “ *bước quá độ, khởi đầu* ”. Được hỏi vì sao các tổ chức xã hội như tôn giáo hay những tổ chức phi chính quyền (NGO) không có vị trí nào trong luật dân sự, bộ trưởng Lộc trả lời : “ *vấn đề này còn phức tạp, chưa nên bàn đến* ”.

Sau khi lấy một đợt ý kiến đầu tiên, dự thảo bộ luật dân sự sẽ được thảo luận tại kỳ họp tháng 5 của quốc hội ; sau đó, sẽ tiếp tục lấy ý kiến một đợt thứ hai trước khi trình quốc hội biểu quyết vào kỳ họp cuối năm 1995. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 23.2 ; Tuổi Trẻ 25.2, 4 và 5.3 ; Phụ nữ TPHCM 22 và 25.2, 1.3.95)

Doanh nghiệp : các quỹ hỗ trợ đầu tư

Luật khuyến khích đầu tư trong nước, được quốc hội thông qua tháng 6 1994 và có hiệu lực từ đầu năm 1995, vẫn đợi nghị định thực hiện. Viện trưởng viện quản lý kinh tế trung ương, ông Lê Đăng Doanh, có trình bày với báo chí dự thảo nghị định của chính phủ mà nội dung chính là qui định ba hình thức hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp trong nước không phân biệt thành phần kinh tế.

1. Hình thức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước thông qua các chương trình đầu tư quốc gia, như chương trình xóa đói giảm nghèo hay quỹ quốc gia giải quyết việc làm đang hoạt động hiện nay.

(xem tiếp trang 7)

Cải cách hành chính : trọng tâm của năm 1995 ?

Tiếp theo hội nghị lần thứ 8 của ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (họp cuối tháng giêng vừa qua - xem Diễn Đàn tháng 3.95), một hội nghị cán bộ toàn quốc đã được tổ chức tại Hà Nội các ngày 20 và 21.2 để bàn về kế hoạch cải cách nền hành chính nhà nước như là nhiệm vụ trọng tâm của năm 1995 đối với đảng và nhà nước. Bản đề cương cải cách, do phó thủ tướng Phan Văn Khải trình bày, gồm có một số nội dung đáng chú ý mà chúng tôi tóm ghi lại dưới đây dựa theo báo **Lao Động** các ngày 23 và 26.2.1995.

Hệ thống hành chính Việt Nam hiện tại, theo chẩn đoán của ông Phan Văn Khải, có năm căn bệnh : 1) quan liêu, xa dân ; 2) phân tán, thiếu trật tự, kỷ cương ; 3) tham nhũng và lãng phí của công ; 4) công kèn, nặng nề, vận hành trục trặc ; 5) đội ngũ công chức thiếu kiến thức, năng lực, một bộ phận không nhỏ kém phẩm chất, thậm chí hư hỏng.

Nhận định về đòi hỏi cải cách nền hành chính, phó thủ tướng nêu : 1) yêu cầu của dân muốn được yên ổn sinh sống, làm ăn trong môi trường an ninh, trật tự và dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu ; 2) yêu cầu của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế ; 3) yêu cầu của quan hệ đối ngoại và sự hội nhập vào ASEAN ; 4) yêu cầu đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Bản đề cương chủ trương tiến hành công cuộc cải cách hành chính trên ba mặt : cải cách thể chế ; chấn chỉnh bộ máy ; xây dựng, làm trong sạch đội ngũ công chức. Kế hoạch trước mắt là tập trung giải quyết một số việc cấp bách sau đây.

1. Cải cách thủ tục hành chính (được coi là khâu đột phá của công cuộc cải cách hành chính) trong 7 lĩnh vực trọng điểm (phân bổ ngân sách và cấp vốn đầu tư ; xuất nhập khẩu ; đầu tư nước ngoài ; thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh ; xuất nhập cảnh ; tiếp dân và giải quyết đơn khiếu tố của dân) : giảm những quy định rườm rà ; loại bỏ những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết ; ban hành pháp lệnh về lệ phí (hiện có đến 150 lệ phí được tùy tiện đặt ra và không đưa vào ngân sách).

2. Giải quyết khiếu tố, bảo đảm quyền được thông tin, quyền giám sát và góp ý của dân với cơ quan nhà nước ; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, công chức trong việc tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu kiện của dân ; thành lập toà án hành chính để xử lý theo thể thức tố tụng các khiếu kiện của dân đối với các quyết định của cơ quan hành chính.

3. Xây dựng thể chế kinh tế mới : thể chế hoạt động của các doanh nghiệp (luật dân sự, luật thương mại) ; thể chế

quản lý tài chính công (luật ngân sách, chế độ kiểm toán nhà nước) và các tài sản công khác (thành lập cơ quan quản lý vốn và tài sản của nhà nước hoạt động như một công ty tài chính) ; thể chế quản lý doanh nghiệp nhà nước với sự phân loại giữa các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh theo cơ chế thị trường và các doanh nghiệp có chức năng dịch vụ công ích và phúc lợi xã hội (ban hành luật doanh nghiệp nhà nước).

4. Đổi mới quy trình lập pháp (của quốc hội) và lập quy (của chính phủ), và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật, thiết lập kỷ luật trong bộ máy nhà nước.

5. Ban hành chế độ công vụ, quy chế công chức, và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức (bao gồm tiêu chuẩn về ngoại ngữ và ứng dụng tin học).

Bản đề cương của phó thủ tướng Phan Văn Khải là kết quả của của một sự thỏa hiệp tạm thời trong ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam giữa phe " cải cách " (nắm bộ máy chính phủ) chủ trương xây dựng một " nhà nước pháp quyền " và phe " bảo thủ " (nắm bộ máy đảng và quân đội) muốn củng cố " nhà nước chuyên chính vô sản do Đảng lãnh đạo ". Cuộc tranh chấp nội bộ không những chưa ngã ngũ, mà còn có cơ sẽ trở nên gay gắt hơn trong những tháng tiến đến đại hội đảng lần thứ 8 (dự kiến sẽ họp vào giữa năm 1996).

Trong điều kiện đó, kế hoạch cải cách hành chính trên đây sẽ khó lòng mà đi xa. Từ ít lâu nay, trong những tiếp xúc bán chính thức, giới cán bộ cấp cao trong bộ máy chính phủ không ngần ngại cho rằng người " gây trở ngại ", thậm chí là " phá hoại " công việc làm của chính phủ không ai khác hơn là bộ máy đảng, và đích danh là ban bí thư trung ương đảng. Những lời phát biểu này phải chăng có phần cường điệu hóa mức độ tranh chấp thật sự trong nội bộ ban lãnh đạo đảng, với ý đồ là báo động dư luận trong nước (và cả nước ngoài) ?

Dù sao, ở Thành phố Hồ Chí Minh, người ta không còn mơ hồ gì nữa khi được biết bí thư thành uỷ Võ Trần Chí phát biểu như thế nào với chủ tịch và những phó chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố (đều là đảng viên) : " Các anh đừng lấy luật pháp ra mà dọa Đảng. Dù có ban hành luật pháp nào chẳng nữa thì Đảng vẫn sẽ thực hiện quyền lãnh đạo toàn diện, trực tiếp và tuyệt đối. Mọi việc các anh làm phải hỏi thường vụ thành uỷ ". Nếu hiểu đúng ý của người đứng đầu bộ máy đảng ở thành phố : 1) chỉ có những đảng viên lãnh đạo bộ máy đảng mới là " Đảng ", còn những đảng viên lãnh đạo bộ máy nhà nước thì không phải là " Đảng " ; 2) những người lãnh đạo bộ máy đảng có thể tự cho mình một chỗ đứng ở ngoài và ở trên pháp luật.

Đê Hà Nội : vấn đề đợi giải pháp an toàn !

Đến đầu tháng 3 vừa qua, tức hơn bảy tháng sau khi có công văn đầu tiên của chính phủ và hơn một tháng sau nghị định của thủ tướng Võ Văn Kiệt, phương án bảo đảm an toàn cho đê Hà Nội vẫn chưa có dấu hiệu ra đời, thậm chí còn chưa có định hướng cụ thể. Chỉ còn vài tháng nữa là đến mùa lũ, Hà Nội – theo báo **Lao Động** các ngày 26 và 28.2.1995 – đang bị “*treo lơ lửng trước nguy cơ bị nhận chìm*”. Giữa một bên là 4,2 km tuyến đê Yên Phụ - Quảng An - Tú Liên - Nhật Tân với 40 vết nứt, và một bên là 1 108 (thật ra là hơn 1 500) ngôi nhà nằm trong hành lang bảo vệ đê (với tổng diện tích đất vi phạm là 181 411 m²), hình như chính quyền chưa có một sự chọn lựa dứt khoát (xem Diễn Đàn các tháng 2 và 3.1995).

Được giao nhiệm vụ chuẩn bị đồ án kỹ thuật, bộ thủy lợi chỉ đưa ra hiện nay những biện pháp như gia cố, ghép vết nứt, làm kè sườn đê, làm tường bê tông v.v..., mà phạm vi bảo vệ từ chân đê trở vào không quá 10 m – trong khi pháp lệnh đê điều qui định hành lang bảo vệ là 25 m. Áp dụng những biện pháp của bộ thủy lợi là mặc nhiên công nhận hành lang đê bị cắt mất 15 m, là hợp thức hóa một cách trá hình những vụ vi phạm.

Các chuyên viên của bộ thủy lợi không giấu giếm quan tâm hàng đầu của bộ là đề ra giải pháp “*khả dĩ*” hơn cả, “*tránh đụng chạm*” nhất. Trong một công văn ngày 22.2, bộ thủy lợi lại tỏ ra nghi ngờ cái gọi là “*thảm họa đê*” mà báo chí nêu lên. Thái độ của bộ thủy lợi không có gì khó hiểu khi người ta biết rằng tất cả các ngôi nhà đã xây dựng bất hợp pháp trong hành lang đê, nếu có giấy phép (có đến hơn 70 trường hợp), đều đã có chữ ký của bộ (và của Ủy ban nhân dân Hà Nội). Báo **Tuổi Trẻ** (ngày 4.3.1995) cho biết hai trường hợp của bộ lao động - xã hội và của Ngân hàng nhà nước đã được cấp phép xây dựng nhà tập thể sát chân đê (12 m). Khu nhà tập thể của bản thân bộ thủy lợi cũng nằm trong hành lang an toàn, cách chân đê 14 m. Khu nhà này được xây dựng trước khi có điều lệ bảo vệ đê, và thuộc loại “*vi phạm có tính lịch sử*” như người ta thường nói. Song chưa bao giờ bộ thủy lợi có ý định tháo dỡ khu nhà của mình để làm gương tôn trọng pháp lệnh đê điều, mà bộ là cơ quan đặc trách thực hiện !

Về mặt truy cứu trách nhiệm, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phải ra thêm một chỉ thị yêu cầu viện kiểm sát nhân dân và bộ nội vụ tiến hành khởi tố hình sự những vi phạm pháp lệnh đê điều tại quận Ba Đình và huyện Từ Liêm. Thủ tướng đã triệu hồi chủ nhiệm văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam ở Đài Bắc (Đài Loan), ông Lê Sinh Tăng, về nước để kiểm điểm trách nhiệm. Ông Tăng từng là phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, phụ trách ngoại thành và phòng chống lụt trong những năm 1987-1994, là thời gian tình hình xây nhà trên đê diễn ra trầm trọng nhất. Đến nay, người ta chỉ được biết có năm cán bộ thành phố bị đình chỉ công tác để kiểm điểm trách nhiệm

cá nhân : phó kiến trúc sư trưởng thành phố Trịnh Hồng Triển cùng hai đại diện kiến trúc sư trưởng và hai đội trưởng quản lý đê ở quận Ba Đình và ở huyện Từ Liêm.

Trên hiện trường, các ủy ban nhân dân Từ Liêm và Ba Đình cho biết đã cưỡng chế dỡ bỏ 10 ngôi nhà. Theo các phóng viên ghi lại, chính quyền đã “*ưu tiên*” phá những căn nhà sụp xụp (như là kéo đổ đi mái lều gianh rách nát của một ông cụ 85 tuổi mà gia đình đã mấy đời ở tại đó) trong khi mặc nhiên “*bỏ qua*” những biệt thự năm, sáu tầng uy nghi chường ngay trên mặt đê. Hơn thế nữa, bất kể chỉ thị của thủ tướng đình chỉ mọi công trình đang xây, có đến 20 ngôi nhà (hầu hết là những công trình lớn từ bốn đến bảy tầng) vẫn tiếp tục được xây lên ở sát chân đê, thậm chí còn đào móng vào chân đê.

Theo báo **Việt Nam - Đầu tư nước ngoài** (ngày 21.2.1995), gần một nửa các ngôi nhà hiện nay đang ngự trên đê là của cán bộ, công an, bộ đội và của cơ quan nhà nước. Và trong số khoảng 500 ngôi nhà đó, mặc dù báo chí không được phép nêu tên các quan chức, người dân đã điểm danh được biệt thự của bộ trưởng thủy lợi Nguyễn Cảnh Dinh, của phó chủ tịch ủy ban nhân dân Hà Nội Đinh Hạnh, của tổng cục trưởng tổng cục cảnh sát Lê Thế Tiêm, của con trai của phó thủ tướng Phan Văn Khải, của con của ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, của cháu của chủ tịch nước Lê Đức Anh... Riêng trường hợp sau cùng này, báo **Lao Động** đã cho đăng ảnh lên trang nhất và cho biết ngôi nhà bốn tầng đó, địa chỉ ở số 71 đê Nghi Tâm, đã nhận được 11 văn bản của chính quyền quận Ba Đình đình chỉ thi công, xử phạt hành chính, yêu cầu tự dỡ bỏ cho đến quyết định cưỡng chế dỡ bỏ, song vẫn ngang nhiên thách thức pháp luật. Đặt câu hỏi “*cái ô quyền lực*” nào che chở cho ngôi nhà này, bài báo chỉ bật mí là “*một vị quan chức*”, để nêu nhận định : “*chính sự can thiệp của vị quan chức này đã làm cho hàng trăm ngôi nhà noi gương nhà số 71 mọc lên, gây thành tệ nạn như hôm nay*”.

Tất nhiên, câu hỏi đó cũng đặt ra đối với báo chí (chỉ ít, ngày nào báo chí còn là độc quyền ở trong tay của ban lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam) : trong vụ ngôi nhà số 71 nói trên, có một “*cái ô quyền lực*” khác đã bật đèn xanh cho nhà báo ! Điều chắc chắn là, trong trận đấu giành quyền lực với phe “*bảo thủ*” của ông Lê Đức Anh, phe “*cải cách*” của ông Võ Văn Kiệt đã nắm lấy cơ hội để ghi một bàn.

Song, bất luận kết quả của trận đấu đó, đê Hà Nội vẫn đang chờ một giải pháp an toàn có tính đồng bộ và lâu dài.

✓ AFP ngày 23.3 đưa tin bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ đã phủ nhận tin có những vị lãnh đạo có nhà xây bất hợp pháp trên đê. Tuy nhiên, ông không loại trừ có những nhà của thân nhân những người đó ! Mặt khác, chính quyền thành phố Hà Nội đã ra lệnh dỡ bỏ 307 ngôi nhà từ 1 tới 6 tầng xây trên hành lang an toàn của đê.

Tin tức (tiếp theo trang 4)

2. Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, là một tổ chức tài chính công cộng thành lập bằng vốn góp của nhà nước (100 tỷ đồng) và của các tổ chức kinh tế như ngân hàng thương mại, quỹ bảo hiểm, doanh nghiệp lớn... Quỹ sẽ hỗ trợ vốn trung và dài hạn với lãi suất thấp cho các dự án thuộc các ngành và vùng được ưu tiên khuyến khích phát triển theo định hướng của nhà nước.

3. Các quỹ tương trợ đầu tư của những hiệp hội ngành nghề hay cộng đồng địa phương, là một hình thức tổ chức trong đó các thành viên tham gia cùng góp vốn thành một khoản vốn lớn để cấp cho thành viên nào cần vốn nhất.

Cũng theo dự thảo nghị định sắp ban hành, trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp sẽ được đơn giản hoá đáng kể và đặc biệt chỉ tập trung vào một đầu mối là uỷ ban nhân dân các tỉnh và thành phố. Đồng thời, các doanh nghiệp được quyền đầu tư và thành lập cơ sở trên toàn lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt địa giới hành chính và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đặt trụ sở như trước đây.

Ông Lê Đăng Doanh còn cho biết những người Việt Nam ở nước ngoài, không phân biệt quốc tịch, được quyền chọn lựa đầu tư trực tiếp về nước theo luật đầu tư nước ngoài hoặc luật khuyến khích đầu tư trong nước. Đồng thời, người Việt Nam ở nước ngoài còn có thể uỷ quyền cho người thân trong nước xin phép lập và quản lý doanh nghiệp của mình. (Tuổi Trẻ 18.2.95)

Việt Nam - Miến Điện

Bà Aung San Suu Kyi, giải thưởng Nobel hoà bình năm 1991, vừa sang thăm Việt Nam. Tại Hà Nội, bà đã tiếp xúc với nhiều nhân vật trong chính giới và những trí thức nổi tiếng như Phan Đình Diệu, Dương Thu Hương, Đoàn Viết Hoạt v.v...

Cười chút thôi ! Dĩ nhiên bạn đã đọc trong mơ đó. Quan hệ Việt Nam - Myanmar (tên cũ : Miến Điện) chỉ mới được thắt chặt bằng chuyến đi thăm " hữu nghị chính thức " Hà Nội của tướng Than Shwe, thủ tướng Miến kiêm người quân tù của Aung San Suu Kyi, từ 9 đến 13 tháng 3 vừa qua, đáp lễ chuyến đi thăm Rangoon của thủ tướng Võ Văn Kiệt năm ngoái. Dẫn đầu một phái đoàn gồm nhiều nhân vật cao cấp trong Hội đồng Trật tự và Luật pháp Nhà nước (SLORC) và chính phủ Miến Điện, tướng Than Shwe đã gặp gỡ tổng bí thư Đỗ Mười, chủ tịch nước Lê Đức Anh, thủ tướng Võ Văn Kiệt v.v... Hai bên đã ký các hiệp định hợp tác về kiểm soát ma tuý và về trao đổi thông tin quản lý rừng. Hai bên cũng đã trao đổi quan điểm về các vấn đề hợp tác song phương và các quan hệ quốc tế, quan hệ trong khu vực. Miến Điện ủng hộ việc gia nhập ASEAN của Việt Nam và hy vọng rằng điều này sẽ giúp tăng cường các quan hệ của Miến Điện với khối các nước Đông Nam Á này. (AFP 9, 13.3.1995)

HCR : Thuyền nhân phải trở về nước

Tiếp theo hội nghị chuẩn bị ở Malaixia cuối tháng 2 (xem ĐĐ số trước), Cao uỷ Liên hiệp quốc về người tị nạn (HCR) đã tổ chức Hội nghị quốc tế lần thứ 6 về người tị nạn Đông

Dương với 29 nước liên quan, bao gồm Hoa Kỳ và Liên hiệp Châu Âu, tại trụ sở HCR ở Genève ngày 16.3. Hội nghị đã khẳng định lại mục tiêu của Chương trình hành động CPA đề ra năm 1989, là chấm dứt mọi hoạt động của HCR giúp đỡ các thuyền nhân Đông Dương vào cuối năm nay. Những người phát ngôn của HCR, kể từ bà Cao uỷ Sadako Ogata, nhấn mạnh nhiều lần lời kêu gọi những người còn ở trong các trại tạm trú ở các nước Đông Nam Á (41 000 người Việt Nam và 8 000 người Lào) vì không được ai thừa nhận là " tị nạn chính trị ", rằng họ " không nên nuôi mãi ảo tưởng về việc định cư ở một nước thứ ba " và " nên lợi dụng trong lúc này những giúp đỡ của cộng đồng quốc tế để trở về nước sinh sống. " Bà Ruth Marshall, phát ngôn viên của HCR nhắc lại là hơn 70 000 người Việt Nam và 21 000 người Lào đã tự nguyện hồi hương, mang theo một số vốn nhỏ do HCR cung cấp, và " các chuyên viên của HCR đã nhiều lần bắt chọt đi kiểm tra chưa bao giờ thấy có bằng chứng là họ bị nhà cầm quyền làm khó để gì ". Việc không còn nước Mạnh Thường Quân nào trên thế giới muốn tiếp tục bỏ tiền giúp những " người di cư không có chiếu khán " được HCR nhấn mạnh khi công bố số tiền quyên được cho CPA năm nay là một triệu đôla trên số 74 triệu được đề ra. Tuy nhiên, HCR sẽ không tham gia vào bất cứ một hành động cưỡng ép hồi hương nào.

Về phần mình, người phát ngôn bộ ngoại giao Hà Nội, bà Hồ Thế Lan đã nhắc lại ngày 2.3.1995 là Việt Nam chấp thuận tiếp nhận người hồi hương từ các trại Đông Nam Á với nhịp độ 3 600 người mỗi tháng.

Khó khăn lớn nhất trong vấn đề này dĩ nhiên vẫn là ở thái độ của những người trong cuộc. Khi chính phủ Philipin bắt đầu giải toả trại Morong ngày 16.3, nơi 270 người Việt Nam chờ đợi được đi định cư ở Hoa Kỳ, nhiều người đã leo lên mái nhà, không chịu ra đi, và một số (3, 4 người theo các nhà báo chứng kiến sự việc) đã tự cắt gân tay để phản đối. 270 người ở trại Morong theo lẽ là đã tới đây theo chương trình Ra đi có trật tự (ODP) được thoả thuận giữa Việt Nam và Mỹ, nhưng chính phủ Mỹ cuối cùng không nhận họ vì " đã giả mạo giấy tờ để được nhận vào diện ODP ". Cũng trong buổi gặp báo chí ngày 2.3, bà Hồ Thế Lan cho biết Việt Nam và Hoa Kỳ đang thương lượng để giải quyết trường hợp của những người này. (Reuter, AFP 2 và 16.3.1995)

Nhật đứng đầu các nước viện trợ cho Đông Dương

Một Diễn đàn quốc tế về phát triển ở Đông Dương, được triệu tập ở Tokyo hai ngày 25-26.2.1995, với sự tham dự của 25 nước và 9 tổ chức quốc tế, đã chứng tỏ vai trò đầu tàu của Nhật trong các nước viện trợ cho Việt Nam, Lào và Cam Bốt.

Thông cáo chung của Diễn đàn đã công bố việc thành lập hai nhóm chuyên gia, một về các cơ cấu hạ tầng, do Nhật chủ trì, với sự tham gia của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và một về các vấn đề nhân lực do Pháp chủ trì, và PNUD (Chương trình Liên hiệp quốc vì phát triển) trong vai trò cơ quan quốc tế. Một nhóm tư vấn về sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân cũng được thành lập, với sự tham gia của Nhật, Thái và Tiểu ban kinh tế-xã hội Liên hiệp quốc, bộ phận châu Á - Thái Bình Dương.

Tuy nhiên, theo những người tham dự Diễn đàn, vai trò đầu tàu mà Nhật muốn đóng giữ không phải đã được đón nhận một cách vui vẻ bởi các nước khác, kể cả những nước trong vùng và những nước châu Âu đã từ lâu tích cực viện trợ cho Đông Dương, như Thụy Điển (hẳn là phải kể Pháp trong số này ?). (AFP 27.2.1995)

TIN NGẮN

✓ Đĩa compact (CD) Trung Quốc đang tràn sang Việt Nam. Các loại đĩa CD được bày bán ở Hà Nội từ 15 đến 20 ngàn đồng, và ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ 18 đến 24 ngàn đồng. Trong khi đó, giá băng cát-xét sản xuất ở Việt Nam đã là 16 000 đồng/băng, còn đĩa CD, nếu sản xuất nội địa cũng không thể bán dưới 30 000 đồng/đĩa.

✓ Từ ngày 15.2 vừa qua, tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của khách xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu Việt Nam là 500 đô la (thay vì 1 000 đô la trước đây), không kể tư trang và ngoại tệ.

✓ Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa thông báo quyết định của chính phủ không cho phép xem xét trả lại nhà đất do nhà nước quản lý qua các chính sách cải tạo tư sản mại bản, tư sản thương nghiệp, nhà cho thuê, nhà vắng chủ, xuất nhập cảnh trái phép. Đối với những trường hợp đã xử lý sai đối tượng thì cá biệt có thể xem xét giải quyết cấp chỗ ở, nhưng phải do thủ tướng quyết định.

✓ Từ ngày 23.2, người Việt Nam ở nước ngoài có ngoại tệ chuyển về nước được mở tài khoản ngoại tệ và gửi tiết kiệm ngoại tệ ở các ngân hàng Việt Nam, và được chuyển vốn và lãi trở ra nước ngoài.

✓ Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28.2 đã xử sơ thẩm ông Nguyễn An Trung, Việt kiều tại Nhật, tổng giám đốc công ty liên doanh Sài Gòn Ô tô và tuyên án ông " phạm tội kinh doanh trái phép ", với mức án " cảnh cáo ", đồng thời tịch thu sung công quỹ toàn bộ 118 xe ô-tô tay lái nghịch liên quan trong vụ án. Bị bắt giam hơn mười tháng (từ ngày 26.2 đến ngày 29.12 1994), ông Nguyễn An Trung luôn khẳng định và chứng minh ông không hề vi phạm bất cứ điều gì về pháp luật về sự vụ này, và ông cho biết sẽ kháng cáo.

✓ Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh Trương Tấn Sang vừa yêu cầu chánh thanh tra thành phố điều tra và làm rõ hoạt động kinh doanh của công ty Lam Sơn, đồng thời yêu cầu quận Phú Nhuận tạm thời dừng lại quyết định kỷ luật đối với giám đốc công ty Nguyễn Đăng Quang. Quận ủy đảng cộng sản Phú Nhuận, ngày 5.1 1995, đã có quyết định cách chức ông Nguyễn Đăng Quang và khai trừ ông ra khỏi đảng.

✓ Ba trường phổ thông trung học Chu Văn An (Hà Nội), Quốc Học (Huế) và Lê Hồng Phong (Thành phố Hồ Chí Minh) đã được chính phủ quyết định xây dựng thành trường trung học " *chất lượng cao* " Đây là những trường " tiên tiến " về chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Qui mô mỗi trường khoảng 1 500 đến 1 800 học sinh được tuyển chọn vào.

✓ Từ tháng 12.1994, đã nổ rộ lên hiện tượng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Trung Quốc bỏ về nước : 65 người trong

tháng chạp, 70 người trong tháng giêng, 68 người trong hai tuần đầu tháng hai.

✓ Đạo diễn gốc Nga A. Konchalovsky đang chuẩn bị bấm máy bộ phim The Royal Road, bộ phim lớn đầu tiên của Hoa Kỳ thực hiện ở Việt Nam. Konchalovsky đã chọn cảnh quay ở Hòa Bình, Buôn Ma Thuật, Sài Gòn và Hà Nội.

✓ Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã đi một vòng thăm các nước Nam Phi, Mozambique, Zimbabwe, Zambia và Angola từ ngày 14 đến 23.3. Đây là chuyến đi thăm vùng nam Phi đầu tiên của một bộ trưởng ngoại giao Việt Nam (Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Nam Phi tháng 12.1993). Chuyến đi còn có mục tiêu tìm hiểu những khả năng thương mại với các nước trong vùng.

✓ Việt Nam đã hoàn thành giai đoạn đầu của việc gỡ mìn do Trung Quốc gài lại ở 6 tỉnh biên giới trong cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc năm 1979, giải phóng 2 000 ha đất cho phép tái định cư 9 000 gia đình đã phải dời đi, và thiết lập 73 trạm biên phòng, mở thêm 21 đường thông thương với Trung Quốc.

✓ Úc đã quyết định viện trợ cho Việt Nam một khoản tiền 7,5 triệu đôla dành riêng cho công tác trị thủy ở đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài việc xây các cơ sở điều hoà nước lũ, chương trình viện trợ của Úc còn bao gồm việc giúp nông dân trong vùng cải tiến kỹ thuật quản lý nông nghiệp và đa dạng hoá sản xuất.

✓ Xunhasaba, cơ quan quốc doanh xuất nhập sách báo và văn hoá phẩm đã thông báo sẽ tổ chức một hội chợ sách quốc tế đầu tiên ở Việt Nam vào cuối năm nay, tại trung tâm hội chợ Giảng Võ, Hà Nội. Xunhasaba hy vọng thu hút được khoảng 200 nhà xuất bản Âu, Á, Mỹ đến hội chợ.

✓ 15 thanh niên Hà Nội, phần lớn dưới 25 tuổi, đã bị xử phạt từ 8 tới 20 tháng tù giam về tội khuấy rối trị an bằng cách tổ chức và tham gia những cuộc đua mô tô bất hợp pháp trên đường phố. Phong trào đua xe hoang dại này đã làm thiệt mạng 15 người tính từ mùa thu năm ngoái, 6 tay đua và 9 người xem. Khoảng 60 người khác bị thương. Một cảnh sát đã bị tử thương trong một cuộc xô xát với những tay đua hồi tháng 5 năm ngoái.

✓ Nữ tài tử Kiều Chinh, hiện sống ở Los Angeles, đã xác nhận với báo chí Mỹ, bà sẽ trở về thăm quê hương trong tháng 4 này. Cùng nhà báo Mỹ Anderson, một cựu chiến binh ở Việt Nam từng bị bắt làm con tin ở Liban, bà sẽ khánh thành một ngôi trường gồm 12 lớp học ở vĩ tuyến 17, trong vùng phi quân sự trước đây.

✓ Hạn hán từ tháng 10.94 tới nay đã gây thiệt hại nặng cho 12 000 ha cà phê và hơn 5 000 ha ruộng lúa của tỉnh Đắk Lắk. Theo những ước tính đầu tiên, giá trị nông sản mất đi lên tới 600 tỉ đồng (gần 60 triệu đôla).

✓ Theo báo Lao Động ngày 14.3, một bản báo cáo của bộ Lao động và xã hội ước lượng trị giá ma tuý tiêu thụ mỗi ngày ở Việt Nam lên đến 400 000 đôla (gần 150 triệu đôla mỗi năm). Số người nghiện ma tuý, phần lớn ở tuổi 25-35, ước khoảng 180 000.

Thư Hà Nội

N.S.P.

3.1995

Dễ đến cả năm rồi tôi không viết thư sang. Như đã nhấn miệng, tôi bị người ta theo dõi khá chặt, nên phải án binh bất động một thời gian. *Người ta* đây không phải là A18 hay A25 của Bộ nội vụ, mà là *Tổng cục 2*.

Tổng cục 2 là cơ quan tình báo của Bộ quốc phòng. Chắc các anh chị chưa nghe nói tới cái tổng cục này. Nó cũng mới ra đời thôi : nói cho chính xác, nó mới được nâng cấp từ *Cục 2* lên *Tổng cục 2*. Thật là kỳ cục : trong suốt nửa thế kỷ, Quân đội Nhân dân Việt Nam phải đương đầu với bao nhiêu quân đội ngoại xâm, thù công tác tình báo do một *cục* đảm nhiệm. Bây giờ đất nước hoà bình, quân đội Việt Nam đã rút khỏi Lào và Campuchia, giảm quân số, phục viên hàng chục vạn người, người ta bày ra cả một *tổng cục* để theo dõi ai vậy ? Hỏi tức là trả lời : đó là cái lôgic của bệnh Tào Tháo, nhìn ai cũng thấy địch, nhìn đâu cũng tưởng tượng ra *âm mưu diễn biến hoà bình*.

Việc bành trướng cục quân báo và dùng nó để rình mò theo dõi cán bộ các cấp tự nó là một hiện tượng nghiêm trọng, bộc lộ tâm địa của bộ phận bảo thủ nhất trong lãnh đạo, và đang gây bất bình (dù mới chỉ ngấm ngấm) trong hàng ngũ cán bộ. Song, khách quan mà phân tích, nó cũng thể hiện một mâu thuẫn trong nội bộ khối an ninh – quân sự : phe quân đội (Lê Đức Anh, Đoàn Khuê) muốn đưa tướng Lê Khả Phiêu thay thế Bùi Thiện Ngô làm bộ trưởng nội vụ nhưng gặp sự phản đối của phía công an. Dùng *Tổng cục 2* của quân đội cũng là vì họ không nắm được cục tình báo của bộ nội vụ.

Bản thân phe quân đội cũng không giữ được sự nguyên khối (*monolithisme*) của nó trước những yêu cầu trái ngược nhau. Thí dụ điển hình nhất là trong cuộc họp mới đây của Bộ chính trị, tướng Anh (chủ tịch nước) đã phải dẹp tướng Phiêu (nguyên chủ nhiệm Tổng cục chính trị Bộ quốc phòng). Sự việc diễn ra như sau : trong hai tháng đầu năm, nhà nước đã lạm chi 200 tỉ đồng (thất thu thuế : riêng ở Hà Nội, ước tính thất thu 60 % ; lạm phát hai tháng đầu đã lên tới 6,6 %, tức là 2/3 tỉ số lạm phát 10 % cho cả năm 1995 mà Nhà nước đã đặt làm mục tiêu), nên nhất thiết phải cắt giảm ngân sách. Thế mà phía Đảng lại tiếp tục đề ra những *chương trình ưu tiên* đòi hỏi nhiều kinh phí như *chương trình Bà mẹ anh hùng*, đợt vận động chính trị *Mừng Xuân mừng Đảng*. Tướng Phiêu đòi một số tiền lớn cho quân đội chuẩn bị kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng miền Nam. Tướng Anh là người phụ trách đường lối đối ngoại kiểu *Nguyễn Cơ Thạch* mà không có *Nguyễn Cơ Thạch* đã phải tốp tướng Phiêu : *ta đang thiết lập quan hệ với Mỹ mà các anh muốn gì vậy ? kỷ niệm linh đình không những tốn kém mà còn gây khó khăn trong quan hệ với Mỹ*.

Nói đến tướng Anh, tôi cũng xin mở ngoặc lưu ý các anh chị về vụ hơn 1000 ngôi nhà xây trái phép trên đê (xem bài

trang 6 số này, DD). Báo chí (như *Lao Động*, 28.2) đã đăng phóng sự và hình ảnh ngôi nhà số 71 Yên Phụ, cho biết ngôi nhà này vẫn chưa bị phá đi, vì chủ nhà có ô dù to. Ô dù này chính là đại tướng chủ tịch nước : chủ ngôi nhà ấy là cháu của ông Lê Đức Anh. Nghe đâu chính ông đã viết thư đề nghị hoãn phá để “ điều tra kỹ càng hơn ”.

Bây giờ trở lại chuyện cung đình. Như tôi đã có dịp viết, tương quan lực lượng ở cung đình chủ yếu là sự cân bằng / giằng co giữa ba khối : khối an ninh – quân sự (nói trên), khối tư tưởng và khối kinh tế – chính phủ.

Khối tư tưởng vừa qua bận rộn “ lãnh đạo ” đại hội của chín, mười hội văn hoá, nghệ thuật, báo chí. Kết thúc đợt này là đại hội thứ năm của Hội nhà văn, họp trung tuần tháng 2 (riêng Hội điện ảnh hoãn họp cho đến khi nhà nước vạch ra được chính sách điện ảnh). Khối tư tưởng có thể tự mãn vì đại hội Hội nhà văn đã “ thành công mỹ mãn ” theo nghĩa nó đã bầu ra một ban chấp hành hoàn toàn ngoan ngoãn, gồm 5 người, với tổng thư ký là Nguyễn Khoa Điềm, nguyên trưởng ban văn hoá văn nghệ Thừa Thiên, mới ra Hà Nội làm thứ trưởng Bộ văn hoá. Nhưng thắng lợi đó cũng như cái lá nhỏ, khó mà che đậy một sự thật thê thảm : một hội nhà văn của Đảng và của Nhà nước, như nó có từ mấy chục năm nay, ngày nay không thể tồn tại nữa. Nhiều nhà văn như Nguyễn Ngọc, Nguyễn Khải (uỷ viên ban chấp hành cũ) không đi họp. Một ông bạn nhà văn vốn cẩn trọng đến mức không chịu nổi, gặp tôi đã thốt lên : “ *Đây là buổi chợ chiều của Hội nhà văn* ”. Chợ chiều chưa vãn, tôi gặp một nhà thơ (từ Thành phố ra họp). Tôi hỏi : đại hội họp chưa xong mà chị lại đi dạo 36 phố phường như thế này ? Chị trả lời : “ *Tôi đã cố gắng hết sức mà vẫn không thể nào ngồi đó đến phút cuối cùng* ”.

Sự yên ắng của văn nghệ sĩ thật ra không làm cho các quan chức phụ trách tư tưởng yên tâm. Họ đang bực mình theo dõi lãnh vực nghiên cứu khoa học xã hội. Một số chương trình nghiên cứu đang đặt lại vai trò của những nhân vật cấm kỵ của lịch sử (cận đại) như Quang Trung, (hiện đại) Trường Chinh, Lê Duẩn (tất nhiên, họ làm còn nhẹ nhàng). Một số bài báo được công bố, đề cập khách quan những nhân vật một thời bị lên án hay lãng quên như tướng Nguyễn Sơn, Nguyễn Hữu Đang, Gia Long. Người ta cũng bắt đầu công khai nói tới sự đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Alexandre de Rhodes... trong những cuộc hội thảo.

Thế lực của khối tư tưởng đã tụt thêm một bước trong dịp Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Mục đích hội nghị này là bàn về vấn đề *nhà nước pháp quyền và định hướng xã hội chủ nghĩa*. Dự trù họp từ tháng 12.94, các bản dự thảo phải viết đi viết lại nhiều lần, vẫn bị phản đối, mãi đến ngày 16.1.1995 mới họp. Đây là một cuộc họp mở rộng, ngoài các uỷ viên trung ương, có mời cả các bí thư tỉnh uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, một số thứ trưởng, cán bộ về hưu (cả tướng Võ Nguyên Giáp). Rốt cuộc, trái núi để ra con chuột, không thông qua được văn kiện nào quan trọng. Các nhà lý luận dưới trướng của hai ông Đào Duy Tùng và Nguyễn Đức Bình không tài nào viết ra nổi một văn kiện để triển khai một cách có bài bản cái gọi là “ định hướng xã hội chủ nghĩa ”. Ấy thế mà mỗi lần nói đến “ nhà nước pháp quyền ” thì họ đòi kèm theo mấy chữ “ xã hội chủ nghĩa ”. Tay phải chưa kịp đưa ra cái gì, thì tay trái đã vội giằng lại.

(xem tiếp trang 9)

Phát triển trong ổn định

Vấn đề gốc rễ

bù mộng hùng

Từ vài năm gần đây quan hệ họ hàng được khôi phục, sôi nổi và tích cực. Quyên góp tiền làm giỗ, tế tổ, xây lăng mộ, làm nhà thờ, chép gia phả, di nhận họ, ... Một hiện tượng xã hội đáng chú ý.

Người ta vội vã đi tìm, kính cẩn dựng lại những giá trị cổ truyền đã bị đè nén, xem khinh, rẻ rúng suốt một thời gian khá dài. Động lực thúc đẩy người ta bỏ công, bỏ của ra để làm sống lại những hình thức xa xưa ấy là gì? Nếu không là, chẳng ít thì nhiều, mỗi thiết tha được an tâm mà thấy rằng vẫn còn đó những mối quen thuộc đời đời truyền lại cho nhau. Được yên lòng tự nhủ rằng cái tình nghĩa họ hàng, nó đã sống lại đó, như một bảo vật, bền vững như thuở nào.

Quả là xưa kia, tình nghĩa họ hàng là một bảo vật. Chít ít thì cũng là một đảm bảo nào đó cho mỗi cá nhân được đùm bọc, được che chở. Chẳng những trong cái xã hội khép kín sau lũy tre làng, không may xảy mẹ thì còn bú dì. Mà cả một khi phải bước vào cái thế giới mênh mông xa lạ bên ngoài làng xã quen thuộc: Một người làm nên cả họ được nhờ, có thân nhân áo gấm quê người làm nơi nương tựa thì chẳng phải lâm vào tình cảnh khắc khoải của kẻ tú cố vô thân.

Những nỗi bấp bênh thân phận

Đi tìm lại tình nghĩa họ hàng, một trong những hành vi – mà động cơ nhiều hay ít ẩn trong tiềm thức hơn là ý thức rõ ràng – đi đôi với tâm trạng khắc khoải cho tương lai. Một tâm trạng khác hẳn với hồi những năm 80. Vào cái thời mới gần đây thôi mà đã xa xôi ấy, tương lai đen tối, nếu không được cảm nhận như hoàn toàn bế tắc. Ngày đó, nhiều người chỉ còn biết ngong ngóng nhìn ra khơi, vọng về những châu Mỹ, châu Âu huyền thoại. Ngày nay có khác. Cũng đổ xô đi học tiếng Anh, học ngoại ngữ. Nhiều còn hơn xưa, nhưng chẳng phải dành để vượt biên, mà là vì ngoại ngữ không thể thiếu trong công ăn việc làm.

Khác với những năm thập kỷ trước, tương lai hôm nay là nơi đây, trong nước.

Tuy nhiên, trùng trùng những khắc khoải, lo âu. Cái tương lai thấy đó, có được mấy phần cho bản thân, cho thân nhân mình hay không? Đáp số, lấy gì mà lường trước được? Chỉ biết hỏi nơi bói toán, biết cầu xin uy lực huyền bí của thần phật linh thiêng phò hộ độ trì. Xem bói, xem kinh dịch, thờ thần tài, lễ đền lễ chùa... từng từng lớp lớp đổ xô theo, từ trẻ đến già, từ người buôn bán đến cán bộ đảng viên các cấp.

Vì bấp bênh là thân phận của mọi tầng lớp. Kể cả, nếu

không nói trước hết, cán bộ công nhân viên nhà nước. Từ 1987 – năm mà số lượng đạt mức cao nhất – đến 1992, có đến 860 000 người nghĩa là trên 20% phải ra ngoài biên chế, còn lại 3,2 triệu. Và cứ tiếp tục giảm mạnh, năm nay 1995 con số cán bộ viên chức là 1 129 000. Dự án pháp lệnh công chức chính phủ đệ trình quốc hội tháng chạp 94 còn dự tính loại ra thêm, nhiều hơn nữa...

Đi ra, làm ăn kinh doanh. Phát lên không ít, nhưng nguy cơ trắng tay cũng chẳng nhỏ, đến lúc nào không biết, cho bất cứ ai. Và là chuyện hàng ngày trong mọi ngành buôn bán.

Ngay đầu năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh mấy vụ vỡ nợ lớn ở chợ Soái Kinh Lâm – vụ bà chủ sạp D9 không khả năng chi trả cho hơn 50 bạn hàng số nợ trên 2,6 tỉ đồng nổ ra tiếp theo vụ ông chủ một cơ sở ở quận 6 chuyên gia công in bông cho bạn hàng Soái Kinh Lâm nợ gần 10 tỷ đồng đã “lặn mất tăm” và vài vụ khác nhỏ hơn – gây chấn động trong giới kinh doanh vải, làm điêu đứng hàng trăm chủ sạp trong chợ. Thật ra thì không đợi đầu năm 1995, ngay trong năm 1994 đã xảy ra 12 vụ vỡ nợ bỏ trốn tổng cộng khoảng 21 tỷ đồng ở Soái Kinh Lâm, chợ đầu mối lớn nhất nước, hàng vải từ nhiều nguồn ùn ùn đưa về với những số lượng khổng lồ. Vốn huy động hàng tỷ bạc là chuyện thường, lệ khách bán hàng trả chậm, chơi hụi giao kèo “miệng” hoặc ghi trên tờ giấy thuốc lá. Hụi bể, nợ dây chuyền, doanh nghiệp kéo theo nhau mà suy sụp (Tuổi Trẻ 17.1.95).

Chuyện chẳng riêng gì một chợ Soái Kinh Lâm. Tại chợ bán hàng bách hoá Kim Biên có ba vụ vỡ nợ lớn trong năm 94, tại chợ Bình Tây không đầy bốn tháng từ tháng 10.94 đến tháng giêng 95, đã bảy vụ vỡ nợ xảy ra, ba chủ sạp đều là doanh nhân hàng sắt bỏ trốn còn trong vòng truy tìm.

Nguyên nhân vỡ nợ chủ yếu thường là do chơi hụi, đi vay với lãi suất cao mà hàng hoá lại phải bán chịu, tiền thu lại không kịp...

Lãi suất cao, cạnh tranh gay gắt, chính đáng và không chính đáng như những đợt hàng lậu nhập ồ ạt, cũng là nỗi khổ tâm của không ít vị giám đốc công ty. Nhìn vào bề thế. Nhưng cổ đông trong nước chẳng giống như ta thấy thông thường ở các nước công nghiệp ăn chia theo phần lãi của doanh nghiệp. Mà thực chất là lấy lời với tỷ suất lãi cố định trên phần vốn họ hùn vào công ty. Rủi gặp lúc thua lỗ, giám đốc vẫn cứ phải rặn rặn hàng tháng ề cổ ra trả số tiền lời. Thị trường trời sụt, mà đó là chuyện thường, giám đốc bụng trong tái tê, mặt ngoài vẫn phải điềm nhiên vung tiền chiêu đãi vương giả. Vậy mới tạo được ấn tượng xí nghiệp sung túc, để bề vay mượn giựt gấu vá vai qua những bước ngặt nghèo.

Nhà nông, chiếm 78% dân số Việt Nam, thân phận ra sao đã được đề cập trước đây (ĐĐ số 25, 12.93). Chỉ nhắc một chuyện trong năm vừa qua. Khắp đồng bằng sông Cửu Long, từ Bến Tre đến Minh Hải, tôm ngả ra chết hàng loạt. Kim ngạch tôm xuất khẩu lẽ ra đạt 550 triệu USD sụt còn 485 triệu (Tuổi Trẻ 10.12.94). Bị thiệt nhất là người nông dân đi vay tiền để nuôi tôm. Nhiều gia đình trắng tay. Tổn thất của họ tính ra gần 300 tỷ đồng (khoảng 27 triệu USD).

Xin được mở ngoặc để nói rằng nguyên nhân tôm bệnh đã tìm ra: yếu tố chính là môi trường bị hư hoại nặng. Từ Bến Tre

đến Minh Hải 70% mẫu nước thử nghiệm bị ô nhiễm thuốc trừ sâu quá mức cho phép để nuôi thủy sản. Ven theo bờ biển, 90% điểm khảo sát ở mức báo động vì nhiễm dầu do tàu bè thải ra. Nguyên nhân đã được xác định, biện pháp ngăn chặn thì chưa có gì : tôm chết là vấn đề của bộ Thủy sản, còn vấn đề thuốc trừ sâu lại thuộc bộ Nông nghiệp, v.v.. và v.v... Chuyện tôm chết chẳng trực tiếp trách nhiệm của mình, các bộ bình chân như vại. Người dân cứ việc bấm bụng mà ở đó chờ các bộ trách nhiệm phối hợp hành động với nhau.

Xin đóng ngoặc, để trở lại thân phận bấp bênh của người dân, đủ mọi tầng lớp. Điều đó không lạ nếu ta nhìn vào tỷ số người sống dưới mức nghèo khó trong nước hiện nay. Theo người phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Ngân hàng thế giới ông Peter Stephens, xét theo tiêu chuẩn qui định của quốc tế, tỷ số đó là 51% (ĐD số 39, 3.95 tr.4).

Cứ hai người thì một ở trong cảnh dưới mức nghèo khó. Kể cả vùng đồng bằng sông Cửu Long, khu vực trù phú của Việt Nam. Một nửa dân tộc quá sức nghèo, sức tiêu thụ chung cả nước yếu. Một trận thiên tai – một vụ lũ lụt kéo dài năm qua ở miền Tây Nam bộ – là sức mua các loại hàng hoá như vải vóc có thể tạm gác được, sụt trông thấy ngay. Chủ hàng phải vội cạnh tranh nhau mà giảm giá, bán gối đầu, bán chịu số lượng lớn mong giải phóng hàng nhanh. Cứ thế mà nợ nần sinh sôi nảy nở, vỡ nợ kéo theo nhau như ta thấy ở đoạn trên...

Câu hỏi lớn

Có đáp ứng được chăng, những mối quan hệ tương thân tương trợ của một xã hội nông nghiệp cổ truyền – như quan hệ họ hàng làng xã – trước những bấp bênh do cơ chế thị trường ngày nay gây ra ?

Vấn biết rằng cũng có những trường hợp người có quyền có chức, kéo họ hàng làm bè cánh mà tác oai tác phúc, xây nhà xây cửa làm giàu làm có. Nhưng nói chung, chỉ xét qua một vài bất trắc mà trong đời một người không mấy ai chắc là tránh khỏi, như một cơn bệnh là đủ rõ. Chẳng phải đợi đến bệnh trầm kha, chỉ một cơn đau ruột thừa phải vào viện mổ, những nhà vừa vừa bậc trung đã phải cho một vài đồ vật trong nhà, cái TV, cái vidêô bay vào tay người khác...

Vâng, trân trọng thì thật đáng trân trọng, những tình cảm, những quan hệ truyền thống đáng quý. Nên và phải bảo tồn. Nhưng quả là chúng quá bất cập, trước những bất trắc của hiện tình xã hội ngày nay, phức tạp và hệ quả không còn ở những tầm mức của một xã hội nông nghiệp cổ truyền. Cần phải có những quan hệ mới.

Ừ, thì trong nước đã chẳng bắt đầu đặt những quan hệ mới đó, chẳng bước đầu có bảo hiểm xã hội là gì ? Chẳng thấy nhiều nhà kinh tế học trong và ngoài nước lên tiếng khuyến cáo nhà nước phải lo đến vấn đề xã hội, như y tế, giáo dục, chẳng thấy mấy năm nay ngân sách nhà nước dành cho những ngành đó đã tăng đó sao ?

Xin nói ngay rằng kẻ viết những hàng này cũng nghĩ rằng cần có ngay một số biện pháp như vậy. Chỉ xin đặt lại căn bản vấn đề trong những điều kiện riêng của nước Việt Nam.

Vì vậy đi vào bề sâu, không nói đến kỹ thuật đã có lần bàn sơ lược cho y tế, bảo hiểm xã hội (ĐD số 32, 7.94, tr. 22-

26 và 33, 9.94, tr. 16-19). Sâu hơn cả vấn đề lối nhìn. Dù rằng không ít chuyện phải nói về cách nhìn phổ biến của quan điểm thực dụng xem giáo dục, y tế chỉ như là những phương tiện phục vụ cho phát triển kinh tế. Với quan điểm ấy, nhìn mọi vấn đề một cách công cụ – con người cũng chỉ là một công cụ không hơn không kém, mục đích tối hậu của công cuộc gìn giữ sức khoẻ dạy cho kỹ thuật không ngoài tăng hiệu quả kinh tế – thì rồi đây có lúc đánh rơi mất con người thật bằng xương bằng thịt có tim có gan lúc nào cũng không biết.

Xin cũng được vượt qua vấn đề tình trạng còn thiếu sót của pháp luật, thể chế. Để bàn tới cái tinh thần làm gốc rễ cho mọi quan hệ xã hội trong bất cứ nền văn hoá nào xứng đáng với cái danh nghĩa của nó : **sự tôn trọng con người**.

Thử xét xem trong xã hội ta hiện nay con người được đối đãi như thế nào ?

Con người, công dân, trong thực tại

Nhân dân làm chủ. Ai cũng biết. Xin xét qua một số sự kiện thực tế trong đời sống hàng ngày, xem người chủ nhân ông của đất nước này gặp cung cách đối xử ra sao.

Như một khi bước vào bệnh viện. Chỉ xin ghi lại một sự kiện con con, Kim Sơn kể trong mục *Sổ tay* (Tuổi Trẻ 7.1.95). Trong cơ quan của Kim Sơn, đợt khám sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên vào tháng 12 năm 1994 phát hiện ra hai trường hợp tương tự nhau. Chị T. và chị N.

Chị T. năm 1988 sinh con đầu lòng. Bác sĩ đặt vòng, không hỏi ý kiến chị. Bị rong huyết, đến năm 1990 chị đến một trung tâm kế hoạch hoá gia đình xin lấy vòng cũ thay vòng mới. Vẫn rong huyết. Năm 1992 chị xin rút vòng ra. Vẫn cứ còn rong huyết hoài. Khám bệnh trong cơ quan kỳ này chẩn đoán bằng siêu âm phát hiện ra chị T. còn mang một vòng trong tử cung. Té ra hồi năm 1988, bác sĩ chẳng những đã đặt lên, lại còn bắt chị mang hai vòng tránh thai. Cho chắc ăn. Chị N. trước đây đặt vòng ở bệnh viện D., bị rong kinh, trở lại xin lấy vòng ra. Đến khi muốn có con, mãi mà không có được. Phải đi chữa vô sinh cũng ở bệnh viện D. Chưa thấy kết quả gì. Đến kỳ khám sức khoẻ này chị mới hay là còn mang trong mình một vòng thứ hai mà chị không hề biết.

Thì ra, có chuyện như đùa xảy ra trước đây ở một số xã vùng xa, đặt vòng tránh thai, miễn phí còn phát kèm đường, sữa bồi dưỡng để đạt chỉ tiêu kế hoạch. Các bà đến, bác sĩ không khám xem đã có vòng hay chưa, cứ nhắm mắt mà đặt, sao cho đạt chỉ tiêu số lượng. Có người vì vậy mà một mình mang hai vòng. Nhưng chuyện Kim Sơn kể xảy ra cho cán bộ nhân viên nhà nước tại bệnh viện nơi thị tứ trung tâm.

Mà chẳng phải là những trường hợp cá biệt. Theo số liệu của một bệnh viện chuyên khoa đầu ngành, trong số bệnh nhân điều trị tại khoa vô sinh trong năm 1993 có 3,5% người bị đặt vòng mà chẳng hề được biết.

Một số kẻ, vì là thầy thuốc, cho mình cái quyền tự tiện xâm phạm vào thân xác người đặt lòng tin vào đạo lý nghề nghiệp của y sĩ. Vô tội vạ. Điều này mới đáng lấy làm lạ. Một điều thuộc về vấn đề tiên quyết đặt ra trước khi bàn đến tổ chức, phương tiện cho hệ y tế, hệ bảo hiểm xã hội v.v... Vì là vấn đề tinh thần.

Tinh thần thấy trong bệnh viện chỉ phản ánh một số mặt tinh thần thấy trong xã hội. Tinh thần của một số người có

chức có quyền đối với con người, đối với người công dân, với thân xác họ, tính mạng họ là gì ?

Câu hỏi không thể không lay lắt trong đầu trước một số việc mắt thấy tai nghe hàng ngày ở khắp nơi.

Xin không nói tới những việc nóng bỏng, dư luận còn quá sôi nổi để có đủ bình tâm mà nhận định. Chỉ nêu một trường hợp đã có chút lắng đọng với thời gian trôi qua.

Ngày 27.3.1979 phó ty công an Minh Hải Nguyễn Ngọc và Thái Văn Hùng bắn chết anh Lữ Anh Dối rồi vu cáo cho anh tội phản quốc. Vì tội đó, anh Dối vốn là một đảng viên bị mất đảng tịch, vợ anh chị Nguyễn Thị Mai giáo viên bậc một bị thôi việc.

Chị Mai chạy vạy khiêu nại trong hơn chín năm bốn tháng, vụ án mới được đem ra xét xử vào tháng 8. 1988. Qua bốn phiên toà, sau ba lần định thay đổi tội danh giết người của Nguyễn Ngọc, cuối cùng Nguyễn Ngọc bị kết án 20 năm tù giam, bồi thường mọi thiệt hại cho gia đình anh Lữ Anh Dối. Thái Văn Hùng cũng lãnh án 18 năm tù giam.

Thế rồi, mới ba năm sau Thái Văn Hùng đã được trả tự do. Nhưng chị Mai, một mình một gánh con thơ cha mẹ ruột bố mẹ chồng đã quá tuổi 70 lại ốm đau, thì vẫn cứ chạy vạy tiếp tục gởi đơn khiêu nại tới các vị lãnh đạo, các cấp toà án, báo chí. Vì bản án không được thi hành tới nơi tới chốn. Tỉnh uỷ Minh Hải ngày 12.7.91 có phục hồi đảng tịch cho anh Lữ Anh Dối. Ngành giáo dục có cho chị Mai trở lại làm việc. Nhưng chỉ có bấy nhiêu mà thôi.

Các quyết định khác của bản án : giải quyết chế độ, chính sách cụ thể và các khoản bồi thường gồm tiền thu nhập bị mất của anh Dối trong thời gian năm năm, của chị Mai trong ba năm, tiền bồi thường tính mạng và chi phí mai táng cho anh Dối vẫn là chuyện nằm trên giấy tờ. Không biết rồi chị Mai còn phải chờ đợi đến bao giờ (Tuổi Trẻ chủ nhật 16.2.92).

Cứ như là có hai công lý. Công lý cho kẻ có chức có quyền. Cố ý giết người, vu oan giá hoạ làm cho một gia đình vô tội phải lâm vào cảnh khốn cùng, mà cứ nhón nhờ chín mười năm trường. Đến lúc không còn thể tránh ra toà được, thì có những thế lực tìm hết cách giảm nhẹ tội danh cho. Có bị kết án, tiếng là bị giam mười tám hay hai mươi năm, mới đây một phần sáu thời gian phải bị cấm cố, một tội phạm đã được tự do...

Còn người thường dân bị oan khiên thì cứ ở đó mà ngâm đắng nuốt cay năm này qua năm khác. Quyết định của toà án chẳng khác nào tờ giấy lộn lừng.

Khi công lý không ra công lý thì con người trong bất cứ nền văn hoá nào cũng không khỏi cảm thấy mình bị xem rẻ. Tài sản, tính mạng, nhân phẩm mình chỉ là những đồ vật chẳng ra gì. Người ta chà đạp, xâm phạm, cướp đi lúc nào cũng được. Không biết trông cậy nơi đâu.

Không thể viện cớ khác biệt văn hoá mà xem nhẹ sự tôn trọng con người. Nhận thức có thể dị đồng, trong nền văn hoá này hay nền văn hoá kia. Tài sản, tính mạng, nhân phẩm con người bị xâm phạm vô tội vạ, có nơi cảm nhận như một sự dung túng cho kẻ ác. Có nơi nhận định người công dân không được công lý che chở, quyền công dân bị dày xéo. Nhưng trong bất cứ văn hoá nào cũng là trái với đạo lý. Cầm phần lòng người. Nổ bùng ra lúc nào không biết.

Tia lửa giữa thảo nguyên

Người Hà Nội được mục kích một trận bùng nổ như vậy, công an hoàn toàn bị bất ngờ. Ngày 14.12.1994. Toà án Hà Nội xử phúc thẩm vụ cảnh sát viên Nguyễn Tùng Dương giết người cướp của trong khi hành nghề.

Kỳ xử sơ thẩm đã phải hoãn lại hai lần “ vì những lý do kỹ thuật ”, dư luận người dân Hà Nội lo ngại viên cảnh sát được bao che, hàng ngàn người đã kéo nhau đến để theo dõi phiên toà, ngồi đầy phòng xử, tràn ra ngoài đường. Trước sức ép của dư luận, toà sơ thẩm kết án tử hình ngày 21.10.94.

Đến kỳ xử phúc thẩm này, tin đồn Nguyễn Tùng Dương có thể được giảm án vừa loãn đi, hàng nghìn dân Hà Nội, có nguồn ước lượng khoảng tám nghìn người, tụ tập trước toà án. Cảnh sát giải tán không nổi, tung lựu đạn cay, dân nhát đá ném lại, đùng độ nổ ra. Cuối cùng, toà phúc thẩm giữ y án tử hình mới tạm yên.

Người dân ta vốn tính ẩn nhẫn, chịu đựng. Nhưng con giun xéo mãi cũng quằn. Phần nộ nổ ra. Lúc nào không biết. Như tia lửa trong đồng cỏ.

Có người trong sạch, đạo đức trong hàng ngũ lãnh đạo Việt Nam. Điều đáng quý trong bất cứ xã hội nào. Nhưng tránh sao cho khỏi có những kẻ đạo đức mồm, việc làm chẳng đi đôi với lời nói. Che mắt thế gian, nhưng che dây sao được những ai chung sống dưới một mái nhà. Ta chẳng thấy có những con cháu kẻ có chức có quyền, nhâng nháo xem khinh đạo lý, cái đạo lý mà họ thường thấy trước mắt bị chà đạp vô tội vạ bởi những người trưởng thượng. Nói đạo đức bao nhiêu, cái ấn tượng xã hội giả đạo đức càng thêm nặng nề bấy nhiêu.

Đạo đức cá nhân thôi, không đủ, nếu sự tôn trọng con người, căn bản của đạo lý trong xã hội, không được thể hiện cụ thể qua pháp luật, qua thể chế, ngăn chặn các hành vi xúc phạm đến con người, đến công dân.

Khi công lý không nghiêm minh công bằng, khi sự giả dối còn tiềm tàng trong thể chế, người dân được tiếng là có đại diện ở các cấp, từ xã, qua huyện, tỉnh, đến quốc hội của cả nước, thực tế cứ thấy mình thấp cổ bé miệng, mọi việc hệ trọng đến đời sống hàng ngày những ai ai quyết định trên đầu trên cổ mình, tiếng nói, tâm tư, quyền lợi của mình không biết lấy ai bảo vệ, thì không thể không có phản ứng. Thụ động, bằng cách chẳng buồn để vào tai nghị quyết của đảng cầm quyền, bằng cách lảng lạng mà không thêm bỏ thăm cho một số đảng viên lãnh đạo như việc đã thấy trong kỳ bầu cử hội đồng nhân dân các tỉnh và thành phố vừa rồi.

Nhưng chính vì thụ động mà uất ức cứ chất chứa mãi trong lòng, cho đến khi tức nước vỡ bờ bùng nổ bất ngờ, như ta đã thấy trong vụ xử án Nguyễn Tùng Dương. Những tia lửa có thể làm thảo nguyên bốc cháy, tàn phá công trình tích lũy xây dựng của cả xã hội. Nếu gặp lúc đồng khô. Những tình huống đồng khô cỏ héo – thời tiết không thuận tiện, mất mùa kéo dài, kinh tế suy thoái, làm ăn khó khăn dù là giai đoạn... – có trời mà đoán trước. Nhất là trong thời buổi xã hội đang chuyển biến gia tốc như hiện nay.

Ngăn ngừa đồng cỏ bốc cháy, yếu tố chính làm gốc rễ cho ổn định xã hội là đạo lý, là sự tôn trọng con người, được thể hiện cụ thể qua pháp luật, thể chế.

bùi mộng hùng (3.95)

Thư của ông LÊ GIẢN gửi Bộ Chính trị Trung ương ĐCSVN

Trong nước hiện đang truyền tay bản chụp bức thư viết tay của ông Lê Giản gửi Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Lê Giản là một cán bộ lão thành, năm nay khoảng 83 tuổi. Dưới thời thuộc địa, ông bị chính quyền thực dân đày sang đảo Madagascar. Trong thế chiến II, ông liên lạc với đồng minh (quân đội Anh) và được chuyển qua cơ quan tình báo chiến lược Mỹ OSS để được huấn luyện trước khi thả dù về Việt Nam. Ông mang điện đài, tài liệu và tiền về chiến khu Việt Minh, được chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho việc thành lập ngành công an. Ông làm tổng giám đốc Nha công an Việt Nam từ năm 1946 cho đến năm 1950, khi cố vấn Trung Quốc sang Việt Nam, thì bị "chuyển công tác". Từ đó, ông làm việc ở Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát trung ương cho đến khi về hưu. Từ những năm 1980, ông đã viết nhiều bài báo và tham luận tố cáo nạn tham nhũng, chuyên chế, tình trạng "đột từ nóc đột xuống". Dưới đây, chúng tôi đăng toàn văn lá thư của ông Lê Giản.

Hà Nội ngày 8-12-1994

Kính gửi Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam

Thưa các đồng chí,

Hai ngày 14 và 15 tháng 11-94 vừa qua, tôi được nghe giới thiệu và tham gia góp ý kiến về hai dự thảo văn kiện chuẩn bị Hội nghị Trung ương VIII. Tôi đã trình bày một số ý kiến. Trong đó, có một số suy nghĩ về nguyên nhân Nhà nước Liên Xô tan rã. Mấy ngày gần đây, tình cờ, tôi được đọc tập sách 100 trang của đồng chí Nguyễn Đức Bình *Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh* xuất bản tháng 9 năm 1994.

Đọc xong, tôi cảm thấy không yên tâm và lo lắng về công tác tư tưởng của Đảng ta. Tôi rất phấn khởi về Đại hội VII và nhiều thành tựu mà sự nghiệp đã đạt được trong ba bốn năm qua về đối nội và đối ngoại với đường lối Việt Nam sẵn sàng làm bạn với các nước trên thế giới trên cơ sở hoà bình, độc lập và phát triển; xã hội nước ta xây dựng một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa khoa học nhằm làm cho đất nước giàu có, công bằng, văn minh...

Nhưng đọc xong đồng chí Nguyễn Đức Bình, cảm giác đầu tiên và ấn tượng sau đó là: Đường lối Đại hội VII có

còn được tôn trọng không?

Tôi đặc biệt chú ý đến những đoạn đề cập đến những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của Nhà nước Liên Xô, cả về thái độ của tác giả và nội dung lập luận.

I.

Trước hết, hãy nói về thái độ. Chỉ xin nêu một vài dòng ở trang 28 phê phán các nhà lãnh đạo Liên Xô từ những năm 59 đến năm 1991: «...Xét cho cùng chính bọn cơ hội, xét lại và phản bội, sự mất cảnh giác trong hàng ngũ những người cộng sản đã tạo cơ hội cho chủ nghĩa đế quốc chiến thắng mà không cần đến chiến tranh». Tất nhiên là còn nhiều đoạn khác với sự thiếu khiêm tốn và chụp mũ cũng tương tự.

Từ những năm 50 đến 1991 nhiều văn kiện của Đảng ta đã đánh giá Đảng Liên Xô như thế nào?

Năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: « Những biện pháp kiên quyết mà Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đã áp dụng để khắc phục tệ sùng bái cá nhân và hậu quả của nó là một gương sáng về tinh thần dũng cảm chưa từng có trong lịch sử » (*Tuyển tập Hồ Chí Minh*, Sự Thật, 1960, tr. 593).

Đến Đại hội III (1960), đồng chí Trường Chinh trong tham luận về công tác tư tưởng viết: « Nhờ Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô, Đảng ta đã chủ trương sửa sai trong Cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức ».

Và cho đến Đại hội VI (1986) bài diễn văn khai mạc và Báo cáo chính trị đã trân trọng đánh giá Đại hội XXVII như thế nào?

Nghĩ rằng các đồng chí Bộ chính trị và đồng chí Nguyễn Đức Bình còn nhớ nhiều hơn nữa. Chỉ xin gợi lại một vài việc trên đây làm cơ sở để rút ra kết luận về tập sách nêu trên kia.

II.

Về nội dung. Luận văn của đồng chí Nguyễn Đức Bình làm nảy ra cảm giác là tác giả có quá ít thì giờ để tìm hiểu kỹ hơn về khoa học Mác-Lênin, về lịch sử Liên Xô và lịch sử Đảng Liên Xô cũng như lịch sử Đảng ta.

1. Khoa học Mác-Lênin được hình thành là dựa trên cơ sở những vật liệu tư tưởng tích lũy của nhân loại từ trước thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX sau khi sàng lọc qua phê phán và phát triển một cách sáng tạo, tuy nhiên khi thảo ra *Tuyên ngôn cộng sản* năm 1848, mặc dầu Mác và Ăngghen đã hoàn thành việc phát hiện duy vật lịch sử song vẫn còn mắc ba sai

lâm cơ bản. Một là chưa biết xã hội nguyên thủy là xã hội chưa có giai cấp, hai là chưa phân biệt được lao động và sức lao động, do đó chưa phát hiện được quy luật giá trị và giá trị thặng dư, ba là đánh giá sai thời điểm cáo chung của chủ nghĩa tư bản lúc bấy giờ. Vì vậy Mác và Ăngghen lại khiêm tốn tiếp tục học hỏi, nhất là kinh tế học, nhờ đó năm 1859 mới để công sức vào viết bộ *Tư bản* và sau 1859, Mác và Ăngghen lại vẫn tiếp tục học hỏi nữa, để đến 1875 mới có được tập *Phê phán Cương lĩnh Gôta*.

2. Lênin, thời Lênin và lịch sử Đảng Liên Xô hiện nay rất cần được tiếp tục nghiên cứu một cách nghiêm túc.

+ Lênin noi gương Mác và Ăngghen lại khiêm tốn học hỏi, đặc biệt là học Mác và Ăngghen. Xin dẫn ra một tỉ dụ trong chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán : « Mác và Ăngghen chú ý nhất đến quan điểm duy vật lịch sử, chú không phải nhận thức luận duy vật. Vì thế trong tác phẩm của mình, hai ông nhấn mạnh vào chủ nghĩa duy vật biện chứng chứ không phải chủ nghĩa duy vật, nhấn mạnh vào chủ nghĩa duy vật lịch sử hơn là chủ nghĩa duy vật » (tr.355).

Tức là muốn bàn đến triết học duy vật lịch sử thì phải học lịch sử.

+ Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô đã được viết ra rất nhiều lần mà hiện nay vẫn bỏ qua đi rất nhiều sự kiện. Xin ghi lại một sự kiện rất quan trọng, đó là : *Quan hệ giữa Đảng và Nhà nước Xôviết*. Cho đến năm 1922, sau tháng Mười 5 năm, Đảng Liên Xô chưa có Ban bí thư Trung ương mà chỉ có Bộ chính trị. Công việc Đảng lúc này thật là bẽ bộn. Lênin đề nghị lập ra Ban bí thư Trung ương để giải quyết các việc sự vụ của Đảng. Song Lênin cũng đề nghị không nên để Stalin làm tổng bí thư. Nhưng Ban chấp hành trung ương Đảng Liên Xô không tìm được ai. Vì vậy mà Lênin vẫn là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, và vẫn chủ trì các hội nghị Bộ chính trị. Đảng có Ban bí thư trung ương song Ban bí thư và Tổng bí thư chỉ giữ trách nhiệm về các công việc sự vụ của Đảng mà thôi, chứ không trực tiếp quản lý việc của Nhà nước Xôviết. Tình hình là như vậy cho đến khi Lênin qua đời (1924). Về sau, sự diễn biến của quan hệ giữa Đảng và Nhà nước Xôviết không còn giữ được như khi Lênin chưa qua đời, do đó Liên Xô từng bước lâm vào nhiều khó khăn ngày càng nghiêm trọng thêm, đó là một nguyên nhân trong những nguyên nhân làm giảm sút nhiệm vụ của nhân dân Liên Xô đối với Đảng Liên Xô, cuối cùng góp phần dẫn đến sự tan rã của Đảng Liên Xô và Nhà nước Liên Xô.

3. Một số sự kiện khác như : Hội nghị đại biểu toàn quốc Đảng Liên Xô năm 1928 xoá bỏ NEP [Chính sách kinh tế mới, chú thích của toà soạn]. Đặc biệt là Đại hội Đảng Liên Xô năm 1934 sau đó trong 139 uỷ viên Trung ương chính thức và dự khuyết thì 98 người bị bắt giam và bị bắn ; trong những năm 1937-1938, 1108 trong số 1966 đại biểu chính thức và dự khuyết của Đại hội bị đàn áp. Mà 60 % các đại biểu này là công nhân đã gia nhập Đảng từ trước Cách mạng tháng Mười và trong những năm nội chiến (xem *L'Histoire du PCUS à la lumière de la mentalité nouvelle* đăng trong *Sciences sociales*, tạp chí của Viện hàn lâm khoa học Liên

Xô số 4, năm 1989, tr. 24-49).

4. Trước khi sang phần III, cho phép tôi được nêu với đồng chí Nguyễn Đức Bình một số câu hỏi có liên quan đến Chương I (tr 10-33) trong cuốn sách của đồng chí. Ở đây đồng chí Nguyễn Đức Bình đã phân tích về nguyên nhân (nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân trực tiếp) sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu (tr. 15-16).

a) Vì sao lại coi đường lối xét lại, phản bội của một số người lãnh đạo cao nhất của Đảng cộng sản Liên Xô là nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp thứ nhất dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu ?

Nói như vậy phải chăng muốn ám chỉ rằng các đảng cộng sản và Nhà nước Đông Âu chẳng qua chỉ là cái đuôi của Đảng cộng sản Liên Xô và Nhà nước Liên Xô ? Đây là sự sơ xuất trong cách viết hay là một nhận định về chính trị của đồng chí Nguyễn Đức Bình ?

b) Tại sao cơ quan lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam lại tự cho mình quyền công khai nhận định phán xét cơ quan lãnh đạo Đảng cộng sản Liên Xô (dù hiện nay ĐCSLX đã bị tan rã) với những lời lẽ quy tội là đường lối xét lại, phản bội vân vân...

Phải chăng đã đến lúc Đảng cộng sản Việt Nam phải công khai đưa ra những lời dạy bảo cho những người cộng sản, cho nhân dân của Liên Xô và các nước Đông Âu hiểu rõ sự kiện chính trị nước họ ?

Điều đó có trái với thái độ khiêm tốn và đường lối của Đảng ta là không can thiệp vào sinh hoạt của các đảng bạn, vào đời sống chính trị của các nước khác không ?

c) Cách nêu nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp thứ hai phải chăng đã nêu lên chiến công to lớn của chiến lược diễn biến hoà bình của đế quốc một cách phổ biến đối với Liên Xô và các nước Đông Âu ? Ở đây tôi không bàn tới sự vắng bóng những dẫn chứng, tài liệu hoàn toàn cần thiết cho mọi sự nghiên cứu, nhận định thực sự nghiêm túc, mà chỉ nói khía cạnh chính trị của nhận định trên đây.

Từ cách nêu nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp thứ hai có thể dẫn người đọc đến nhận định : sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và sự dựng lên những chế độ chính trị sau sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu đều là sản phẩm của chiến lược diễn biến hoà bình của bọn đế quốc.

Cách nhận định như vậy không chỉ là sự đề cao uy thế của bọn đế quốc mà quan trọng hơn chính là sự nhục mạ các chế độ chính trị được hình thành sau sự sụp đổ, nhục mạ nhân dân các nước đó, nhục mạ các chính phủ đã được hình thành sau sự sụp đổ đó.

Tóm lại, với danh vị là một uỷ viên Bộ chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, tác giả cuốn sách được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia in ấn và phát hành, phải chăng đồng chí Nguyễn Đức Bình đã không nghĩ ra rằng đây chính là sự vi phạm nghiêm trọng đường lối chính sách cả về đối nội lẫn đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hay sao ?

III.

Về tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong luận văn của mình, đồng chí Nguyễn Đức Bình nhắc đến lần thứ nhất Đại hội VII chính thức thừa nhận tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho Đảng ta. Nhưng không thấy đồng chí Bình giải thích, chứng minh, đánh giá, phân tích vì sao. Vậy thì đồng chí Bình nghĩ sao về lịch sử Đảng từ trước Đại hội VII mà chỉ thấy ca ngợi “*Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn*”. Sự thừa nhận tư tưởng Hồ Chí Minh một cách chính thức là việc rất đáng mừng, tự nó là một sự tự phê bình rất dũng cảm về hoạt động của Đảng từ sau 3-2-1930 đến nay. Tôi không nên viết dài hơn nữa.

Nhân đọc luận văn của đồng chí Bình, tôi nghĩ rằng : giá đầu đề tập luận văn được đặt là “*khiêm tốn học tập khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng và bức thiết hiện nay*” rồi phân tích chủ đề trên một cách có căn cứ khoa học với thái độ là một người học trò nhỏ thì quý hoá biết bao !

Thưa các đồng chí,

Chúng tôi rất phấn khởi về những thành tựu của Đảng ta từ Đại hội VII đến nay, đặc biệt về kinh tế, phần nào về xã hội chính trị, văn hoá. Nói chung là về cả ngoại giao và đối nội. Tuy nhiên chúng tôi không yên tâm lắm về công tác tư tưởng. Gần đây một số vụ việc như việc đối xử với trí thức, việc đồng chí Hoàng Chí Bảo, việc đồng chí Sơn Tùng¹ được bàn tán nhiều và làm cho nhớ lại một nhận định quan trọng của Đại hội VI : nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây ra bê bối xã hội nước ta trước 1986 bắt nguồn từ công tác tư tưởng. Cũng chính vì vậy mà chúng tôi cảm thấy mừng khi được biết đồng chí Phạm Văn Đồng đã khẳng định những sai lầm duy ý chí và tả khuynh của lãnh đạo Đảng trước 1986. Còn nhớ trong một cuộc họp Quốc hội, đồng chí Đỗ Mười đã công bố chủ trương đúng đắn về quan hệ giữa Đảng ta và Nhà nước đem lại thêm rõ rệt tín nhiệm trong toàn dân đối với sự lãnh đạo của Đảng ta. Đáng mừng hơn nữa là chúng tôi được biết một số đồng chí trong Bộ chính trị từ đồng chí Đỗ Mười đến một số đồng chí khác cũng như đồng chí cố vấn Phạm Văn Đồng vẫn rất chịu khó học tập thêm để làm gương cho toàn Đảng và làm tốt trách nhiệm cao cả của mình.

Cuối cùng nhân có ý kiến về công tác tư tưởng của Đảng ta, cho phép tôi nhớ đến ý một câu của F. Ăngghen trong “*vấn đề nhà ở*” phê phán Proudhon : chớ cục tác to mà nên lo sao cho đẻ ra những quả trứng nhiều chất dinh dưỡng...

Xin cảm ơn các đồng chí.

Học trò nhỏ của các đồng chí đang ở tuổi ngoài 80

LÊ GIẢN

cán bộ hưu trí

ở số 08 Nguyễn Thượng Hiền

Hà Nội

¹ Hoàng Chí Bảo đã bị cách chức viện trưởng Viện chủ nghĩa xã hội khoa học (thuộc Học viện Mác-Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh) năm 1993 (xem Diễn Đàn số 25, tháng 12.93). Sơn Tùng, nhà nghiên cứu về cuộc đời Hồ Chí Minh, bị công an những nhiều vì đã phổ biến những tài liệu lịch sử không phù hợp với hình ảnh chính thống về chủ tịch Hồ Chí Minh (chú thích của toà soạn).

Thư Hà Nội

(tiếp theo trang 9)

Một sự kiện rất có ý nghĩa là vụ án Nguyễn Tùng Dương. Như các báo đã đưa tin, chủ tịch Lê Đức Anh đã bác đơn xin giảm án tử hình của viên công an phạm tội giết người này, và vừa qua, Nguyễn Tùng Dương đã bị xử bắn. Ý nghĩa của vụ này là ở phiên toà phúc thẩm : trong khi toà án xử lại vụ Nguyễn Tùng Dương, thì bên ngoài hàng nghìn người biểu tình, ném đá, đòi giữ nguyên án tử hình, cảnh sát đã chiến dùng dùi cui điện để giải tán mà không xong. Chánh án vội hoãn phiên toà một ngày. Đêm hôm đó, Bộ chính trị phải họp phiên đặc biệt : đứng trước tình hình quá căng thẳng, Bộ chính trị không dám quyết định giảm án, dù là tù chung thân, và đành ra lệnh cho toà tuyên án tử hình. Ngày hôm sau, dân chúng vẫn kéo tới đông để làm sức ép. Nhiều người mặc áo giáp, đội mũ cứng, quyết một phen sống mái với công an. Toà phúc thẩm đã phải quyết án tử hình Nguyễn Tùng Dương. Và cuối cùng, ông Lê Đức Anh cũng không dám đặc xá.

Sự kiện Nguyễn Tùng Dương ắt phải làm nhà cầm quyền suy nghĩ : xã hội đang chạy theo việc làm ăn mưu sinh, dân chủ chưa phải là đòi hỏi bức xúc, nhưng không phải vì vậy mà có thể nghĩ rằng người dân không có ý thức chính trị. Đứng trước những sự bất công, bao che, những cảnh làm giàu bất chính quá lộ liễu, dân chúng tức nước vỡ bờ có thể phản ứng mạnh mẽ, quyết liệt khó lường trước.

Cũng trong dịp Tết vừa qua, một sự kiện cũng đáng chú ý là lệnh cấm đốt pháo đã được chấp hành khá nghiêm túc. Có lẽ lần đầu tiên mà lệnh nhà nước đã tỏ ra nghiêm minh. “*Vinh quang*” này thuộc về khối chính phủ. Thừa thắng, thủ tướng Võ Văn Kiệt muốn thi hành một số biện pháp nữa, thí dụ như giải toả hàng quán lề đường, dẹp những ngôi nhà xây dựng trái phép, cách chức những cán bộ ký giấy phép xây nhà trái pháp luật... Còn những chuyện lớn hơn tất nhiên ông Kiệt chưa đủ sức, chẳng hạn như việc quân đội chiếm nhà đất bất chấp pháp luật, hoặc việc quân đội và một số cơ quan Đảng kinh doanh trái phép.

Một năm trước Đại hội VIII của Đảng, cuộc đấu tranh giữa ba phe tất nhiên sẽ trở nên gay gắt hơn. Hai phe quân đội và tư tưởng, bị liên tiếp mấy cú, tất nhiên cũng tìm cách hạ uy tín phe chính phủ. Xin đơn cử một thí dụ : vừa qua ông Phan Văn Khải (phó thủ tướng phụ trách kinh tế) bị Bộ chính trị phê bình vì một chuyện... trời ơi đất hỡi. Một nhóm cựu chiến binh Mỹ (hình như có cả Pháp) xin phép tổ chức một cuộc *nhảy dù vì hoà bình*. Sau khi tham khảo ý kiến tướng Đoàn Khuê (bộ quốc phòng) và ông Nguyễn Mạnh Cầm (bộ ngoại giao) — hai vị uỷ viên Bộ chính trị này thấy không có vấn đề gì — ông Khải đã ký giấy cho phép. Cuộc nhảy dù được tổ chức tại Xuân Mai, nơi cách đây mấy năm Schoendorffer đã quay phim Điện Biên Phủ, và được Tivi phóng sự truyền hình. Tổng bí thư Đỗ Mười ngồi nhà xem Tivi, la hoảng rằng *chúng nó chuyển sang giai đoạn 2 của chiến lược diễn biến hoà bình mà các đồng chí thiếu bản lĩnh, lơ là cảnh giác...* Bóng ma của chủ nghĩa cộng sản dường như không còn ám ảnh châu Âu nữa. Đến phiên châu Á lên cơn sốt vì con ma trôi *diễn biến hoà bình*. Thật tội nghiệp.

N.S.P.

Đại lộ thông tin :

khả năng và hiện thực

Hàn Thuý

" Câu trả lời là : được,
nhưng hãy cho biết câu hỏi. "

Woody Allen

1. Thất quốc chí

Trong hai ngày 25-26/2 vừa qua, hội nghị đặc biệt của bảy nước kỹ nghệ lớn trên thế giới (báo Pháp gọi tắt là G7) về " **Đại lộ thông tin** " đã họp tại Bruxelles. Từ hai chục năm nay Mỹ, Gia Nã Đại, Anh, Đức, Pháp, Ý và Nhật lập thành một thứ câu lạc bộ không điều lệ nội quy, để bàn về những vấn đề kinh tế xã hội chung của cả thế giới, mỗi năm họp một lần ở mức nguyên thủ, có mời thêm Liên hiệp châu Âu ; và trong vài năm gần đây lại thêm những hội nghị chuyên đề ở mức bộ trưởng, có lẽ quan trọng nhất là về tiền tệ, bốn hay năm lần họp mỗi năm. Trên danh nghĩa những hội nghị này chỉ để trao đổi ý kiến, sau đó ai về nhà nấy ; không phải thương thuyết, không cần đạt đến ký kết, không nhất thiết có kết luận giấy trắng mực đen.

Hội nghị chuyên đề về " **Đại lộ thông tin** " lần này là lần đầu, do phía Mỹ đề nghị và Liên hiệp châu Âu đóng vai chủ nhà. Đặc biệt có triển lãm và biểu diễn những sản phẩm và dịch vụ hiện đại nhất về điện tử, tin học, truyền thông và viễn thông do 220 công ty tổ chức ; đồng thời khoảng 40 trùm kỹ nghệ thế giới trong những ngành này được mời tham luận. Tại sao tốn công của và hai ngày nghỉ cuối tuần của nhiều bộ trưởng và lãnh đạo công nghiệp thế giới, kèm theo bao nhiêu thời gian chuẩn bị nữa của các cấp dưới ? Có lẽ chính vì sự hội tụ của điện tử, viễn thông, tin học và truyền thông, mà hình ảnh " *đại lộ thông tin* " biểu diễn khá hấp dẫn, đang phát sinh nhiều áp lực và đặt ra nhiều câu hỏi cho những người lãnh đạo chính trị. Điều đáng buồn là sự vắng mặt của những tiếng nói đại biểu cho xã hội công dân trên bình diện thế giới như các nhà xã hội học, các triết gia, khoa học gia, các nghiệp đoàn... mà một hình thức hội nghị không chính thức như G7 rất có thể mời, như đã mời các nhà tư bản. Cũng chính vì sự thiếu vắng đó mà bài này có tham vọng đưa lại những thông tin cần thiết cho các thức giả về cuộc cách

mạng công nghệ mới đã bắt đầu, để phần nào nắm rõ hơn thái độ củanhững người hiện đang nói thay cho cả thế giới.

Có thể nói tác động của công nghệ thông tin – ở đây xin hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả công nghệ xuất bản và truyền thông (mass média) – đối với loài người sẽ nghiêm trọng chẳng kém công nghệ nguyên tử hay công nghệ sinh học. Với những hình thái rất khác nhau những công nghệ này đều có tiềm năng cống hiến rất lớn lao cũng như tàn phá khủng khiếp. Tuy rất nhẹ nhàng êm ái, công nghệ thông tin-truyền thông sẽ trực tiếp tác động đến văn hoá một cách lâu dài và âm ỉ. Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của các 'Anh Cả' (Big Brother) độc quyền thông tin bằng mọi phương tiện ? hay thế kỷ của một nền văn hoá đa dạng với những trao đổi tư tưởng, khoa học, nghệ thuật không biên giới và không còn hạn chế kỹ thuật, giữa những con người thực sự tự do ? hay phải chăng tương lai nằm ở đâu đó giữa hai thái cực ? Dù sao lịch sử không chấm dứt với bức tường Berlin sụp đổ, mà ngược lại đang ở trước một ngã tư đường quan trọng. Để có thể theo dõi vấn đề có lẽ nên trở lại từ chỗ bắt đầu.

2. Vài khái niệm kỹ thuật

Câu khôi hài dẫn trên đầu bài, do đạo diễn kiêm diễn viên nổi tiếng người Mỹ thốt ra từ hai chục năm qua, nay đã thành châm ngôn trong ngành viễn thông - tin học. Nó thể hiện một tình trạng độc đáo trong thế giới hiện đại là khả năng kỹ thuật của con người, trong một vài phạm vi, đã vượt khá xa nhu cầu. Những người làm nghiên cứu và phát triển trong tin học và viễn thông thường có cảm giác, không phải khi nào cũng dễ chịu, là mình đang nắm giải pháp nhưng còn phải chạy đi tìm vấn đề.

Một vài khái niệm và số liệu để minh hoạ : thông tin được đo bằng một đơn vị gọi là **bít**, một **bít** cho phép gửi đi và lưu trữ một thông tin đơn giản : có, hoặc không. Gửi đi một chữ cái (*a* hay *b* ...) cần dùng 8 **bít**. Nếu gửi với tốc độ 10 ng.b/g (ngàn **bít**/giây) thì một trang báo bạn đang đọc (khoảng 6000 chữ cái) cần sử dụng kênh viễn thông trong 5 giây, cộng thêm thời gian cần thiết để nối người gửi và người nhận. Với mạng điện thoại kiểu cũ (không dùng kỹ thuật số) cần gắn thêm một thiết bị đặc biệt gọi là **môdem**, tuy đắt rẻ mà môdem có khả năng truyền từ 1 đến 20 ng.b/g ; tất cả những dịch vụ ngoài tiếng nói, như viễn sao (**fax**), thư điện tử (**e-mail**), **minitel**, nối các máy tính với nhau ... đều cần môdem. Với mạng điện thoại dùng số hiện đang bắt đầu thay thế mạng cũ (bằng cách chỉ đổi máy và tổng đài chứ không đổi dây) mỗi nhà có thể có hai máy điện thoại độc lập và mỗi máy có thể dùng để nói chuyện hay truyền số liệu với tốc độ 64 ng.b/g mà không phải gắn môdem, lại có thêm một kênh truyền số liệu riêng 16 ng.b/g.

Truyền hình hiện nay còn dùng ăng-ten hoặc những đường cáp riêng và nói chung chưa sử dụng kỹ thuật số, ngoại trừ một vệ tinh do hãng Huyghes tại Mỹ mới phóng lên mùa hè 94. Vì kỹ thuật số cho phép *nén ảnh* (compression d'image), người sử dụng đã có thể bắt cùng một lúc 150 đài truyền hình do chỉ một vệ tinh phát đi, ăng-ten và thiết bị *giãn ảnh* (décompression d'image) gắn với tivi do hãng Thomson tại Pháp cung cấp với giá 700 đôla. Để so sánh cần biết mỗi ăng-ten chỉ hướng về được một vệ tinh, và các vệ

tin truyền hình kiểu *tương tự* (analogique) như hiện nay chỉ phát đi được vài ba đài.

Mặt khác những máy tính điện tử cá nhân ngày càng lan tràn, với khả năng xử lý và lưu trữ thông tin ngày càng lớn, các máy cá nhân cao cấp hiện đang bán, ngoài khả năng xử lý thông tin vài chục triệu phép tính/giây và khả năng lưu trữ hàng chục tỷ bit, đã có khả năng xử lý hình ảnh động và tiếng nói qua đĩa lade (quảng cáo gọi là máy tính **đa môi giới**, multimedia). Khi kết hợp khả năng xử lý số liệu với tiếng nói và hình ảnh thì không thuần là xem phim từ đầu đến cuối, người và máy có thể tương tác trong những dịch vụ sinh động và “ thông minh ”, chẳng hạn như những đĩa lade dạy sinh ngữ đang được thử nghiệm. Về viễn thông, tuy chúng chưa có chức năng truyền tin trên giải tần rộng, nhưng đó chỉ là vấn đề hai hay ba năm, khi các chuẩn sẽ đầy đủ.

Đó là tình hình những dịch vụ và sản phẩm đã phổ biến. Thế còn các giải pháp đang đi tìm vấn đề ? ở đây chủ yếu nói về viễn thông, do đặt đường dây tốn kém, lại thêm cần thiết có chuẩn chung cho cả thế giới nên sự thâm nhập của kỹ thuật viễn thông vào đời sống chậm hơn tin học khá nhiều. Các công nghệ viễn thông, điện tử và tin học có cùng phần lớn cơ bản, cho nên nếu khả năng của máy tính cứ 18 tháng lại tăng gấp đôi thì phải nói khả năng của viễn thông sau vài chục năm mới tăng cỡ nghìn lần hơn, do bắt buộc phải tích tụ. Các tiến bộ trong ngành viễn thông tương đối ít được biết, chỉ đến nay mới thành thời sự. Có thể liệt kê ở đây một số kỹ thuật đang được bước đầu sử dụng hoặc thử nghiệm đại trà, nghĩa là đã tương đối trưởng thành.

2.1 Truyền hình bằng số :

Với phương pháp nén ảnh, người ta có thể truyền hình qua những kênh 2 tr.b/g (triệu bit/giây), với chất lượng tốt hơn hiện nay ; truyền hình với độ phân giải cao (HDTV) sẽ cần khoảng 8 tr.b/g. Đây nói về các phương pháp nén ảnh phức tạp và đắt nhưng ngược lại giãn ảnh thì rẻ, dùng cho truyền hình quảng bá (diffusion, broadcasting), một chiều ; điện thoại có truyền hình (visiophone, **đối ảnh điện thoại** ?) cần những phương pháp rẻ cả về nén ảnh, giãn ảnh, lẫn lưu lượng kênh viễn thông thì phải chấp nhận chất lượng thấp hơn. Tuy nhiên với điều kiện màn ảnh nhỏ, máy thu hình và đối tượng cố định... thì chỉ cần khoảng nửa tr.b/g là rất đẹp. Hiện người ta hay thấy trong các cuộc triển lãm, hay đọc giới thiệu trên báo chí, các máy đối ảnh điện thoại sử dụng được với 64 hay 144 ng.b/g của mạng điện thoại dùng số. Chất lượng các máy này còn xấu, khó có thể tốt hơn, và không chắc sẽ được thị trường chấp nhận.

2.2 Sợi quang dẫn và dây đồng :

Mạng truyền tin cũng như nước chảy trong một địa bàn rộng, để suối nhỏ không bị nghẽn phải có sông lớn. Với kỹ thuật quang dẫn có thể truyền hàng tỷ b/g qua một sợi thủy tinh nhỏ hơn tóc, và có thể đặt hàng chục hay hàng trăm sợi như vậy cùng một lúc trong những cáp liên tỉnh, liên quốc gia hay xuyên đại dương, việc này đang được tiến hành rất tích cực. Tuy vậy, thay thế kỹ thuật tốn kém nhất không phải trên các đường dài, mà là ở mấy trăm triệu đoạn dây đồng dẫn điện thoại tới nhà riêng từng người ; vì thế người ta đã chế ra cách *thay máy mà không thay dây* khi triển khai mạch điện

thoại dùng số đã nói trên. Vẫn theo phương pháp này những kết quả kỹ thuật gần đây cho thấy là có thể phục vụ mỗi gia đình một kênh 10 hay 20 tr.b/g chỉ bằng cách thay các thiết bị truyền/nhận tin ở hai đầu, và đợi khi dây đã hư cũ mới cần thay bằng sợi thủy tinh. Chi phí đắt nhất khi thay đường dây là nhân công, giá sợi thủy tinh dù hiện nay có đắt hơn dây đồng một chút cũng sẽ không đáng kể, vì thế có những chuyên gia nghĩ rằng nên lắp đặt ngay sợi quang dẫn cho những nhà riêng mới xây.

2.3 ATM, kỹ thuật chuyển mạch đa môi giới :

Muốn truyền tin từ nơi này tới nơi khác cần có những tổng đài để nối các mạch lại với nhau, và chỉ nối khi cần thiết, vì không thể có một mạch riêng từ mỗi người này đến mỗi người kia. Cho tới nay mỗi **môi giới** (tiếng nói, hình ảnh, số liệu) được truyền và nối trong những mạng riêng biệt. Vài năm gần đây một kỹ thuật truyền và nối mạch (ở đây sẽ gọi là chuyển mạch, transfert) độc đáo, khởi xướng tại Pháp, đã được công nhận như kỹ thuật chuyển mạch của thế hệ tới và được chuẩn hoá quốc tế. Kỹ thuật này cho phép chuyển mọi loại thông tin trên cùng một mạng, với tần số rất cao, vài trăm triệu b/g. Chủ yếu là băm thông tin ra những mẩu nhỏ đồng đều, cũng gọi là tế bào (cellule), trong đó có ghi những số liệu cần thiết cho phép chuyển chúng lẫn lộn với nhau trong những kênh lưu lượng cao, tương tự như các phong bì cùng một khổ, có ghi địa chỉ, chuyển trong bao tải. Trong khi chuyển mạch như vậy các tế bào xô đẩy nhau gây nên so le trong thời gian, thời gian từ lúc gửi tới lúc nhận của các tế bào không giống nhau, vì thế gọi là phương thức chuyển mạch không đồng bộ (Asynchronous Transfer Mode, ATM) . Mặc dù xử lý rất phức tạp như vậy (khi gửi thì băm nhỏ thành tế bào, đánh dấu, rồi khi nhận lại chọn lựa và sắp xếp trở lại đúng từng nguồn thông tin và thiết lập lại sự đồng bộ trong thời gian) nhưng cái lợi của một mạng truyền tin độc nhất với vận tốc rất cao vẫn lớn hơn nhiều. Kỹ thuật ATM áp dụng được cho mọi nguồn thông tin, lại độc lập với lưu lượng kênh truyền và kỹ thuật truyền tin ở mức điện hay quang cho nên có thể sử dụng lại mọi cơ sở đường dây đã có. Các mạng ATM đang được thử nghiệm khắp nơi trong các nước phát triển, và hiện nay khi nói chuyển mạch theo giải tần rộng thường có nghĩa dùng kỹ thuật ATM.

2.4 Vô tuyến viễn thông :

Ngoài ra còn phải kể đến những kỹ thuật về vô tuyến viễn thông, chủ yếu là kỹ thuật truyền thanh, truyền hình, qua trạm phát sóng mặt đất hay vệ tinh. Điểm mạnh của những kỹ thuật này nằm ở những dịch vụ quảng bá (diffusion), tức thông tin một chiều. Như ở trên đã nói, với phương pháp số và nén ảnh, truyền hình bằng vệ tinh sẽ rẻ hơn rất nhiều, về số đài có thể không thua đường cáp. Người ta cũng có thể kết hợp phương pháp này với mạng thông tin hữu tuyến để tính tiền mỗi khi bắt đài : đài truyền hình qua vệ tinh được mã hoá với mã biến đổi theo thời gian, chỉ khi qua mạng hữu tuyến bạn chọn lựa một đài nào đó thì trung tâm quản lý mới gửi chìa khoá để giải mã, và cùng lúc đó tính tiền. Với lưu lượng giới hạn, những dịch vụ thông tin hai chiều như **điện thoại vô tuyến** (radio téléphone) không thể thay thế mạng viễn thông hữu tuyến, tuy nhiên vẫn hữu ích trong nhiều trường hợp hay giai đoạn nào đó vì có thể được đưa vào sử dụng rất nhanh, do không cần đặt đường dây. Thêm nữa

những dịch vụ này cho phép sử dụng trong khi di chuyển. **Điện thoại tế bào** (téléphone cellulaire), trước dùng phương pháp tương tự, nay đang chuyển sang dùng số, là một dịch vụ độc đáo hiện bán rất chạy, kết hợp vô tuyến và hữu tuyến. Gần khắp châu Âu được bao phủ bởi những 'tế bào' san sát nhau như hình tổ ong, mỗi tế bào là một vùng đất có đường kính vài hay vài chục cây số, với trung tâm là một trạm thu phát vô tuyến nối với mạng điện thoại hữu tuyến thế giới. Do khoảng cách thu phát rất ngắn nên cần rất ít năng lượng; từ đó có hai lợi thế lớn, một là những máy điện thoại tế bào tương đối rẻ, nằm gọn trong bàn tay, chạy bằng pin; hai là cứ cách một tế bào lại có thể sử dụng lại các làn sóng mà không bị nhiễu nên giải quyết được tình trạng khan hiếm sóng điện từ. Người ta có thể vừa nói vừa di chuyển qua nhiều tế bào một cách tự nhiên, cũng như có thể được gọi mặc dù mình ở bất cứ đâu (miễn là nằm trong vùng thu phát của một tế bào), tất cả những việc đó mạng truyền tin tự động xử lý. Điện thoại vô tuyến rẻ tiền hơn thì không cho phép tự động di chuyển, dịch vụ này ở Pháp gọi là 'bibop', được giới trẻ thành phố rất chuộng. Phát triển kỹ thuật vô tuyến tế bào (radio cellulaire) tới một giải tần rộng hơn để cho phép đối ảnh điện thoại còn đang là đối tượng nghiên cứu.



Công nghệ viễn thông ở mọi cấp bậc như vậy đã đủ mạnh để: trong gia đình mỗi người con có thể xem TV hay đối ảnh điện thoại với bạn, bố mẹ có thể ngồi nhà mua sắm (cũng qua màn hình để xem xét mặt hàng trước khi mua), hay có thể làm việc thẳng với số, hoặc với các đồng nghiệp ở khắp nơi trên thế giới, qua máy tính đa môi giới... tất cả cùng một lúc, và tất cả chỉ qua một đôi dây đồng đã có sẵn hoặc một sợi thuỷ tinh. Những người đang di chuyển trên xe cộ thuyền bè thì ở đâu cũng có thể nhận và phát điện thoại hoặc dữ liệu. Dĩ nhiên, mọi đàn cảnh với những hoạt động kinh tế xã hội khác đều có thể thực hiện, miễn là không cần đến trao đổi hàng hoá vật chất. Trí tưởng tượng hiện đang cần thiết để dự phóng hay sáng tạo ra những dịch vụ mà xã hội sẽ cần đến hoặc chấp nhận; người ta đang nói đến nhiều những cụm từ như: *hội họp từ xa* (télé-conférence), *làm việc từ xa* (télé-travail), *chẩn bệnh từ xa* (télé-diagnostique), *đạy học từ xa* (télé-enseignement) *mua bán từ xa* (télé-achat) v.v... cái gì cũng từ xa (trừ tính tiền vẫn là từ gần? – người đánh máy).

Hiện thực một **làng địa cầu**, trong đó mỗi nhà có thể được nối vào mạng truyền tin thế giới chung với lưu lượng vài chục triệu b/g, không phải là chuyện viễn tưởng, mà chỉ là một dự phóng kinh tế kỹ thuật thực hiện được tại những nước phát triển nhất trong vòng không quá 20 năm, nếu xã hội có nhu cầu, với giá sử dụng không đắt hơn hiện nay. Tại sao có thể nghĩ đến con số 20 năm? Lý do giản dị là chưa thể làm ngay đôn dập, trong vòng vài chục năm một mặt cần khâu hao khối đầu tư khổng lồ đã xuất ra cho mạng viễn thông hiện có, một mặt cần triển khai dần theo nhu cầu để có thể thu hồi vốn và tái đầu tư nhanh nhất. Dĩ nhiên sản phẩm hay dịch vụ nào lúc mới cũng đắt, nhưng người ta hy vọng rằng các cơ quan và xí nghiệp cũng như những người giàu sẽ đóng vai đầu tàu để trả cái giá ban đầu. Như vậy, vấn đề của "đại lộ thông tin" về mặt kinh tế kỹ thuật thực chất chỉ là làm sao triển khai một kế hoạch thay thế và nâng cấp các thiết bị

cũng như dịch vụ, và kế hoạch này phải được đặt trong tầm thời gian của tuổi thọ các thiết bị viễn thông đang hoạt động, nghĩa là từ nay đến 20 năm sau. Thời gian trên dưới 20 năm này được sự nhất trí của mọi chuyên gia đầu đàn trong ngành tại Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức...

Tóm lại ngay từ bây giờ cần đặt ra ngay hai vấn đề cơ bản: đâu là nhu cầu thông tin của xã hội trên toàn thế giới? triển khai mạng thông tin mới như thế nào? Dĩ nhiên câu trả lời không đơn giản và không thuần túy kỹ thuật, các tác nhân kỹ nghệ, kinh tế, chính trị có cách nhìn khác nhau tùy vị trí của mình.

3. Những mâu thuẫn nhiều chiều

"Có xa lộ chưa chắc xe đạp đã đi nhanh hơn", một giáo sư tin học - viễn thông nổi tiếng tại Âu châu đã nói đùa như vậy trong một hội nghị chuyên môn trước đây không lâu. Như mọi chuyện đùa để nhớ, nó lật ra rành rành một sự trái cựa. Nếu mạng viễn thông cho phép mỗi người gửi và nhận hàng chục triệu bit một giây thì câu hỏi đặt ra là: lấy đâu ra thông tin mà truyền? Cả tờ báo này nếu gửi đi với tốc độ một triệu bit một giây thôi thì cũng chỉ cần dùng mạng viễn thông không quá hai giây, nhưng đó là kết quả của hàng chục ngày lao động cộng lại. Sản xuất ra thông tin có ý nghĩa, cũng như tiêu thụ thông tin, cần thời gian, dĩ nhiên thời gian sản xuất chỉ ít cũng trăm lần lâu hơn. Nếu có một mạng viễn thông giải tần rộng thì người sử dụng sẽ nhận nhiều hơn gửi, và nhận những thông tin dưới hình thức hấp dẫn nhất, đa môi giới. Sản xuất thông tin đa môi giới cần đến những số vốn khổng lồ và kinh nghiệm trong tất cả các ngành nghề: xử lý thông tin và máy tính điện tử, truyền thông, xuất bản, làm phim... không phải chỉ viễn thông. Những xáo trộn kinh tế đang và sẽ xảy ra cũng không ngoài sự đổi chác mua bán của các tập đoàn tư bản lớn trong các ngành này để xem ai sẽ chiếm chiều trên trong những liên minh mới, kèm theo vào đó là những áp lực nhằm đòi các chính quyền sửa đổi điều lệ, luật pháp, quy ước quốc tế v.v... hiện đang hoặc sẽ cản trở công việc làm ăn. Người ta có thể đặt ra câu hỏi thế nào là chống cấu kết (anti-trust) trong phong trào rầm rộ tư hữu hoá những dịch vụ công cộng như hiện nay, hình như luật pháp tự hậu khá xa so với thực tế kinh doanh cũng như sự cần thiết bảo vệ một nền văn hoá đa dạng. Hệ luận đầu của xa lộ là không còn xe đạp, và hệ luận sau là phần lớn xe hơi sẽ giống nhau như hệt, do một số rất ít người làm.

3.1 viễn thông và truyền thông

Cho tới gần đây trên thế giới các hãng bán dịch vụ truyền hình qua đường cáp không được quyền bán dịch vụ điện thoại hay truyền số liệu, và ngược lại các hãng bán dịch vụ viễn thông không được truyền hình. Nguồn gốc của sự chia cắt này, ngoài việc kỹ thuật cơ bản cho tới nay khác nhau, còn nằm ở chỗ một mặt luật pháp bảo vệ bí mật về thông tin của khách hàng trong điện thoại, mặt khác các chính phủ đều để mắt đến những chương trình truyền hình công cộng (hiểu theo nghĩa ai cũng thu được, bất kể người phát ra là tư hay công) để bảo vệ thuần phong mỹ tục, sự vô tư chính trị, v.v..., việc quản lý thu nhập của hai loại dịch vụ này vốn cũng rất khác nhau.

Đến khi mọi loại dịch vụ đều có thể dùng một cơ sở vật chất như hiện nay thì dẫn đến yêu cầu xoá bỏ biên giới

ngành nghề, đã được thực hiện tại Anh và một số tiểu bang tại Mỹ. Ngay sau khi cho phép phá rào lập tức một loạt các công ty trong các ngành viễn thông, truyền thông và xuất bản phim *vidéo* đã tìm cách hoặc liên minh hoặc nuốt lẫn nhau. Tuy thế vấn đề kiểm soát nội dung các dịch vụ truyền hình tư nhân, cũng như nội dung các dịch vụ thông tin của tư nhân, như trong mạng Minitel của Pháp, chưa được giải quyết thỏa đáng. Ở Pháp và Đức các chính phủ thận trọng hơn (vì các công ty viễn thông nắm độc quyền quốc gia) nhưng cũng sẽ không đợi được quá đầu năm 1998, cái mốc giải phóng thị trường đã thoả thuận ở mức châu Âu.

3.2 viễn thông, truyền thông và máy tính

Người ta còn nhớ, từ mười mấy năm nay, IBM đã nhiều lần muốn mở rộng kinh doanh vào viễn thông, và ngược lại AT&T thì tấn công vào tin học. Hai cố gắng này tương đối chưa đem lại kết quả mong đợi nhưng chưa ai bỏ ý đồ chiến lược ; và bây giờ lại có thêm một cao thủ thượng đài : Microsoft đang muốn đi từ chỗ sản xuất hệ mềm cho máy tính cá nhân đa môi giới tiến tới đặt các trạm phục vụ (serveur), rồi sau đó chiếm luôn vai trò quản lý mạng. Ngoài ra phải nói đến hai hãng điện tử Intel và Motorola làm các mạch tổng hợp cho mọi người và mọi ngành. Motorola đang có dự án (tên Iridium) bắn 66 vệ tinh bao phủ trái đất để cung cấp dịch vụ điện thoại và truyền số liệu không dây toàn cầu.

Đó là nói về các sản phẩm chuyên nghiệp, sản phẩm mẹ sẽ đẻ ra các dịch vụ tiêu dùng. Đối với người tiêu thụ thì sản phẩm tương lai quan trọng nhất dĩ nhiên vẫn là cái *tivi*, nhưng có phần chắc là cái *tivi* sẽ phải thông minh hơn để cho phép chọn đài, giải mã, có thể còn một dịch vụ nữa là nối với kho *vidéo* ở xa để xem phim mình thích, lúc mình thích. Nghĩa là sẽ không khác máy tính đa môi giới ; tiện thể chỉ cần gắn thêm micro và camera nữa thì lại thành ra thiết bị đối ảnh điện thoại. Tóm lại do cả yêu cầu sử dụng lẫn các kỹ thuật cơ bản rất gần nhau nên thiết bị điện tử tương lai trong các gia đình sẽ chỉ là một loại *máy tính đa môi giới - tivi - đối ảnh điện thoại* (có thể có thêm hay không bộ phận ăng-ten bắt vệ tinh). Câu hỏi đặt ra là ai sẽ sản xuất thiết bị này, hội tụ của ba loại thiết bị cho đến nay do ba loại tập đoàn kỹ nghệ khác nhau sản xuất, và tập đoàn nào cũng là những thế lực khổng lồ, lại thêm những hãng làm máy trò chơi điện tử như Nintendo : rút cục ai cũng làm màn hình, cũng sử dụng những bộ vi xử lý (microprocesseur), và cũng viết chương trình điều khiển. Sẽ có một cuộc chạy đua ngoạn mục, các tập đoàn lớn sẽ tung ra hết vốn liếng, kỹ thuật, óc sáng kiến lẫn tài năng quảng cáo để chiếm thượng phong trên cái thị trường cốt tử này. Hình dáng của sản phẩm ra sao còn cần tưởng tượng và sáng tạo, vì rõ ràng giao diện người - máy trong tương lai phải dễ hiểu, dễ dùng và thẩm mỹ hơn hiện nay.

3.3 Nội dung và phương tiện

Nói đến máy tính, viễn thông và truyền thông là mới nói đến những phương tiện cho phép thành lập cũng như quản lý các mạng truyền tin đa môi giới, để chuyển tin giữa các máy tính cá nhân đa môi giới với nhau, hoặc với các trạm phục vụ (serveurs). Nhưng còn một mảng không nhỏ các hoạt động kinh tế, mà nếu không có thì phương tiện sẽ chẳng dùng để làm gì, đó là các kỹ nghệ sản xuất nội dung : các công ty truyền hình, xưởng quay phim, nhà xuất bản ... các tác nhân

trực tiếp ảnh hưởng tới nền văn hoá tương lai.

Một vài sự kiện và con số cho thấy những cố gắng cấu kết “ hàng dọc ” (intégration verticale) giữa kỹ nghệ nội dung và kỹ nghệ phương tiện : hãng Alcatel, số một thế giới về sản xuất thiết bị viễn thông, hiện đã là chủ nhân các tuần san Express và Le Point của Pháp. Hãng Matra - Hachette vừa là chủ nhân tập đoàn xuất bản lớn nhất của Pháp vừa là hãng có kỹ thuật vệ tinh viễn thông, tập đoàn này thời gian qua đã liên kết với Ericsson và Northern Telecom về viễn thông, lại vừa thành lập chi nhánh Matra Hachette Multimédia để xuất bản các sản phẩm đa môi giới (ghi trên đĩa lade - gọt tắt là CD). Đó là thí dụ tại Pháp, ở Mỹ hiện đã có những ‘nguyệt san’ đa môi giới bán trên CD, các phim mới, nhất là hoạt họa, cũng dễ dàng bán trên CD, việc ghi lại phim màu với độ phân giải cao trên CD chỉ còn là vấn đề chuẩn thế giới. Mặt khác các cuộc thương lượng, liên minh hoặc mua bán lẫn nhau giữa các xưởng phim và các hãng khai thác mạng truyền hình qua cáp hay vệ tinh phải nói là rầm rộ : Ted Turner (CNN) mới bỏ 1 tỷ đôla mua lại hai xưởng phim ; Disney, xưởng phim thứ ba của Mỹ, vừa liên kết với nhiều công ty khai thác mạng truyền thông. Paramount và Time Warner hay 20th Century Fox đều đã có những cấu kết tương tự.

Sau một thời gian tranh luận không biết rằng trong tương lai ‘nội dung’ đa môi giới sẽ được bán qua mạng viễn thông truyền thông hay qua CD để người sử dụng có thể mua như mua báo đem về nhà, dùng lúc nào cũng được ; hình như bây giờ các tập đoàn tư bản chủ trương bắt cả hai tay, vừa bán đĩa vừa bán qua mạng. Kinh nghiệm radio và đĩa hát cũng như truyền hình và *magnétoscope* cho thấy họ có lý. Hai hình thức có vẻ cạnh tranh nhau này trên thực tế lại thúc đẩy nhau. Có lẽ các sản phẩm đa môi giới có tính chất văn hoá giáo dục nhiều hơn như bách khoa toàn ‘thư’ ... cũng sẽ theo cùng quy luật : sẽ có những người mua dùng riêng cũng như sẽ có những người tham khảo qua mạng.

4. Những quyết định của G7

Qua các tham luận của các nhà kỹ nghệ quốc tế người ta thấy các nhà chính trị trong hội nghị đã phải chống lại một áp lực khá nặng nề. Đại khái ý chung của họ là : cứ đầu tư (hoặc cho phép đầu tư), nghĩa là giải phóng luật lệ xây dựng cơ sở hạ tầng đi, rồi các ứng dụng sẽ xuất hiện. Nhưng đứng trước một loạt những phức tạp kể trên không thể chờ đợi một hội nghị như G7 đưa ra được một định hướng chung cho mọi nước. Tuy nhiên qua những kết luận chính thức người ta cũng thấy toát ra được một thái độ tiến lên tương đối thận trọng : khuyến khích các thử nghiệm và đặt trọng tâm vào các ứng dụng có công ích, tuy rằng các đề án đưa ra cho thấy các quan chức cao cấp còn phải động não nhiều hơn nữa, vì thật chẳng có gì siêu đẳng.

Mười một chủ đề đã được thoả thuận để phát triển đại lộ thông tin, giống như một “ quán trọ Tây ban nha ” (auberge espagnole), mỗi người đem vào mâm cơm chung thứ mình thích, vì đây là những quyết định không có ngân sách, ai đề nghị món nào thì được bầu làm người phối hợp (coordinateur) món ấy, mỗi nước đầu tư bao nhiêu cho chủ đề nào sẽ tính sau :

(xem tiếp trang 32)

Tin học ở Việt Nam : Con hổ châu Á buổi gian truân

S.E. Goodman và L.I. Press

Bài báo trên với tựa đề tiếng Anh “ Computing in Vietnam : An Asian Tiger in the Rough ” đăng trên những trang đầu số tháng Giêng 1995 của Communications of the ACM, tạp chí của Hội Máy Tính đầu tiên ở Mỹ (Association for Computing Machinery) với đông đảo độc giả khắp thế giới, đã được thông báo rộng rãi và được nhiều người đón đọc trước khi phát hành. Goodman và Press là hai giáo sư Mỹ về hệ thống tin quản lý và tin học tại các đại học Arizona và California.

Nguyễn Đình Ngọc và Đặng Hữu có trong số những người phụ trách công nghệ tham gia Tuần lễ Tin học lần thứ tư tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh tháng Tám 1994, một sự kiện thu hút đông đảo giới trẻ và các nhà kinh doanh ở đây.

Thiếu tướng Giáo sư Tiến sĩ Ngọc chịu trách nhiệm về tin học và truyền thông tại Bộ Nội vụ, cơ quan thực hiện tổng hợp các chức năng của phòng Nhì của Pháp, KGB và cảnh sát biên phòng của Nga, FBI của Mỹ. Ông đã phục vụ cho nhà nước Việt Nam suốt cuộc chiến tranh 30 năm, bắt đầu từ 1946 khi còn là một cậu bé liên lạc 13 tuổi của Việt Minh, một phong trào dân tộc do Hồ Chí Minh thành lập để chống Nhật trong Chiến tranh Thế giới thứ II và rồi kháng chiến chống Pháp. Sau đó Ngọc hoạt động hơn mười năm như một sĩ quan tình báo ở Pháp nơi ông đạt ba bằng kỹ sư và hai bằng tiến sĩ. Tiếp theo là mười năm làm điệp viên của Hà Nội tại Sài Gòn với cương vị một giáo sư đại học, và là “ cố vấn truyền thông ” bí mật của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (Việt cộng). Sau chiến thắng của cộng sản năm 1975, Ngọc vẫn hoạt động như một sĩ quan an ninh. Chiếc máy tính cổ IBM 360/40 từ 1967 của các đối thủ của ông ở miền Nam xưa kia nay vẫn còn nằm dưới quyền ông quản lý. Ngày nay, Ngọc quan tâm đến các đường dây ma túy quốc tế và các băng “ mafia ” của Nga ở Việt Nam nhiều hơn đến chủ nghĩa đế quốc phương tây. Ông tham gia vào mạng lưới chống tội phạm quốc tế dưới sự chỉ đạo của Interpol, và một

nhóm do ông phụ trách được khen ngợi trong sự hợp tác với DEA và FBI của Mỹ. Ngọc là một người chủ trương việc sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin (CNTT), và là một uỷ viên tích cực của Ban chấp hành Hội Tin học Việt Nam.

Đặng Hữu nguyên là kỹ sư cầu đường. Cũng như Ngọc, ông thuộc về những thế hệ đã đấu tranh cho một nước Việt Nam thống nhất và độc lập. Trong cuộc “ chiến tranh chống Mỹ ” ông đã làm việc trên chiếc máy tính lớn đầu tiên của miền Bắc Việt Nam – máy Minsk 22 chế tạo tại Liên Xô – để phân tích cấu trúc những chiếc cầu trên đường mòn Hồ Chí Minh. Hữu có một năm tham gia xây dựng những chiếc cầu này. Theo bước chân thắng lợi của miền Bắc năm 1975, ông vào “ giải phóng ” các trường đại học miền Nam. Ngày nay, Hữu đứng đầu Bộ Khoa học, công nghệ và Môi trường (KH-CN-MT), với toàn bộ trách nhiệm cao nhất trong lĩnh vực này của đất nước. Ông còn là chủ tịch Hội đồng Quốc gia về Khoa học và Công nghệ, chủ tịch Ban điều hành Chương trình Quốc gia về CNTT.

Điều khác thường ở Việt Nam là những con người của các thế hệ chiến đấu lập và giữ chính quyền nay vẫn còn đảm đương các trọng trách. Những thế hệ này trong một quãng dài của thế kỷ, nhất là tại các nước cộng sản như Trung Quốc, Cuba, Bắc Triều Tiên, được đặc trưng bởi khả năng chiến đấu và ưu thế với kẻ thù bên trong bên ngoài – và bởi những nỗ lực tiếp theo để thần thánh hoá cuộc đấu tranh này và tiếp tục nắm giữ quyền lực tập trung – rõ hơn khả năng xây dựng những nền kinh tế hiện đại và phồn thịnh.

Nhiều chuyện khác ở Việt Nam ngày nay chừng mực nào đó cũng giống như vậy. Chẳng hạn đã gần 20 năm sau chiến thắng và thống nhất, Việt Nam vẫn chưa xây dựng được đường cao tốc, đường tàu hoả, đường truyền thông với chất lượng cao nối liền thành phố Hồ Chí Minh với Hà Nội, cũng như với nhiều phần còn lại của một đất nước vừa dài vừa hẹp.

Tuy nhiên vẫn có lý do để lạc quan. Người Việt Nam đã chứng minh khả năng bền bỉ của họ trong việc xây dựng một hạ tầng cơ sở sáng tạo và thích hợp. Chẳng hạn như trong các cuộc chiến tranh 1946-1975, những người cộng sản đã xây dựng và bảo dưỡng những hệ thống vận tải và liên lạc trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, đặc biệt như xung quanh Điện Biên Phủ, trong địa đạo Củ Chi, dọc đường mòn Trường Sơn.

Họ cũng thực tế hơn hầu hết các nước cộng sản khác trong việc quản lý kinh tế. Ở các thành phố và làng mạc, có rất nhiều xí nghiệp nhỏ của tư nhân, chủ yếu dựa vào gia đình. Các nỗ lực hợp tác hoá nông nghiệp đã được từ bỏ khi việc này tỏ ra không hiệu quả. Việt Nam ngày nay còn là một nước xuất khẩu gạo.

Những người đang lãnh đạo Việt Nam vẫn còn cơ hội là một ngoại lệ trong số các thế hệ chiến đấu lập và giữ chính quyền. Hữu và Ngọc và những người khác nữa đều nhận rõ sự cần thiết của cải cách, của cấu trúc lại và của sự thâm nhập công nghệ. Ở Việt Nam cũng có sự đánh giá ngày càng rõ hơn rằng thế giới bên ngoài ngày nay đang rất khác về chính trị và kinh tế so với thế giới của mười năm về trước, rằng CNTT đã có một vai trò nổi bật trong việc thúc đẩy

những thay đổi này, và rằng Việt Nam chừng mực nào đấy cũng phải đi theo một con đường gần hơn với các sự thật này.

Công nghệ Thông tin ở Việt Nam ngày nay

Như nhiều nước đang phát triển khác, Việt Nam gặp nhiều vấn đề nghiêm trọng : một dân số đông và tăng nhanh gây hậu quả thiếu đất đai cho một nước nông nghiệp nơi phần lớn dân chúng sống bằng nghề nông (48 triệu năm 1977, chừng 75 triệu năm 1995) ; một nền kinh tế dựa trên đồng tiền không chuyển đổi được một hạ tầng cơ sở yếu về điện lực, giao thông, tài chính, y tế và truyền thông (thí dụ như giữa năm 1994 có 3,7 điện thoại trên 100 người tại Hà Nội, 5 trên 100 người tại thành phố Hồ Chí Minh, và dưới 1 máy trên 100 người tính trên toàn quốc) ; các luật lệ và quy định kinh doanh thiếu rõ ràng và ít khích lệ, cũng như còn được áp dụng không nhất quán và tùy tiện.

Từ cuối thập kỷ 80 chính phủ Việt Nam đã giảm các hạn chế với khu vực tư nhân và với sự tham gia của nước ngoài vào nền kinh tế. Việt Nam có nhiều lương thực và hàng tiêu dùng hơn nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây hoặc ngày nay, cũng như so với các nước đang phát triển khác. Tuy nhiên các nỗ lực nhằm tạo ra một nền công nghiệp chế tạo chỉ mang lại ít kết quả, và hầu như không có công nghệ phức tạp nào ở Việt Nam. Hầu hết đồ tiêu dùng điện tử và thiết bị máy tính phải nhập khẩu. Một vài viên chức của Bộ Ngoại thương ước tính có chừng 40 000 máy tính cá nhân trên toàn quốc, và những thuế nhập khẩu thấp, không quá 5% đối với máy vi tính và phụ kiện, đang được áp dụng.

Một nền công nghiệp địa phương nhỏ bé và chỉ một phần rất nhỏ các xí nghiệp tư nhân là đang ở mức độ nào đấy sử dụng hiệu quả CNTT. Những hạn chế này được thấy rõ tại Tuần lễ Tin học lần thứ tư nơi một phần lớn của công nghiệp địa phương và hầu hết các công ty nước ngoài quan tâm có thể tất cả cùng triển lãm trong 50 gian hàng nhỏ. (Với việc bỏ cấm vận của Mỹ, lần đầu tiên đã có sự tham gia của các công ty Mỹ : Cabletron, Compaq, Dell, Digital Equipment, HP, IBM, IDG). Nhiều nơi đang sử dụng máy tính – các hãng hàng không quốc tế, khách sạn, công nghiệp dầu hoả mới phôi thai – đều có một thành phần ngoại quốc đáng kể. Ngọc ước lượng chừng 50% ứng dụng tin học thuộc về nhà nước trong khi một số khác cho rằng chừng 80%. Bộ Nội vụ được coi là nơi sử dụng hiệu quả và được ưu tiên cao. Theo những gì chúng tôi có thể thấy được, thì phần lớn các cơ quan nhà nước đều chưa ứng dụng tin học một cách phổ biến. Kể cả quân đội cũng chưa được trang bị những kỹ thuật cao cấp. Khác với một vài nước đang phát triển, Việt Nam không có các hải cảng, kênh đào, công nghiệp dầu hoả và du lịch ở tầm cỡ quốc tế để ít nhất cũng có những lĩnh vực đòi hỏi lớn về CNTT.

Có thể nêu ra GenPacific, một trong những công ty tin học địa phương lớn nhất, để minh hoạ cho những hạn chế này. Thành lập năm 1988 do kết quả liên doanh giữa Bộ Công nghiệp nặng của chính phủ và một phần hùn vốn ẩn tên từ Pháp, GenPacific chủ yếu là một xí nghiệp lắp ráp máy tính từ các bán thành phẩm, ráp mỗi năm chừng 5000 máy tính cá nhân PC-286, phần lớn được đưa sang Nga như một

phần của thoả thuận chuyển đổi song phương giữa hai chính phủ (mặc dầu có nguồn tin khác cho rằng có những vấn đề nghiêm trọng về sản phẩm, và rất nhiều máy gửi đi được chế tạo tại Singapore). Cả Liên Xô lẫn thoả thuận này đều biến mất năm 1991, và GenPacific đã phải chạy tìm một người góp vốn mới từ Pháp, hãng máy tính Bull khổng lồ. Hướng công việc chủ yếu và mới của công ty là phát triển phần mềm và thích hợp hệ thống sử dụng máy của Bull. Bùi Quang Độ, giám đốc công ty, tuyên bố chiếm được chừng 25% thị trường máy tính Việt Nam năm 1993, một thị trường 20 triệu đô la Mỹ. Đây chưa phải là một thị trường lớn đối với một đất nước 75 triệu dân, và chúng tôi cho rằng phần lớn yêu cầu đến từ phía chính phủ Việt Nam. Một thị trường nội địa tăng nhanh đã thúc đẩy công ty đến quyết định lập lại một xí nghiệp lắp ráp mới được bổ sung và nhằm vào các máy tính cá nhân PC-386, PC-486.

Giáo dục về CNTT còn ở mức thấp. Chưa đại học nào có chương trình cao học chính thức về tin học, hệ thống tin quản lý, hoặc công nghệ máy tính. Các chương trình hạn chế ở bậc đại học có rất đông sinh viên, họ viết các chương trình sơ cấp trên các máy tính cá nhân PC-286. Tuy nhiên rõ ràng là Việt Nam có những tài năng trẻ thực sự do giành được nhiều giải trong các kỳ thi Olympiad quốc tế về Toán học và Tin học. Việt Nam hiện nay thiếu rất nhiều giáo viên chất lượng cao. Giám đốc Trung tâm Tin học của Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Thị Bích Thủy, là một trường hợp hi hữu : một trong số ít người có học vị tiến sĩ (PhD) về Tin học hoặc Hệ thống tin quản lý (chị tốt nghiệp tại Thụy Sĩ) ; một trong số ít người Việt từ nước ngoài trở về làm việc lâu dài tại Việt Nam và không làm cho công ty nước ngoài ; và một trong số ít phụ nữ làm chuyên môn trong một lĩnh vực vốn là sở trường của nam giới. Để chất lượng đào tạo CNTT ở đại học có thể tăng lên đáng kể, những người như Thủy cần có nhiều hơn nữa. Tình hình còn yếu hơn ở đại học, và hầu như mọi hoạt động giáo dục về CNTT hiện nay chỉ tập trung tại ba thành phố lớn nhất : Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng.

Còn có một số điểm sáng khác. Sức ép của thị trường dẫn đến sự ra đời của một số trường học và đại học tư. Những trường này đã giúp các công ty có được những nhân viên có kỹ năng và tạo cơ hội được đào tạo kỹ thuật cho nhiều sinh viên, bổ sung thêm vào con số các trường nhà nước có thể gánh vác. Lotus (tên gọi này không có liên quan gì đến công ty phần mềm Mỹ Lotus) là một trường tư, nhỏ, đào tạo chương trình hai năm cho 350 sinh viên học cả ngày và 500 sinh viên học nửa ngày về “ tin học ” (chủ yếu là nam giới) và “ quản trị văn phòng ” (chủ yếu là nữ giới). Lotus được tài trợ một phần do một cơ sở của người Việt và các công ty nước ngoài. Một đại học khác với tên Văn Lang, tập trung vào đào tạo kỹ thuật cao cấp và thương mại, cũng đang được thành lập với một phần tài trợ của các cơ sở công nghiệp.

Sau hết, cộng đồng người làm CNTT ở Việt Nam phải chịu sự cô lập lâu dài do những hoàn cảnh của đất nước (như xung đột với các nước láng giềng, chỉ dùng một ngôn ngữ dân tộc đặc biệt, những quan tâm chính trị khác nhau), một nền kinh tế dựa trên đồng tiền không có khả năng chuyển đổi và lệnh cấm vận của Mỹ. Cộng đồng CNTT người Việt có

những liên hệ ít ỏi, yếu, và gián đoạn với thế giới bên ngoài. Những liên hệ này bao gồm cả việc mua trực tiếp máy tính từ các nước châu Á khác, sao chép không đúng luật bản quyền các phần mềm của Mỹ, những liên hệ giáo dục (chủ yếu dưới dạng đi học nước ngoài) với Pháp, với các nước Đông Âu và Liên Xô cũ (nay đã giảm đi rất nhiều), và rất nhiều kiểu liên lạc với người Việt hải ngoại (những người mang đồng tiền mạnh về Việt Nam từ gia đình và bè bạn, phần lớn đang sống tại Mỹ, Pháp, Canada và Úc). Các mạng liên lạc quốc tế còn rất ít, đáng kể nhất là đường nối UUCP được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Úc, và một đường do Việt Nam tự chi trả qua Học Viện Công Nghệ châu Á tại Bangkok, Thái Lan.

Lập kế hoạch cho Chính sách Quốc gia về CNTT

Theo định nghĩa, về thực chất một nhà nước xã hội chủ nghĩa phải nhận khả năng khu vực tư nhân có thể phục vụ được cho toàn bộ nhu cầu quốc gia, và do vậy cần rất nhiều “chỉ đạo” của chính phủ. Việt Nam đông dân và nghèo, và không có công ty địa phương hay nước ngoài nào có động lực hoặc tiền bạc để đảm đương toàn bộ nhu cầu về CNTT của đất nước. Nếu phó mặc tất cả cho các công ty tư nhân thì có thể quả quyết rằng CNTT, vốn có một vai trò then chốt cho sự phát triển xứ sở, sẽ chỉ phục vụ được cho một phần rất nhỏ và giàu có của dân số như tình trạng hiện nay. Chỉ đạo của chính phủ đang được triển khai với tên gọi Chương trình Công nghệ Thông tin năm 2000 (“CNTT 2000”), với trách nhiệm chủ trì của Bộ KH-CN-MT theo chỉ thị của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng Tám 1993.

Bộ trưởng Đặng Hữu phụ trách Ban điều hành Chương trình Quốc gia về CNTT, với sự hỗ trợ lãnh đạo quan trọng và hoạt động tích cực của phó Ban điều hành Phan Đình Diệu, một giáo sư toán học đào tạo tại Moskva. Trước đó, Diệu đã chỉ đạo các nỗ lực lập kế hoạch cho Chương trình Quốc gia về CNTT vào các năm 1976 và 1984, vẫn thường được xem như các kế hoạch để non. Các thành viên khác của Ban điều hành Chương trình Quốc gia về CNTT là các quan chức quan trọng trong bộ máy chính phủ – các Bộ khác, ngành Bưu chính Viễn thông, và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước – mà sự tham gia của họ luôn là cần thiết để thiết lập, tài trợ, và thực thi bất kỳ kế hoạch nào. Mặc dù không hình thành chính thức một cơ cấu thu nhận các ý kiến chuyên gia và thông tin từ bên ngoài chính phủ (khu vực tư nhân, chuyên gia nước ngoài, người Việt hải ngoại), chúng tôi được biết rằng điều này luôn được thực hiện. Tin tức cơ bản có thể có được tại Hội Tin Học Việt Nam (HTHVN), một tổ chức độc lập của những người làm tin học. Không nao núng với hai lần chưa thành công trước đó, Diệu, người chấp bút không mỏi mệt, đã có được một bản dự thảo của chương trình vào tháng Tám 1994.

Bản dự thảo điếm lại hầu hết chính sách CNTT ở các nước đang phát triển chỉ trừ ra việc tạo một công nghiệp phần cứng phức tạp. Chương trình được đề nghị ở ba mức, được trình bày chi tiết dần từng bước. Những nét chính là như sau :

I. Xây dựng hạ tầng cơ sở cho CNTT

1. Giáo dục và huấn luyện
2. Nghiên cứu và phát triển
3. Phát triển một công nghiệp về CNTT

4. Xây dựng một mạng truyền dữ liệu

5. Xây dựng các chuẩn của CN.

II. Áp dụng CNTT trong quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế – xã hội

1. Quản lý nhà nước
2. Quốc phòng và an ninh quốc gia
3. Hỗ trợ các hoạt động của kinh tế thị trường
4. Áp dụng vào các lĩnh vực sản xuất công – nông nghiệp
5. Áp dụng vào các lãnh vực khác của kinh tế và ở các địa phương

III. Các chính sách khuyến khích phát triển và ứng dụng CNTT

1. Xây dựng hạ tầng cơ sở
2. Huấn luyện
3. Phát triển các mạng lưới liên lạc
4. Chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế
5. Tạo dựng vốn
6. Bảo vệ sở hữu trí tuệ

Bản dự thảo được chi tiết với nhiều mục tiêu cụ thể. Thí dụ như trong mục I.1 (Giáo dục và huấn luyện) có ước lượng nhu cầu cần khoảng 20 000 nhân viên chuyên nghiệp vào cuối thập kỷ này trong đó một nửa là lập trình viên và một phần tư là người phân tích hệ thống. Phần về giáo dục cũng nói đến việc nâng cao chương trình huấn luyện ở phổ thông trung học và các đại học tiên tiến, sự cần thiết phải đào tạo nhiều giáo viên hơn...

Bản dự thảo thực chất đề cập việc thiết lập một nền CNTT toàn diện trong vòng sáu năm tới – một kế hoạch mang nhiều hoài bão cho một đất nước nông nghiệp, rộng, nghèo, và mới bắt đầu xây dựng một hạ tầng cơ sở cho nền CNTT nhỏ bé và còn kém phát triển. Đây chưa phải một kế hoạch thực hiện có định rõ các cách thức đạt mục tiêu cũng như nhận ra các hạn chế lớn về nhiều phương diện : thời gian, kinh nghiệm, hạ tầng cơ sở đang có, và tiền. Đúng như Hữu, Diệu, và những người khác nhận xét, bước tiếp theo sẽ khó khăn hơn nhiều.

Tiến lên phía trước

Một kế hoạch quốc gia về CNTT phải nhằm vào phục vụ cho các mục tiêu quốc gia rộng lớn, còn chính bản thân kế hoạch không phải là mục đích. Cho đến nay, bản dự thảo chương trình quốc gia về CNTT dường như chưa có một vai trò rõ ràng trong cuộc đổi mới kinh tế và xã hội. Thiếu bối cảnh rộng hơn này, phải chăng cần xem lại lý lẽ cho một kế hoạch xã hội chủ nghĩa và tập trung như vậy.

Theo quan điểm chúng tôi, cần xác định các ưu tiên hợp lý, cần nhanh chóng tạo ra những gì đó thấy rõ được, để nhiều người hơn có thể từng bước sử dụng các kết quả này, và cần giữ vững một chương trình của những công việc khả thi, phù hợp với một kế hoạch dài hạn. Năm 2000 không còn xa, và chính phủ cần tạo ra lòng tin đối với sự tiến bộ có thể thấy rõ này.

Kế hoạch CNTT thảo luận về các ứng dụng – đặc biệt tại các cơ quan chính phủ – cũng như về xây dựng hạ tầng cơ sở. Hiển nhiên rằng chính phủ đã là người khách hàng chủ yếu của CNTT, và mỗi Bộ đều có nhân viên với những ý tưởng về

các ứng dụng cần thiết. Chúng tôi nghĩ rằng việc tập trung xây dựng hạ tầng cơ sở của CNTT trên phạm vi toàn quốc sao cho đông đảo người dùng dễ dàng khai thác chúng sẽ có hiệu quả hơn việc tập trung ứng dụng vào một bộ máy còn nặng quan liêu, và nên để cho các Bộ, các trường học, các doanh nghiệp, những người sử dụng khác tự quyết định làm sao khai thác hạ tầng cơ sở một cách tốt nhất.

Tất nhiên cần hiểu hạ tầng cơ sở theo nghĩa rộng, bao gồm người sử dụng máy tính, kỹ thuật viên, các mạng máy tính và chương trình, hệ thống điện thoại và các đường truyền thông khác, và sự phổ cập rộng rãi các máy tính cá nhân PC trên toàn quốc. Ngành Bưu chính Viễn thông cần có kế hoạch tăng khả năng phục vụ và đặt giá thuận lợi cho việc đạt các mục tiêu quốc gia hơn là tìm cách đạt tối đa lợi nhuận của mình. Chẳng hạn như với một hệ thống viễn thông và đội ngũ nhân viên yếu, Việt Nam không thể trông mong ngay lập tức đến một mạng lưới TCP/IP số tốc độ cao. Trong tình trạng hiện nay rất khó thiết lập một đường truyền tốc độ 2400 bps ổn định, ngay cả trên hệ thống tại thành phố Hồ Chí Minh. Ít nhất lúc này, trước khi một hệ thống điện thoại mở rộng, tin cậy và hiện đại hơn được thiết lập, thích hợp hơn là bắt đầu với một mạng UUCP nối 53 thị xã, sử dụng các modem và chương trình chất lượng cao để có thể khắc phục các biến động trong chất lượng đường truyền. Cũng cần sớm có thư điện tử (e-mail), tin Usenet, và truyền các tập tin bằng hệ thống điện thoại hiện nay. Mỗi nơi cần có một máy tính cá nhân PC, modem, và một người được huấn luyện kỹ. Chính người này sẽ cài đặt và vận hành hệ thống, huấn luyện người sử dụng, và giúp họ tìm các cách khai thác hệ thống máy tính. Một mạng máy như vậy cần được triển khai nhanh chóng, sẽ có ích ngay lập tức, và sẽ là hạt nhân của một hạ tầng cơ sở cân đối. Nhất thiết không nên dùng các công nghệ đã lỗi thời, mà nên dùng các máy PC hiện đại và các chương trình cho người dùng cuối có đồ họa vốn quen thuộc với người sử dụng Việt Nam. Hệ thống này cần phải là thành phần của một mạng máy tính của các trung tâm thông tin lớn hơn nối khắp đất nước để phục vụ cho một số lớn hơn người sử dụng CNTT, giống như cách thức hiện đang được chú ý ở Nam Phi.

Giáo dục CNTT cũng cần được cân bằng với những phần còn lại của hạ tầng cơ sở. Theo truyền thống, các giáo sư Việt Nam hầu hết được đào tạo tại các đại học châu Âu và thường trong các lĩnh vực hẹp (Ngọc và Diệu được đào tạo là các nhà toán học lý thuyết). Chính những nguồn tài sản này cần được sử dụng tốt hơn để đạt được giáo dục cao học thực hành cho một số người đông hơn, và chính những người này lại sẽ có khả năng tham gia xây dựng hạ tầng cơ sở và các ứng dụng cấp bách, cũng như huấn luyện lại người khác.

Một thiếu hụt quan trọng là không có đầu tư đầy đủ vào việc phát triển phần mềm cho các nhu cầu địa phương, và do vậy kéo theo những hiệu ứng phụ như việc quá nhấn mạnh về những điều đã rõ (phần cứng) của CNTT, sở hữu trí tuệ chỉ nhận được giá trị rất ít, thiếu những thông tin kỹ thuật được cập nhật thường xuyên. Vì chữ Việt dựa trên chữ Latin với những dấu bổ sung, việc "Việt Nam hoá" tin học cho một số đông người dùng ít gặp khó khăn hơn so với công việc này

cho các tiếng châu Á khác. Về mặt này, các giải pháp cần thoả đáng cho nhu cầu trong nước cũng như phù hợp với sự phát triển công nghệ trên thế giới. Các công ty Pháp, Mỹ và chính phủ Việt Nam có cơ hội đóng những vai trò quan trọng trong việc này (như phát triển và phổ biến một hệ chương trình xử lý văn bản tiếng Việt trên Windows). Những nhu cầu này quan trọng hơn rất nhiều so với việc tìm cách phát triển một công nghiệp phần mềm hướng đến xuất khẩu, một việc hết sức cạnh tranh trong đó Việt Nam gặp những bất lợi lớn.

Việt Nam đang bắt đầu phát triển một hạ tầng cơ sở của CNTT hiện đại. Lúc này vẫn còn ít những đòi hỏi lôi kéo cho CNTT trên một cơ sở rộng rãi toàn quốc, và những tài trợ để thúc đẩy CNTT tiến lên một cách tích cực vẫn còn rất hạn chế. Trước mắt là một chặng đường dài phải đi, nhưng có những lý do để lạc quan. Việt Nam có những lợi thế so với nhiều nước đang phát triển khác. Mạng lưới xã hội gia đình được mở rộng và cơ sở cho phần lớn nhu cầu của cuộc sống hàng ngày đã được thiết lập tốt và ổn định; chính phủ đang giữ được điều khiển (giảm áp chế hơn so với quá khứ) và được nhìn nhận rộng rãi là hợp lý. Mặc dầu vậy, cũng như ở phần lớn các nước đang phát triển ta vẫn thường gặp câu hỏi liệu các Bộ và chính quyền địa phương có thực hiện được các chính sách kinh tế của trung ương hay không? Như vậy, Việt Nam có một tình trạng xã hội và trật tự dân sự tương đối tốt, kinh tế cơ bản ít nhiều tự do, và nhiều người phân tích quốc tế dự đoán rằng Việt Nam sẽ là một trong số những con "Hổ châu Á" của thời gian tiếp theo. Dường như cũng có nhiều quan tâm đầu tư từ nước ngoài vào đây.

Tuy nhiên ưu thế quan trọng nhất có thể có là một sự lãnh đạo và những con người có một lịch sử đã được chứng minh về sự cần cù trong lao động, linh hoạt, bền bỉ, và quý trọng giáo dục. Dưới dạng một chính sách quan trọng của chính phủ và một nhu cầu về "xây dựng lại đất nước" đã được nhận thức rõ, những người như Hữu, Ngọc, Diệu nhất thiết sẽ đóng những vai trò quyết định. Sẽ có sự quan tâm khắp thế giới xem họ làm những công việc này thế nào.

Lời cảm ơn

Bài báo này chủ yếu dựa trên các chuyến thăm Việt Nam của chúng tôi vào tháng 7 và tháng 8 năm 1994. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Đỗ Văn Lộc, Chu Hảo, Diane Goodman, Lê Bá Quang, Nguyễn Hữu Anh, Nguyễn Minh Hùng, Phạm Thị Dương Nguyệt, Edward Roche, George Sadowsky, Trần Hà Nam, Trần Lưu Chương, Vũ Duy Mẫn, và đặc biệt của James Đỗ.

Copyright © 1995 by the Association for Computing Machinery, Inc. Copying without fee is permitted provided that the copies are not made or distributed for direct commercial advantage and credit to the source is given.

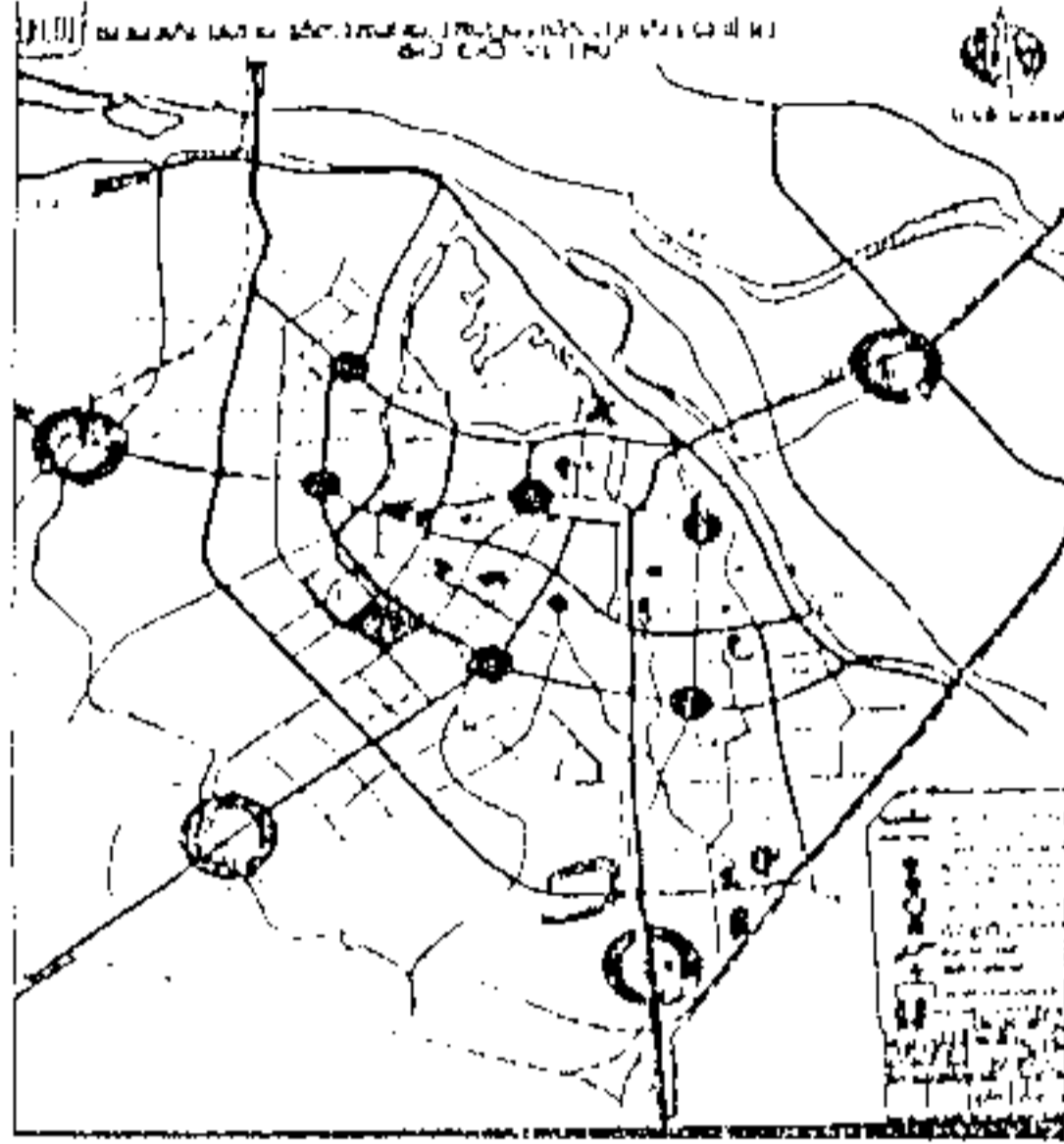
(Bản quyền của bài này thuộc về công ty ACM. Diễn Đàn cảm ơn ACM đã cho phép dịch và đăng lại.)

Người dịch: **Tùng Nguyễn** (Japan)

Văn Ngọc

Bảo vệ và phát triển khu vực Hồ Tây

Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây
Đây lắng hồn núi sông ngàn năm...
(Người Hà Nội / Nguyễn Đình Thi)



Khu vực Hồ Tây trong cơn sốt “kinh doanh bất động sản”

Gần đây, báo chí trong nước có nêu lên những lo ngại và phản ứng của người dân Hà Nội trước hiện tượng xây dựng bờ bãi những khách sạn và nhà trụ sở kinh doanh cao tầng ở nhiều nơi trong thành phố, bất chấp cảnh quan và những luật lệ về quy hoạch cũng như về kiến trúc, xây dựng. Đặc biệt, người ta rất lo ngại cho khu vực Hồ Tây và đê sông Hồng (Xem *Diễn Đàn* số 37, mục Tin tức và Đọc báo trong nước).

Những mối lo ngại này hoàn toàn chính đáng, vì Hồ Tây là một danh thắng, đồng thời là một nơi có nhiều di tích văn hoá và lịch sử. Đê sông Hồng lại càng là một nơi bất khả xâm phạm vì cả cái vận mạng của thành phố Hà Nội, vốn thấp hơn mực nước sông Hồng, tùy thuộc vào sự bền vững của nó.

Tại sao lại có hiện tượng xây dựng “bờ bãi”, nhất là ở khu vực Hồ Tây và ven đê sông Hồng?

Đây có phải chỉ đơn thuần là một hiện tượng xây dựng bất hợp pháp, hoặc vì không có luật pháp? Trong những điều kiện cụ thể nào nó đã có thể xảy ra được?

Trước hết, có lẽ phải nói đến cái nguyên nhân trực tiếp của nó, đó là cơn sốt “kinh doanh bất động sản”, nói trắng ra là đầu cơ đất xây dựng, mà khu vực Hồ Tây là một “khu vực nóng”. Hiện tượng này không chỉ mới bộc phát từ khi nhà nước mở cửa cho tự do kinh doanh và cho vốn đầu tư của nước ngoài vào, mà có cả một quá trình hoạt động từ một số năm nay, vì ngay từ những năm bước vào thời kỳ “đổi mới”, người ta đã biết được hướng phát triển của thủ đô về phía Tây và Tây-Nam và “trung tâm mới của thủ đô” bao gồm

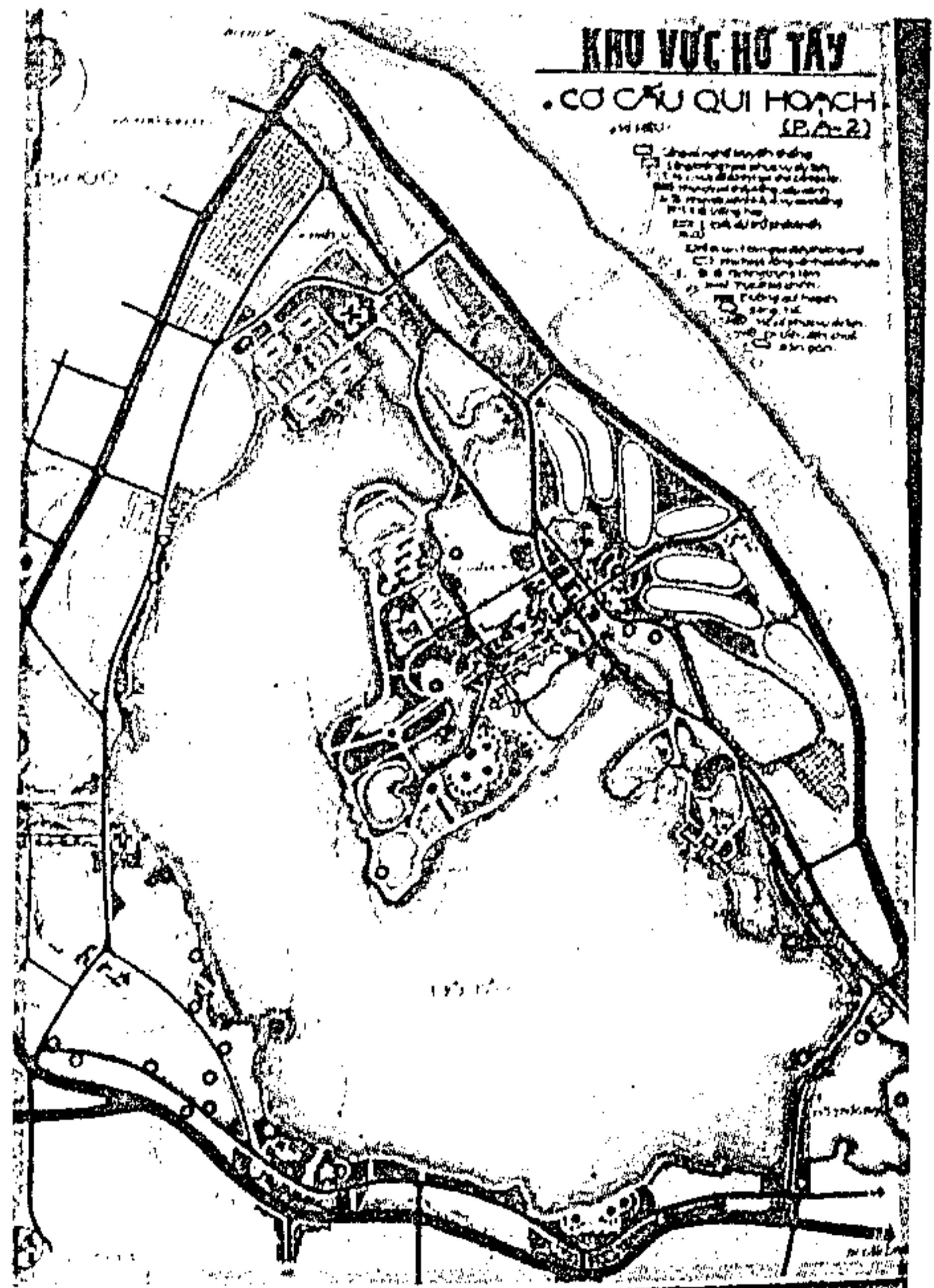
vùng ven Hồ Tây với những chức năng quan trọng như: giao dịch quốc tế, cơ sở của các Bộ, dịch vụ du lịch, vv... Như vậy rõ ràng khu vực này là khu vực lý tưởng để đầu cơ mua bán đất, từ giá trị đất ven đô, có khi còn là đất nông nghiệp, trở thành đất của trung tâm mới của thủ đô. Do những chức năng của nó, đây cũng là nơi đầu tư xây dựng lý tưởng, xây được cao, kiếm lợi nhuận tối đa. Giá đất do đó đã ngày một tăng vọt... Nhưng chuyện đầu cơ nhà đất là một chuyện không ai cấm cản nổi trong một cơ chế thị trường mà luật pháp còn ở trạng thái “luật rừng”.

Điều đáng quan tâm hơn là trong cả quá trình ấy, những biện pháp hành chính, những sơ đồ quy hoạch, cũng như những luật lệ về quy hoạch và kiến trúc, đã không được chuẩn bị đầy đủ để được ban hành kịp thời. Bằng chứng là mãi đến cuối năm 94, đầu năm nay bản “Sơ đồ quy hoạch chi tiết” khu vực Hồ Tây mới được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt! (Đây chắc chắn không phải là một vấn đề thiếu chuyên môn, mà chủ yếu là một vấn đề thiếu đầu tư: thời gian, phương tiện điều tra, nghiên cứu, vv...).

Đây có lẽ là nguyên nhân chính giải thích tại sao lại có hiện tượng xây dựng “bờ bãi”, tại sao lại có những ngôi nhà cao tầng mọc lên ngay sát bờ nước Hồ Tây, hoặc ngay sát ven đê sông Hồng mà không có ai cấm cản được.

Bởi vì, một là những công trình đó đã được xây không có giấy phép, tức là xây trái phép, thì nhà nước có quyền bắt phải phá đi, hoặc cho phép xây lại ở một địa điểm khác.

Hai là những công trình ấy đã được cấp giấy phép xây dựng, trong khi chưa có một sơ đồ quy hoạch chi tiết cho khu



vực. Do đó, đã không thi hành pháp luật được, vì không có cơ sở kỹ thuật và pháp lý để cho phép hoặc cấm người ta xây như thế này, hay thế khác.

Ba là những công trình ấy đã được xây dựng theo đúng sơ đồ quy hoạch chi tiết, nhưng điều này đã không thể có được, vì như đã nói ở trên, sơ đồ quy hoạch chi tiết khu vực Hồ Tây mãi đến gần đây mới được phê duyệt.

Trong cả ba giả thuyết kể trên, các cơ quan có thẩm quyền đều có phần trách nhiệm.

Điều chắc chắn là nếu không có một phương án quy hoạch thiết thực được nhà nước thông qua và được sự đồng thuận của dân chúng, cùng với những luật lệ cụ thể ấn định cho từng khu vực của thành phố, và nếu không áp dụng luật pháp một cách nghiêm chỉnh, cứ để cho xây dựng “bừa bãi”, thì chẳng mấy chốc bộ mặt của thủ đô sẽ còn nham nhở, xấu xí hơn nữa, và rồi để điều, môi trường thiên nhiên cũng sẽ bị hu hại nghiêm trọng.

Riêng đối với khu vực Hồ Tây, nguyên là một danh thắng và là một khu di tích văn hoá và lịch sử có nhiều khả năng phát triển để trở thành một khu trung tâm hấp dẫn khách du lịch, lại càng cần có những phương hướng quy hoạch cụ thể với những chức năng thích ứng và trước những hiện tượng tiêu cực đã trình bày ở trên, cần có những biện pháp để ngăn chặn kịp thời.

Những chức năng vốn có của khu vực Hồ Tây

Hồ Tây từ xưa vẫn là một nơi danh thắng của đất Thăng Long.

Nằm giáp lưng với sông Hồng ở phía Đông Bắc, nhìn về đằng xa ở phía Tây là dãy núi Ba Vì (Tản Viên), phía Đông Nam giáp đường Cổ Ngự và hồ Trúc Bạch, phía Nam là con sông Tô Lịch nay đã cạn, Hồ Tây có chu vi 16 km, với bề mặt hồ rộng 500 ha, xung quanh là các làng cổ có nghề truyền thống, phần lớn là các phường thuộc kinh thành Thăng Long cũ như : Nghi Tàm, Tây Hồ, Quảng Bá, Nhật Chiêu, Nhật Tân, Yên Phụ, Ngọc Hà, Thụy Khuê, Bưởi vv...

Hồ Tây đẹp cũng nhờ ở cái vị trí đặc biệt ấy.

Cho nên khi nói đến cái đẹp của Hồ Tây là người ta nghĩ đến cùng một lúc sự có mặt của sông Hồng, của núi Tản, của chùa Trấn Quốc và các làng nằm nhô ra giữa hồ, của con đê Yên Phụ, con đường Cổ Ngự, của hồ Trúc Bạch, đền Quan Thánh, chùa Châu Long, chùa Kim Liên, chùa Phổ Linh v.v...

Cái cảnh đẹp vừa hùng vĩ, vừa cổ kính ấy được tạo nên một phần do những yếu tố thiên nhiên, nhưng một phần khác cũng do những di tích kiến trúc và những truyền thống văn hoá cổ hiện vẫn còn giữ được trong các làng xung quanh hồ.

Làng Nghi Tàm, chẳng hạn, đứng trên đê nhìn xuống, là một doi đất nhô ra hồ trông rất đẹp, vào đời nhà Lý có tên gọi là Tầm tang nổi tiếng về nghề trồng dâu, nuôi tằm và trồng hoa, các cung nữ đời Lý vẫn thường ra đây ở với dân coi việc chăn tằm, dệt lụa. Công chúa Từ Hoa, con vua Lý Thần Tông, đã ra ở chùa Kim Liên, một ngôi chùa đẹp và hiếm của làng này, hiếm vì đây là nơi còn in dấu vết của phong cách kiến trúc cung lầu xưa, chùa được xây trên nền cũ của

cung Từ Hoa. Qua đến các thời Lê, Trịnh, nơi đây vẫn là nơi vua chúa thường đến du ngoạn. Công chúa Quỳnh Hoa con vua Lê Thánh Tông cũng đã từng ra đây ở và trông coi việc tầm tang. Đây cũng là làng quê của bà huyện Thanh Quan, tác giả những bài thơ hoài cổ quen thuộc.

Ngày nay, làng Nghi Tàm vẫn còn nổi tiếng về nghề trồng cây cảnh, đặc biệt là cây quất cho ngày tết.

Một làng khác kể bên cũng nổi tiếng là làng Tây Hồ, hiện nay ở đây vẫn còn giữ được xóm Cung — di tích hành cung — nơi xưa kia các vua Lê thường ra xem đánh cá. Có chùa Phổ Linh được xây dựng từ đời Lý Nhân Tông (1097), có bia cổ từ đời Lê, có Phủ Tây Hồ, một đền thờ Bà chúa Liễu Hạnh. Tây Hồ còn là quê hương của Thị Lộ : “Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gòn...”.

Nói chung, mỗi làng ở xung quanh hồ đều có ít nhiều di tích lịch sử và còn giữ được nhiều nghề truyền thống cho đến ngày nay.

Do đó, khu vực Hồ Tây cần được bảo tồn và ưu tiên khai thác về các mặt : văn hoá, thể dục thể thao, giải trí, du lịch, thủ công nghiệp v.v...

Đó là những chức năng đặc thù của khu vực này bên cạnh những chức năng khác đã được quy định cho “khu trung tâm mới của thủ đô” bao gồm khu vực Hồ Tây như chức năng giao tế, giao dịch quốc tế, cơ sở của các bộ, vv...

Khu vực Hồ Tây trong sơ đồ quy hoạch

Mới đây, trong *Thời báo Kinh tế Việt Nam* số 1, tháng 1-1995 có đăng một bài báo ký tên Vũ Hùng với nhiều hình ảnh minh họa, trong đó có mấy bản sao thu nhỏ của sơ đồ quy hoạch áp dụng cho thành phố Hà Nội, nói chung, và cho khu vực Hồ Tây, nói riêng.

(Theo tuần báo *Việt Nam Đầu Tư Nước Ngoài* số 90, đề ngày 27-12-1994 / 2-1-95, thì vừa đây Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ngô Xuân Lộc đã phê duyệt sơ đồ quy hoạch chi tiết khu vực Hồ Tây, không biết có phải cùng một sơ đồ này không ?)

Sau đây là một vài nhận xét của riêng cá nhân tôi về sơ đồ quy hoạch này.

Thật ra, đây là một việc làm khá mạo hiểm, vì tỷ lệ của các bản vẽ quá nhỏ mà in lại hơi mờ, nên không thấy rõ được các chi tiết, mà bản thân tôi lại không có điều kiện để biết tường tận về những ý đồ quy hoạch của các tác giả. Ngoài ra, tôi không biết đã có những bản đồ quy hoạch chi tiết hơn chưa (tương đương với *Plan d'occupation du sol* ở các nước Âu châu, chẳng hạn) ? Vì thế, có thể có những điểm mà tôi đã hiểu sai nên xin lỗi trước các tác giả.

Trước hết về mặt phân định các khu vực chức năng và bố trí các tuyến đường sá ở xung quanh và ở bên trong khu vực, người ta thấy các dải đất xung quanh hồ dành cho cây xanh và đường đi bộ dạo chơi quá hẹp, lại sát ngay với đường xe hơi chạy. Có những khu quy hoạch, như khu phía Nam Hồ Tây, bài báo của tác giả Vũ Hùng viết : “từ vườn hoa Lý Tự Trọng đến chợ Bưởi, dành để xây dựng những công trình tạo thành trung tâm giao dịch quốc tế”, khu này nằm sát tới đường Hoàng Hoa Thám, có khi còn lấn ra cả đến đường

Thụy Khuê. Khu quy hoạch phía Tây “ từ chợ Bưởi đến ngã ba Nhật Tân, dành ưu tiên cho việc xây dựng khách sạn cao tầng ” cũng lấn ra tới gần sát bờ nước.

Thật khó mà tưởng tượng được những dải đất trồng cây nhỏ hẹp này lại có thể trở thành những công viên, bãi cỏ rộng rãi để làm nơi dạo chơi quanh hồ của người dân Hà thành mà số lượng ngày càng tăng, cũng như của khách du lịch đến vãn cảnh sau này. Chỉ trừ khi các công trình xây dựng lên ở đây sẽ không có rào giậu gì hết và được xây dựng một cách hài hoà, kín đáo, chen lẫn trong cây cỏ, một điều hơi lý tưởng và có lẽ còn lâu mới thực hiện được.

Thông thường, người ta vẫn phải phân định rõ ràng ranh giới giữa các khu vực của tư nhân, hay của nhà nước với các không gian công cộng. Nhưng dứt khoát không nên rơi vào kiểu làm như ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là ở những vùng ven bờ biển, bờ sông, hoặc ở các đảo, như ở vùng Bretagne, chẳng hạn, các biệt thự vườn tược của tư nhân được rào giậu kín cho tới bờ nước, công chúng không lẫn theo bờ nước mà đi dạo chơi quanh đảo hay dọc theo bờ biển được !

Về điểm này, cũng nên tham khảo kinh nghiệm ở các nước phát triển : hồ Léman, chẳng hạn, mặc dầu lớn hơn Hồ Tây rất nhiều (bề ngang 10 km, bề dài 60 km !), nhưng là một thí dụ về quy hoạch kiến trúc đáng chú ý. Về phía bên tỉnh Lausanne (Thụy Sĩ) chẳng hạn, các công trình kiến trúc ở gần hồ đều được xây thấp chen lẫn vào cây cối và thụt lùi vào rất xa, cách bờ nước đến hàng trăm thước. Khoảng đất dành cho công viên, bãi cỏ và cây cối để cho người ta đi dạo chơi do đó rất rộng rãi.

Về mặt cảnh quan và bảo vệ môi trường, nói chung, xây dựng những ngôi nhà cao tầng trước những phong cảnh có địa thế bằng phẳng như phong cảnh Hồ Tây, hay bãi sông Hồng, là một việc làm cần nghiên cứu một cách thận trọng. Trên sơ đồ và trong bài báo đã nêu ở trên, người ta đọc thấy : “ Khu Đông Bắc Hồ Tây bao gồm phần đất từ ngã ba Nhật Tân, Quảng Bá, Quảng An, Tú Liên, Nghi Tàm đến ô Yên Phụ được dành cho tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ ngơi, giải trí và công viên, xây dựng khách sạn, cụm nhà nghỉ kiểu biệt thự thấp tầng. Đoạn từ giữa bán đảo về phía đê có thể xây khách sạn cao tầng. ” Như vậy là trong một dải đất hẹp nằm giữa Hồ Tây và bãi sông Hồng, người ta muốn xây dựng lên không biết bao nhiêu là thứ công trình, trong đó có cả những khách sạn cao tầng đứng làm bình phong trước mặt sông Hồng và thông thường chiếm những khoảng đất rất rộng. Thế thì không biết những làng có nghề truyền thống cần được bảo tồn ở đây sẽ còn đất đâu để mà sinh hoạt và phát triển ?

Ngoài ra, những công trình lớn này, muốn xây lên ở những vị trí đó, phải dự trù trước tất cả những điều kiện và thiết bị kỹ thuật để tránh không làm hư hỏng và ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung, sơ đồ quy hoạch nói trên hơi “ tham lam ” trong quan niệm quy hoạch khu trung tâm mới của thủ đô bao gồm khu vực Hồ Tây, và đã không chú ý đủ đến những chức năng vốn có và tiềm năng phát triển đặc thù của khu vực này. Đã không nói rộng khu vực Hồ Tây ra, ngược lại

còn làm cho nó teo lại, mà lại muốn phát triển khu trung tâm mới ở xung quanh thì quả là đã không nhìn xa đủ về tương lai.

Do đó, theo ý tôi, cần điều chỉnh lại mặt bằng của sơ đồ quy hoạch và kiểm lại các chức năng của từng khu vực.

Ở khu vực Hồ Tây, trước hết ở xung quanh bờ hồ, cần nói rộng thêm những khoảng đất dành cho công viên, bãi cỏ, cây cối và hàng quán phục vụ người đi dạo chơi quanh hồ.

Không nên xây dựng quá nhiều và quá cao ở ngay trước mặt hồ. (Nhiều hình ảnh được đăng trên mặt báo chí mới đây cho thấy những toà nhà 3, 4, 5 tầng được xây cất sát ngay ven hồ ! Như vậy thì dân chúng thủ đô và khách tham quan còn làm sao đi dạo quanh bờ hồ được ?)

Đối diện với mặt hồ phải có những công trình kiến trúc có chất lượng và hài hoà về mặt hình khối và kích thước.

Những công trình cần thiết cho khu trung tâm mới của thủ đô có thể xây lui nửa về phía Tây và Tây Nam.

Cần giảm bớt những đường cho xe hơi chạy ở gần sát bên hồ (bởi nói đến xe hơi là phải nghĩ đến những hậu quả và những thiết bị đi cùng : phải dự trù chỗ cho xe đậu, dự tính số lượng xe sẽ đi qua hoặc dừng lại ở khu vực này, nhất là phải nghĩ đến những vấn đề ô nhiễm do tiếng động và bụi đối với những người đến đây cốt để nghỉ ngơi, giải trí, hoặc tập thể dục thể thao, v.v... Do đó cũng cần xem lại các tuyến đường).

Ngoài ra, đối với khu vực đê sông Hồng, cần có những biện pháp xử lý thích đáng. Khu vực này phải được nằm trong sơ đồ quy hoạch như một khu vực cấm xây dựng nhà cửa và dưới quyền trách nhiệm quản lý của một hay hai cơ quan hành chính, chứ không phải của năm hay mười cơ quan khác nhau, theo như báo chí đã cho biết.

Nói tóm lại, khu vực Hồ Tây là một khu vực tương đối nhỏ, không có nhiều đất đai xây dựng, nhưng có những chức năng văn hoá và lịch sử có thể cho phép nó trở thành một khu vực hấp dẫn của thủ đô, với điều kiện là phải bảo vệ được cảnh quan và môi trường thiên nhiên, chỉnh trang nhà cửa đường sá xung quanh hồ và bên trong các làng, chỉnh trang các đình, đền, chùa cổ, khuyến khích phát triển các lễ hội dân gian, giải toả những cụm công trình xây dựng ô hợp từ một số năm nay vây quanh những di tích cổ (trường hợp chùa Châu Long bên hồ Trúc Bạch là điển hình nhất), khuyến khích mở mang các nghề thủ công có khả năng kinh doanh đi đôi với việc phát triển các hoạt động văn hoá, du lịch, thể thao, giải trí v.v... ở xung quanh hồ và trên mặt hồ.

Quy hoạch là nhìn về lâu về dài. Một sơ đồ quy hoạch đôi khi cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với những điều kiện thực tế, với chức năng, môi trường, cảnh quan của từng khu vực.

Những trường hợp xây dựng “ bừa bãi ”, tùy tiện ở thủ đô Hà Nội, nói chung, và ở khu vực Hồ Tây, nói riêng, dấu sao cũng mới chỉ là những biểu hiện đầu tiên của một hiện tượng sẽ còn tiếp tục phát triển nếu không có những biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Vân Ngọc

Khánh Trường

Bí mật của rừng già

... Anh trạng đã đi đến chỗ tuyệt vọng. Ba ngày kể từ lúc bị lọt vào khu vực chạm súng của hai phe, người dẫn đường tuy kéo được chúng tôi ra khỏi tử địa nhưng lại lạc mất phương hướng, không thể tìm thấy con đường mòn quen thuộc xuyên qua biên giới. Lương thực hầu hết chúng tôi đã vất bỏ cho gọn nhẹ. Đói và khát. Mười hai nhân mạng. Tám đàn ông, kể cả người dẫn đường tương đối còn sức lực. Riêng bốn người còn lại, tôi, cô em gái và mẹ con một người đàn bà đồng hành thì gần như không còn đứng vững nổi trên hai chân. Nhất là cô bé mười ba tuổi, kiệt quệ đến độ bọn đàn ông phải thay phiên nhau công. Xế chiều của ngày thứ ba, khi chúng tôi vừa ra đến một bìa rừng, bỗng chung quanh chát chúa tiếng súng cùng tiếng hú hét man rợ. Từ sau những bụi bờ, những thân cỏ thụ, hàng chục khuôn mặt đen đúa hầm hầm sát khí xuất hiện. Cô bé mười ba tuổi khóc thét, “ Mẹ, lính Miên...”. Lính Miên. Hai tiếng ngắn gọn đó như một sức bật có khả năng đẩy chúng tôi văng bắn ra mọi hướng, cuống cuồng thoát chạy. Tôi kéo cô em gái lùi bừa vào rừng tre gai. Sau lưng tôi tiếng súng, tiếng hò hét đuổi theo gấp rút. Đạn rào rào trên những tàng lá rậm, đạn xé toạc những thân tre già nổ lổp bốp, đạn đốn gãy những cây cành. Tôi chạy, hoảng loạn, kinh khiếp. Tôi chạy, càn bừa, bất kể bụi bờ gai góc. Tôi chạy, cố gắng nhanh hơn, dù đôi chân đã run bắn lẩy bẩy, dù cô em gái không ngớt vấp ngã, khóc rống từng cơn...Bỗng tôi có cảm giác tức nhói chỗ bắp đùi, đồng thời ngã

chúi về phía trước. Tiếp theo, tiếng chân nện thình thịch trên mặt đất, rồi một vật cứng, hình như một đế súng, động mạnh vào thái dương. Mắt nổ đom đóm, tôi vật ra, bất tỉnh.

Lược qua những chi tiết, tôi chỉ tóm tắt : Tám người đàn ông có ba người thoát, không biết bây giờ họ ra sao, ở đâu. Số còn lại đều bị bắt và bị chặt đầu. Cô bé mười ba tuổi bị hiếp đến chết. Bà mẹ bị một gã Miên già cưỡng bức làm “ vợ ”, nửa đêm bà ta thoát ra ngoài, chạy hoảng vào bãi mìn, tan xác. Cô em tôi cũng bị buộc lấy một tên tiểu đội trưởng, sau đêm “ động phòng ” cô gần như mất trí, suốt ngày ngồi lặng một chỗ, mắt mở trừng nhìn ngây dại vào khoảng rừng âm u trùng điệp như chờ đợi một điều gì. Trong thời gian này những cuộc vượt biên bằng đường bộ xuyên qua lãnh thổ Campuchia đang ở giai đoạn cao điểm, vì thế bọn này làm ăn được mùa, mỗi tháng ít ra cũng vài ba mối, tất cả đàn ông chúng bắt được đều bị giết sạch. Đàn bà con gái thì hoặc chúng hiếp đến chết hoặc chia nhau lấy “ làm vợ ”. Sau ngày chúng tôi bị bắt không lâu, tên tiểu đội trưởng vờ được con mồi mới, hẳn lập tức bán cô em tôi cho một thuộc hạ với giá hai khoen vàng. Tên này nổi tiếng tàn ác nhất bọn, chính mắt tôi từng nhìn thấy hắn treo cổ mổ bụng nhiều nạn nhân. Có lẽ cô em tôi — bấy giờ đã hoàn toàn mất trí — không đáp ứng được thú tính man rợ của hắn nên sau mấy trận đánh đập thừa chết thiếu sống, hẳn lôi cô vào rừng, và từ đó mãi mãi không bao giờ tôi gặp lại đứa em bất hạnh. Riêng tôi, lẽ ra đã được hoá kiếp sau cái đế súng nện vào đầu, nhưng nhờ viên chỉ huy cứu kịp. Cũng bằng cái cách quen thuộc : Nhận lấy tôi làm “ vợ ”.

Tôi bị thương, viên đạn xuyên qua bắp đùi, phá vỡ ống xương. Chẳng hiểu bởi phép màu nào mà với tình trạng thuốc men chữa trị hết sức thô sơ, chân tôi không bị cưa. Nửa năm dở sống dở chết, cuối cùng vết thương cũng lành, có điều khúc xương thiếu không cho phép tôi đi đứng tự nhiên như xưa. Tôi trở thành một kẻ tật nguyền.

Thời gian vật vã với vết thương tôi chỉ có một ước muốn duy nhất là làm thế nào để chết được. Kinh hoàng vì những cảnh tượng chúng kiến hàng ngày, đau đớn vì cái chết của đứa em gái, và nhất là viễn tượng sẽ trở thành vợ của tên chỉ huy kia đã đẩy tôi xuống đáy cùng của tuyệt vọng ! Làm vợ một

con thú đội lốt người ! Trời ơi, quả là điều quá sức khủng khiếp, chỉ nghĩ đến thôi cũng đủ khiến tôi rùng mình rợn gai ốc, huống chi sự việc chẳng sớm thì muộn sẽ phải đến. Không chết được, tôi đành trốn vào cứu cánh mong manh khác, tôi mong vết thương đừng lành, đừng bao giờ lành, tôi thà chia đưng triền miên đau nhức, thế vẫn còn hơn.

Nhưng cuối cùng sự việc kinh khủng kia cũng tới. Đó là ngày tên y tá của nhóm Kháng Chiến tuyên bố tôi hoàn toàn bình phục. Điều đó cũng có nghĩa tôi phải thực sự lấy tên chỉ huy làm chồng.

Tôi lấy hẳn làm chồng ! Mãnh lực nào giúp tôi chịu đựng được điều kinh khiếp kia ? Phải chăng ý chí sinh tồn, niềm khao khát sống còn nằm sâu dưới đáy tiềm thức là động cơ ? Hay tại thái độ của hắn đối với tôi, một thái độ lạ lùng không ngờ, hoàn toàn ngược hẳn với những gì tôi từng chứng kiến suốt nhiều tháng lê lét theo bọn chúng. Hắn tàn bạo, khát máu và quyết liệt bao nhiêu với thuộc hạ thì đối với tôi lại trở nên nhu nhược, mềm yếu bấy nhiêu. Thêm hai tháng nữa từ ngày phải sống chung với hắn, tôi cương quyết từ chối không cho hắn đụng vào người. Tôi rắp tâm chống cự đến cùng, hy vọng hắn sẽ nổi điên và giết tôi. Giết tôi. Chết. Đó là con đường giải thoát duy nhất trong hoàn cảnh này. Nhưng lạ lùng chưa ? Hắn kiên trì chịu đựng, tuyệt không tỏ một phản ứng hung bạo nào. Chẳng những thế, hắn còn ra lệnh cho thuộc hạ để tôi tự do đi lại trong phạm vi có thể được, và đồng thời cũng tạo cho tôi cái quyền uy của một đệ nhất phu nhân trên vùng giang sơn hắn đang cai trị. Vàng bạc, châu báu, của cải cướp được hẳn giao trọn cho tôi quản lý, thậm chí nếu muốn, tôi có thể ra lệnh giết người này, trừng phạt kẻ kia. Nói chung, sau hẳn tôi là người có quyền hành cao nhất. Tất cả mọi hành động hắn làm, mọi lời hắn nói, chỉ để chứng minh với tôi một điều : Hắn yêu tôi, thực sự muốn có tôi làm vợ. Cũng cần nói rõ tám năm trước, nghĩa là vào thuở đó, tôi khá đẹp, bao nhiêu đàn ông từng điêu đứng, thậm chí có kẻ thân bại danh liệt vì nhan sắc tôi. Hắn yêu tôi, điều đó chẳng đáng ngạc nhiên. Hạng người như hắn, nếu ở trong hoàn cảnh bình thường, còn chưa xứng đáng xách dép cho tôi nữa là !

Nhưng phải chăng ký ức của chúng ta thường bội bạc, không có khả năng

lưu giữ lâu bền mọi ấn tượng, nhất là những ấn tượng khổ đau ? Phải chăng đó là một hình thức vượt thắng để tự tồn của ý chí con người ? Phải chăng bản chất của đàn bà hầu hết đều yếu mềm uỷ mị, dễ bị quyến rũ lung lạc ? Một đêm hấn quỳ dưới chân tôi, đầu gục vào thành giường khóc rưng rức. Hấn khóc, rất lâu, vừa khóc vừa nói — hấn nói được tiếng Việt Nam, khá sành sỏi — “ Tôi thương em...Em hiểu không ? Tôi thương em... thương em vô cùng... Tôi có thể làm bất kỳ chuyện gì để em vừa lòng, kể cả em bảo tôi chết, tôi cũng không từ... Chỉ xin em một điều...đừng hắt hủi tôi, tôi muốn có em làm vợ...Em phải biết tôi có toàn quyền trên sinh mạng em, tôi có thể giết em dễ dàng, nhưng tôi không muốn làm thế. Bởi vì...Tôi thương em...Tôi thương em... ”. Hấn nói, lê thê, bất tận, lặp đi lặp lại kiên trì mấy tiếng “ tôi thương em ” “ tôi muốn có em làm vợ ”. Giọng hấn lơ lớ ngọng nghịu, âm thanh phát ra đứt rời từng quãng trong tiếng nấc bi thiết. Giữa bầu khí tĩnh mịch rờn rợn của đêm rừng hoan vu, trong bóng tối mù loà của định mệnh khốc liệt, giọng hấn nỉ non như vọng về từ một cõi âm nào, như lời cầu đảo mê hoặc của một gã phù thủy vào thời con người còn ăn lông ở lỗ. Tôi cố gắng bình tĩnh, tôi cố gắng phân định vị trí của hấn trong cuộc đời tôi. Tôi nhớ lại hình ảnh đứa bé mười ba tuổi hạ bộ máu me dẫm dĩa, tôi nhớ lại người đàn bà tan xác trong bãi mìn, tôi nhớ lại cô em gái có lẽ xác thân đã rữa nát dưới lớp lớp lá rừng ẩm mục, và những chiếc thủ cấp rơi rụng long lóc, những thân thể bầm dập với vòng thông lọng siết quanh cổ, đong đưa trên các nhánh cây cao... Lý trí tôi không ngớt kêu gào “ Đừng nghe hấn, đừng để thú ngôn ngữ của địa ngục kia dụ hoặc. Mà chỉ có một chọn lựa duy nhất là chết đi... Chết đi... Chết đi... ” Nhưng một tiếng nói khác, tiếng nói vo ve của tiềm thức cũng đang vỗ về ngon ngọt. “ Qua bao nhiêu thảm kịch khổ đau, cuối cùng mày vẫn còn sống. Mày còn sống và sẽ còn có cơ hội vượt thoát, làm lại. Hãy xem như đây là một tai nạn trong vô số những tai nạn mày đã gặp. Nghe hấn đi, tạm bằng lòng với hấn đi... ” Đêm bên ngoài đen đặc, tiếng côn trùng nỉ non, gió lùa qua những tàng lá rậm làm rưng hàng triệu giọt sương rào rào trên mái. Qua khe hở giữa mái lá và tấm phen tre, tôi nhìn thấy một ngôi sao vừa đổi ngôi, tia sáng xẹt nhanh, vẽ thành một đường lửa xé rách cái nền

thăm thẳm của bóng tối. Hơi lạnh tràn ngập căn chòi, lãng đãng như khói nhạt, thấm vào da thịt. Tôi rùng mình thụt sâu vào góc tối. Hấn vẫn gục đầu chỗ thành giường, tiếp tục nỉ non kể lể.

Có tiếng gà eo óc vọng từ một góc rừng xa. Đêm sắp tàn.

Bao nhiêu tháng nay tôi sống thường trực trong trạng thái vật vờ mụ mẫm từ thể xác đến tinh thần, không đêm nào tôi ngủ yên quá hai tiếng đồng hồ, cứ vừa chìm vào giấc ngủ là lập tức ác mộng kéo đến. Tôi biết, nếu tình trạng này kéo dài, sẽ có ngày tôi cũng giống như cô em gái, lý trí sẽ vĩnh viễn từ bỏ tôi. Có thể đêm đó khả năng chịu đựng đã đến mức cực cùng, cũng có thể sức dụ hoặc của những lời van nài ma quỷ kia đã làm thần kinh tôi tê liệt, ý chí để kháng triệt tiêu.

Dù cố gắng tỉnh thức, cuối cùng tôi vẫn thiếp đi. Cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn không biết trong giấc ngủ nửa tỉnh nửa mê đó tôi đã tự nguyện trao thân cho hấn hay tôi bị cưỡng bức ?

Tôi đã trao thân cho hấn ? Sức người có hạn, nhiều tháng trời chứng kiến bao nhiêu thảm kịch. Cô bé bị hiếp đến chết. Người đàn bà tan xác trong bãi mìn. Đứa em gái vùi thây dưới lớp lớp lá rừng. Những cảnh chặt đầu, hãm hiếp, cướp bóc, tra tấn man rợ... Tất cả làm đầu óc tôi tê dại mù loà. Tôi trao thân cho hấn, một cách đầu hàng nghịch cảnh ?

Hay tôi bị cưỡng bức ? Một người đàn bà yếu đuối như tôi, từ tinh thần đến thể xác đã suy kiệt cực cùng, làm sao chống đỡ nổi với một con thú hung hãn đang ngày đêm chực chờ vồ chụp ?

Tôi không biết thật. Đừng nghĩ tôi muốn phủ lên câu chuyện một màn huyền hoặc để biện minh cho hành động buông thả của mình.

Ngày nay, đã hơn nửa đời người, trải qua bao nhiêu biến cố tai ương, tôi nghiệm thấy rằng trong cuộc đời này tất cả mọi chuyện, kể cả những chuyện tưởng chừng phi lý nhất, vẫn có khả năng xảy ra. Một điều nữa, khối óc nhỏ bé của chúng ta không phải lúc nào cũng kiểm soát được tất cả mọi hành vi của thân xác. Có bao giờ anh trải qua cái kinh nghiệm đi tìm một đồ vật nào đó, một bao thuốc lá chẳng hạn, khi nó đang nằm trong tay anh ?

Nhưng tôi đã đi ra ngoài câu chuyện mất rồi...

Anh có tưởng tượng được không, lần

trao thân (hay bị cưỡng bức) kia tôi tưởng sẽ khổ sở lắm, nào ngờ lại là lần xác thân tôi cảm nhận trọn vẹn nhất cảm giác khoái lạc cực cùng của hành động gối chăn. Nói ra điều này chắc hẳn anh sẽ khinh tôi, sẽ nhòm tòm tôi. Khổ thay đó là một sự thật, chính sự thật này là nguyên nhân của chuỗi biến cố tiếp theo, kéo dài đến bây giờ.

Kể từ đêm hôm đó, tôi tiếp tục ăn nằm với hấn, và gần như lần nào tôi cũng đạt đến tột độ của khoái cảm, thật khác xa những lần chung chạ trước kia, qua những người đàn ông tôi từng yêu thương. Hấn có một sức mạnh hơn người, hấn hung bạo dẻo dai như một mãnh thú nhưng đồng thời cũng biết cách chiều chuộng nương đẩy để tôi dễ dàng đạt được mục đích. Tôi không thể yêu hấn. Làm sao tôi có thể yêu hấn, nhưng dần dần qua va chạm thân xác, tôi cảm thấy hấn thực sự cần thiết đối với tôi. Một thói quen của thú tính ? Một hành vi nuông chiều bản năng bản thú ? Tôi vẫn thường vẫn tôi, và vẫn thường khinh bỉ xác thân nhỏ nhóp của mình. Sau mỗi lần chung đụng, thần kinh tôi căng thẳng tột độ. Tôi cần hấn, điều đó đã quá rõ ràng, nhưng tôi không thể không nhòm tòm hấn, không thể không lợm giọng chính mình. Tôi vẫn còn sung sướng thoả mãn được ư khi cái chết của cô em chưa nhòa tan trong ký ức, khi chung quanh tôi cảnh giết chóc đã man vẫn xảy ra như cơm bữa ? Tôi đang là người hay đã biến thành cầm thú ? Những câu hỏi, hàng trăm câu hỏi quay đi quay lại trong đầu hết ngày này qua ngày khác, cũng hết ngày này qua ngày khác, tôi tiếp tục sống trong nhầy nhụa, đau đớn.

Cho đến ngày tôi biết mình có thai. Ban đầu tôi dẫu hấn, định phá. Nhưng sau đó tôi nghĩ lại, thấy đời mình thoi chảng còn gì, tôi không có hy vọng ra thoát chỗ này, mà ở lại thì chết không dám chết, sống, hôi thối như một bãi phân. Tôi sợ một ngày nào chút nhân tính còn lại trong tôi rồi cũng sẽ bị điều kiện hoá giữa đám súc sinh kia. Biết đâu đứa con sẽ giúp tôi hồi phục ? Bám vào hy vọng đó, tôi quyết định giữ đứa con. Khi nghe tôi báo tin có thai, hấn sững người một lúc lâu, bỗng bất chợt quỳ mọp dưới chân tôi, úp mặt vào hai bàn chân tôi, và giống như đêm nào, hấn bật khóc, nức nở, tuôn trào. Lần trước hấn khóc vì bị chối tù, vô vọng, nhưng lần này, tôi hiểu, đó là tiếng khóc của một sinh vật đã đạt đến cực cùng

của niềm sung sướng. Dù sao, thái độ của hắn cũng khiến tôi bồi hồi cảm động.

Quả thế, tôi hồi sinh thật sự từ ngày đứa bé chào đời. Lần đầu tiên tôi cảm nhận được sự thiêng liêng của tình mẫu tử, lần đầu tiên tôi khám phá ra ý nghĩa sâu thẳm kỳ bí của cuộc đời. Tôi từng đi qua những cánh rừng bị cày nát, cháy rụi bởi bom đạn, khắp một vùng rộng ngổn ngang than củi, tưởng chừng không một sinh vật, thực vật nào có thể sống còn, vậy mà chỉ sau một đêm mưa, sáng ra đã thấy trời lên trên lớp tro than kia là vô số những mầm xanh mơn mớn. Kỳ diệu thay sức sống dưng mãnh của muôn loài. Đứa bé đã ra đời, cái mầm xanh vô tội kia đã trỗi lên mặt đất, bất chấp môi trường, thổ ngơi khắc nghiệt, cái mầm xanh sẽ vượt cao uy nghi hay tàn lụi héo úa? Có lẽ tôi phải làm một cái gì đó cho đứa nhỏ, khởi đi từ người cha tội lỗi, khởi đi từ chút nhân tính sót lại trong tôi.

Tôi bắt đầu quan tâm đến hắn và cố gắng không xem hắn như một kẻ thù. Ấn tượng về cái chết của cô em gái vẫn còn đậm nét trong tôi, nhưng tôi tự nhủ, mỗi người sinh ra với một định mệnh, định mệnh của em tôi là thế, đành phải thế. Hắn nữa nếu không có những biến động bi thảm xảy ra trên quê hương hắn, nếu không có những thù hận truyền kiếp giữa hai dân tộc, chắc chắn hắn đã không ở đây, không trở nên hung tợn khát máu. Trải qua hàng triệu năm trên trái đất, con người đi từ chỗ ăn lông ở lỗ dã man, dần dần tự điều chỉnh để tiến đến chỗ toàn thiện, nhưng tận thâm sâu trong mỗi con người đều mai phục nguyên vẹn thú tính nguyên thủy. Cho nên học điều tốt lành, rất khó, ngược lại, tập làm điều ác – đánh thức thú tính nguyên thủy – lại vô cùng dễ. Lần đầu tiên nhúng tay vào máu, tay có hơi run, lần sau, lần sau nữa... Cảm giác run sợ mất dần, để đến một lúc nào hành vi giết người trở thành bình thường như mọi hành vi có tính cách sinh lý khác. Cứ thế, hận thù tạo ra hận thù, hắn bị cuốn vào vòng quay khắc nghiệt của trò chơi đẫm máu, không phương tháo gỡ và cũng chẳng muốn tháo gỡ. Nhưng nếu hắn còn biết thương yêu tôi, còn biết nâng niu đứa nhỏ thì trong hắn hẳn vẫn còn tiềm tàng cái “bản thiện” đã được điều chỉnh qua hàng triệu triệu năm để thành người, tại sao tôi không giúp hắn hồi sinh cái “bản thiện” kia?

Từ đó, tôi trực tiếp tham dự vào những hoạt động của hắn. Bằng quyền lực của một người đàn bà đang được thương yêu nể trọng, tôi khống chế bớt những hành vi bạo tàn của hắn và đồng bọn đang làm. Những cảnh chém giết, cướp bóc, hãm hiếp bớt đi, hắn trở nên hiền lành hơn, nhân đạo hơn. Nhiều sinh mạng được cứu sống, nhiều bi kịch đã không xảy ra. Tôi vẫn còn đau khổ, ước muốn trốn thoát khỏi chốn địa ngục này vẫn ngày đêm rục rịch cháy, nhưng lòng tôi, tâm tôi có phần yên bình hơn. Ít ra, bên trong cái thân xác tanh tưởi này, vẫn còn có một trái tim.

Khổ thay, tôi càng cảm hoá được hắn, càng đưa hắn xa dần tội lỗi thì quyền uy của hắn đối với thuộc hạ cũng mất dần đi, mầm mống đảo chánh manh nha. Tôi đã nói, buông thả thú tính để nó tự do thao túng thì quá dễ, khống chế được nó mới là điều khó. Nhóm thuộc hạ của hắn đã quá quen với máu tanh và xác chết, chúng như những con thú rừng bị nhốt vào cũi sắt, đang lờn lộn tìm cách phá sập chuồng ngai để thoát ra.

Hắn và tôi nhìn thấy điều đó. Tôi sợ.

Một hôm tôi nói với hắn “Chúng ta nên rời bỏ nơi này, tôi linh tính nếu còn ở đây, sẽ có ngày cả ba bị giết mất thôi”. Tôi đang dụ hắn vào một chọn lựa quyết liệt. Thật ra, để lấy lại uy quyền hắn từng có với thuộc hạ là chuyện dễ dàng, hắn cứ việc làm ngơ cho bọn chúng tha hồ tung hoành và áp dụng lại những hình thức kỷ luật sắt máu như lúc trước thì trật tự sẽ được tái lập ngay. Nhưng vì yêu tôi, và qua tôi, hắn thực sự nhận thấy tất cả những hành vi của hắn đã làm trong dĩ vãng quả đã đẩy hắn đi quá xa với những đức lý sơ đẳng nhất của một con người, và lại hắn hiểu hơn ai hết rằng nếu hắn trở lại con đường cũ, tình cảm tôi bắt đầu có với hắn sẽ trở về con số không. Với hắn bây giờ, đó là điều đáng sợ nhất, đáng sợ còn hơn cái chết. Và nếu rời nơi này, hắn sẽ thế nào? Đã quen với quyền lực, người ta không dễ dàng rũ bỏ đột ngột, hơn nữa, còn chỗ nào để hắn dung thân? Tôi gợi ý “Anh ra đầu thú đi”. Hắn lắc đầu. “Không được, anh đã gây quá nhiều nợ máu, để gì bọn chúng để anh sống”. “Hay chúng ta vượt biên giới qua Thái Lan”. “Càng nguy hiểm hơn, tội Thái căm thù anh chẳng thua bọn chính quyền ngoài kia, chết là cái chắc”. Tôi tuyệt vọng. “Vậy chẳng lẽ ở đây chờ thuộc hạ anh cắt cổ?” Sau

một đêm thức trắng, cuối cùng hắn đã đi đến một quyết định không ngờ, cái quyết định, cho đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng nếu không bắt nguồn từ một tình yêu vô giới hạn, chắc chắn sẽ không thể nào có được. Hắn nhìn tôi, nhìn đứa nhỏ đang ngủ vùi trong lòng tôi, viền mi dài sụp xuống, đen muốt, chiếc miệng đỏ au, đôi gò má bụ bẫm ửng hồng, hai bàn tay nắm chặt như hai mụn mềng thò ra ngoài chiếc khăn lông sặc sỡ màu mè, đôi mắt hắn chan chứa yêu thương nhưng giọng nói danh thép, quả quyết “Anh sẽ đưa hai mẹ con đến biên giới Thái”. “Rồi làm thế nào anh thoát khỏi tay bọn chúng. Anh không sợ chúng sao?” “Em và con đi thôi. Anh sẽ trở về.” Trong nhất thời tôi không biết phải xử trí thế nào trước quyết định bất ngờ của hắn. Tôi nghĩ đây là cơ hội nghìn năm một thuở giúp tôi vượt thoát khỏi chốn địa ngục tăm tối này. Nhưng... nhưng... có một điều gì vừa trào lên trong lòng tôi, một thứ tình cảm mù mờ chưa thể định được hình thù. Tôi muốn có hắn cùng đi chẳng? Tôi yêu hắn rồi ư? Có thật sự tôi yêu hắn không? Bắt đầu từ bao giờ? Bỗng nhiên tất cả mọi biến cố đã đến với tôi trong hai năm trời vừa qua như một cuốn phim câm, chạy nhanh qua đầu, từ cái chết của đứa em gái, đến những ngày đau đớn, tuyệt vọng, rồi những van nài khẩn thiết của hắn, sự buông thả đầu hàng của tôi, lòng yêu thương vô bờ hắn dành cho hai mẹ con, và sự hoà hợp kỳ lạ giữa tôi với hắn trong lãnh vực gối chăn... Tất cả ùn ùn đẩy lên... Tôi ngược nhìn hắn, nhìn thật lâu con người dù đã hai năm chung sống ăn nằm, dù đã có với nhau một đứa con nhưng chưa lần nào tôi có ý niệm rằng đó là một người chồng. Tôi bỗng bật nói “Anh đi với em”. Câu nói vừa thoát ra khỏi miệng tôi mới nhận thấy lần đầu tiên sau hai năm trời tôi xưng với hắn bằng “em”. Có lẽ hắn cũng nhận ra điều đó, hắn chồm tới, ôm siết mẹ con tôi giữa hai cánh tay rắn chắc, lắc đầu. “Không được, anh không sợ chết nhưng sợ sẽ liên lụy đến em và con”. “Ồ lại chốn này anh sẽ rơi vào con đường cũ...”. “Em yên tâm, đi đâu anh chưa biết nhưng nhất định không bao giờ trở lại nếp sống đó, anh hứa”. Hắn cúi xuống hôn lên trán đứa nhỏ, tiếp “Anh không muốn con và em tiếp tục khổ sở vì anh. Em và nó xứng đáng có một cuộc sống khá hơn, qua được đất Thái, em đưa con đi Mỹ, sau này hy vọng nó sẽ trở thành người tốt. Em làm

được điều đó, dẫu chết anh cũng vui ”.

Cuối cùng tôi bằng lòng để hắn đưa qua biên giới, chúng tôi có với nhau một ước hẹn, hắn còn một người em gái đang sống tại Nam Vang, dù ở đâu, làm gì hắn cũng sẽ giữ mối liên lạc với người em gái này. Nếu đến được đất Mỹ, tôi sẽ liên lạc với hắn qua cô ta, và “ biết đâu định mệnh sẽ còn có lúc run rủi cho chúng ta lại gặp nhau ”. Hắn nói, tôi nhìn thấy trong đôi mắt hắn sáng lên một tia hy vọng. Vâng, biết đâu... Tôi cũng đang nhủ thầm với rất nhiều hoang mang.

Chúng tôi không gặp trở ngại nào suốt quãng đường từ căn cứ đến biên giới. Bên này lẫn ranh phân chia hai lãnh thổ là vùng của quân kháng chiến. Mật khẩu, đường đi nước bước hắn quá rành rẽ. Mọi chuyện đều trôi lọt êm xuôi cho đến ngày cuối cùng trước khi chia tay. Chúng tôi đứng trên một gò đất cao, hắn đưa tay chỉ, phía sau cánh rừng kia là trại đóng quân của lính biên phòng Thái Lan, “ Vượt hết cánh rừng em lọt vào đất Thái, từ đó, bọn chúng sẽ đưa em về trại tị nạn ”. Hắn nói, giọng cố làm ra vẻ bình tĩnh nhưng tôi hiểu trong lòng hắn ruột gan đang quặn thắt từng cơn. Tôi cũng chẳng hơn gì. Anh có tin không, cho đến lúc con đường giải thoát hiện ra sờ sờ trước mắt, tôi lại thầm mong một biến cố nào đó sẽ đến, đẩy chúng tôi trở về lại căn cứ ? Điều này nghe có vẻ phi lý nhưng đó là một sự thật. Phải ở trong hoàn cảnh tôi lúc ấy may ra anh mới thấu hiểu.

Kỳ quặc thay, biến cố đến thật.

Một đơn vị biên phòng Nam Vang phát hiện ra chúng tôi. Tiếng súng đầu tiên khiến tôi giật bắn người, sẩy chân lẫn lông lốc từ đỉnh xuống chân gò. Cũng may, tôi chỉ té ngã một mình, suốt quãng đường từ căn cứ đến đây, tôi vì cái chân thọt đi đứng khó khăn nên hắn giành bế đứa nhỏ. Khi tôi gượng đứng dậy được thì tiếng súng đã vang dội quanh gò đất. Hai năm sống với hắn, thường xuyên va chạm với súng đạn nên tôi không quá sợ hãi như lần đầu bị bắt, đồng thời cũng đã có chút kinh nghiệm “ chiến trường ”. Tôi bật nhanh dậy, khom người chạy theo hình chữ chi, lủi biến vào khu rừng phía trước. Tiếng súng không đuổi theo tôi mà bắn về hướng ngược lại. Tôi biết mình đã thoát, chỗ tôi đang đứng là phần đất của Thái Lan. Nhưng cùng lúc trong tôi một niềm hoảng sợ dấy lên, không xong rồi, hai cha con đang bị

truy kích. Liệu hắn có mệnh hệ nào chẳng ? Và đứa nhỏ, trời ơi, đứa nhỏ, phải làm sao ? Tôi ngồi dựa vào một gốc cây, bật khóc. Nếu hắn bị bắn, nếu đứa nhỏ... Tôi không dám nghĩ tiếp. Nỗi sợ hãi càng lúc càng tăng khi tiếng súng tiếp tục chát chúa phía bên kia gò đất.

Tôi đứng lên, định quay lại hướng cũ thì chung quanh đã lao xao tiếng người. Lính Thái xuất hiện...

Dù đau đớn hoảng loạn đến tê liệt hồn xác vì biến cố vừa xảy ra nhưng tôi cũng còn đủ sáng suốt để nguy tạo một chuyển vượt rừng có lớp lang hữu lý. Qua một buổi hỏi cung, bọn Thái xác nhận tôi thuộc thành phần vượt biên đường bộ. Hai ngày tạm trú tại căn cứ biên phòng, họ đưa tôi đến trại tị nạn, và một năm sau, được xếp vào diện có cha thuộc thành phần quân nhân của chế độ cũ, tôi lên đường đi định cư.

Trong thời gian còn ở trại tị nạn tôi đã nhờ một người Miên viết thư cho cô em hắn, thư gửi đi quá nhiều nhưng tất cả đều rơi vào hư vô. Qua Mỹ, tôi tiếp tục viết nữa, mãi nửa năm sau, tình trạng tưởng chừng đã hoàn toàn tuyệt vọng thì hồi âm đến. Té ra tên đường phố và địa chỉ đã thay đổi, do một tình cờ may mắn, cô em hắn có quen với một nhân viên bưu điện, người này đã báo cho cô ta. Nhưng mọi tin tức tôi có được về hắn qua cô em gái đều hết sức mù mờ, cô ta nói khoảng hai năm trước hắn có nhắn tin về, cho biết vẫn còn sống nhưng không nói thêm đang ở đâu, sinh sống thế nào, với ai. Chính người đưa tin cũng chỉ nhận tin qua một người khác. Tôi đã gửi cho cô em hắn nhiều đợt tiền, một phần giúp cô ta, một phần nhờ cô dùng số tiền đó làm phương tiện truy tìm tung tích hắn. Nhiều năm trôi qua, tình hình vẫn chẳng sáng sủa hơn, tin tức liên quan đến hắn hầu hết đều “ nghe người ta nói ” và đôi khi rất mâu thuẫn. Bỗng một năm trở lại đây tôi mất liên lạc với cô em hắn. Thêm một lần đổi tên đường nữa chăng ? Hay cô ta đã dọn đi nơi khác ? Hay bị phát hiện có liên lạc với loạn quân ? Chính tình trạng hư hư thực thực này đã khiến tôi không lúc nào không nghĩ đến hắn và đứa con xấu số. Càng nghĩ đến hai cha con, càng nhớ lại thời kỳ chung sống với hắn, những thương yêu hắn đã dành cho tôi, sự hy sinh can trường khi hắn quyết định đưa hai mẹ con qua biên giới, tôi càng cảm thấy hắn gần gũi gần bó với tôi quá đời. Bản chất con

người vốn tham lam, không bao giờ bằng lòng với cái đang có, ước mơ của chúng ta luôn luôn vượt quá thực tế và chẳng chịu ngừng lại ở bất cứ điểm mốc nào, bao giờ chúng ta cũng nghĩ sẽ còn có thể tiến xa hơn, cao hơn. Cho đến một lúc chợt quay đầu nhìn lại mới bàng hoàng nhận ra, mọi nỗ lực tìm kiếm rồi cũng không đưa đến đâu, và cái hạnh phúc ngày hôm qua chúng ta vừa chối từ rũ bỏ, sẽ trở thành niềm tiếc nuối không nguôi. Sáu năm sống trên đất nước này, tôi nhận ra một điều : Ở đây tôi có được rất nhiều thứ, duy chỉ có một điều tôi tìm mãi không ra, đó là tấm lòng của con người đối với con người. Càng nhìn thấy sự nhạt nhẽo của tình người trên vùng đất mới tôi càng thấy lòng mình ghen ngào khi nghĩ đến hắn. Hắn, một tên thô phỉ khát máu, một loài thú hoang sống tối tăm hoang dã giữa chốn rừng già thâm u, nhưng bên dưới cái bề mặt nhậy nhụa tội lỗi đó, vẫn lấp lánh vô vàn điểm sáng của nhân cách con người. Ở đây người ta tỏ ra thương xót bảo vệ tới từng cọng cỏ nhánh cây, người ta rao giảng triệu triệu lời tương thân tương ái tốt lành, nhưng người ta cũng có thể nhẫn tâm giết nhau, đày đoạ nhau, chà đạp nhau một cách thật tàn nhẫn, chỉ có điều người ta đã hành động một cách khéo léo hơn, tinh vi hơn, và dĩ nhiên, văn minh, hoa mỹ, hợp pháp hơn !

Anh thấy, làm sao tôi có thể sống yên ổn với tâm trạng rối bời này ?

Nói thật với anh, tôi sắp quay về chốn cũ, tôi mong tìm ra hắn, để cùng hắn tìm đến một góc rừng hoang vu nào đó, sống nốt cuộc đời còn lại, xa lánh hoàn toàn những bon chen, những hận thù. Nửa tháng nay tôi đã suy nghĩ rất nhiều, tôi thấy không còn con đường nào cho tôi trong tương lai ngoài cách trở về. Vâng, tôi sẽ trở về, tôi đã quyết định. Một tuần nữa tôi lên đường, giấy máy bay đang nằm trong ví tôi.

Tôi về, trước tiên trở lại quê hương thăm bà con họ hàng, sau đó sẽ qua Nam Vang tìm cô em gái của hắn, và từ đó truy tìm tung tích hai cha con.

Này anh, nhờ anh xem giúp hộ tôi, liệu tôi có tìm ra hắn không ? Liệu tôi có gặp được con tôi không ?

Khánh Trường

(tuyển tập truyện ngắn **Chỗ tiếp giáp với cánh đồng**, nhà xuất bản Tân Thư & Thời Văn, 1991)

Hai mươi năm sau (tiếp theo trang 1)

Thế nhưng, chưa kể tới những mảng đen lớn còn tồn tại giữa những thành quả kể trên, với các thí dụ đầy dẫy về nhiều mặt chính trị, xã hội (bao nhiêu triệu người thất nghiệp, sự phân hoá giàu nghèo...) và cả kinh tế, điều cần nói ngay là bản thân những thành quả kinh tế ấy xuất phát từ những giải pháp tình thế nhiều hơn là từ những chính sách chủ động thể hiện tầm nhìn xa của đảng cầm quyền. Sự phá sản của những chính sách “cải tạo xã hội chủ nghĩa”, của chế độ hợp tác xã cưỡng bách đã liên tục gây căng thẳng về vấn đề lương thực trong xã hội những năm 76-80, ép các hợp tác xã miền Bắc phải “khoán chui” từ lâu, nhưng phải đợi đến đầu năm 1981 chính sách “*khoán sản phẩm tới người lao động*” mới được ban hành. Hơn hai năm sau các thất bại thảm thương của cuộc đổi tiền tháng 9.1985, dưới sức ép của xã hội và đòi hỏi của một nền kinh tế kiệt quệ, hội nghị trung ương đảng cộng sản cuối năm 1987 mới thừa nhận “*nguyên nhân sâu xa*” (của tình hình khó khăn) là do “*những sai lầm về chỉ đạo có tính chiến lược về kinh tế trong hơn chục năm qua*”, và đưa ra các chính sách mới “*chuyển toàn bộ hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh*” và “*phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế*”. Nhưng còn phải đợi đến tiếng vang chấn động xã hội của bài báo **Cái đêm hôm ấy... đêm gì** của Phùng Gia Lộc và một loạt bài báo khác về thực trạng nông thôn, mới có nghị quyết bộ chính trị “*về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*” tháng 4.1988. Một nghị quyết cũng chỉ được thi hành... sau những cuộc biểu tình của nông dân đồng bằng sông Cửu Long mùa thu năm ấy.

Trong lĩnh vực kinh tế, những ví dụ nêu trên cho thấy các chính sách “đổi mới” có ý nghĩa nhất đã chỉ được hình thành dưới sức ép của tình hình, sau khi cơ sở đã mạnh dạn “phá rào” để tự tìm đường sống. Trong lĩnh vực chính trị, càng nổi bật những xu hướng giáo điều, bảo thủ của những thế lực nắm quyền bính trong đảng, tự đặt mình vào thế đương đầu với những đòi hỏi dân chủ của xã hội, và co cụm ngay trong các cuộc tranh luận nội bộ về những chọn lựa các chính sách nhà nước. Những quyền tự do tương đối rộng mở hơn so với trước đây của người dân, như tự do làm ăn, đi lại, tiếp xúc, tín ngưỡng (trong nghĩa hẹp của từ này: quyền theo một tôn giáo, đi chùa, nhà thờ)... tuy đã phải trả giá đắt để đạt được chưa phải ở một mức cao gì, vẫn không ngừng được các cơ quan “an ninh” dòm ngó. Phải lùi bước về nhiều mặt của cuộc sống, những thế lực bảo thủ dồn sức phát huy bạo lực của bộ máy đàn áp được xây dựng trong chiến tranh để củng cố chỗ đứng. Báo chí, văn nghệ sĩ được “cởi trói” hai năm rồi lại được “uốn nắn” vào quỹ đạo của một dòng tư duy mang lá che mắt (œillère). Và tất nhiên là những người chọn lựa một cuộc đấu tranh trực diện, dù là một cuộc đấu tranh chính trị không bạo động, chính đáng, tiếp tục bị bắt bớ, giam cầm.

Thực ra, sự phân biệt giữa những thế lực “bảo thủ” và “đổi mới” trong bộ máy đảng không thể rạch ròi, trắng đen, khi quyền lợi của các bên xen kẽ, hỗ tương cho nhau. Nói gọn là trong việc tranh thủ thời gian để củng cố

những vị thế kinh tế trước khi diễn ra những thay đổi đích thực khó lòng tránh khỏi. Những “chiến dịch chống tham nhũng” cứ được đề ra, nạn tham nhũng vẫn tăng lên năm này qua năm khác. Song, nếu nhìn vào hoạt động của những nhân vật chóp bu của đảng, người ta vẫn có thể rút ra cảm tưởng thấy một số ra sức giải quyết những vấn đề kỹ thuật về quản lý kinh tế, còn một số khác (nắm bộ máy đảng) tìm cách trì kéo hoặc thọc gậy bánh xe (như luôn luôn nhắc nhở những vấn đề “tư tưởng”, như cản trở những cải tổ hành chính, cải tổ bộ phận kinh tế quốc doanh...). Trong khi đó, nhiều vấn đề cơ bản như pháp luật, giáo dục, y tế, môi trường v.v... tiếp tục xa lánh những ưu tiên của nhà nước.

Việc kỳ họp trung ương thứ 8 tháng giêng vừa qua không thông qua được nghị quyết về việc xây dựng nhà nước pháp quyền, vừa có thể coi như một thất bại của “khởi tư tưởng, văn hoá” trong đảng, chứng tỏ sức mạnh rất tương đối của những lực lượng bảo thủ này (xem thêm **Thư Hà Nội** trong số này), vừa là một bằng chứng rằng dưới mắt của giới lãnh đạo nói chung, vấn đề ... chẳng có gì gấp gáp lắm!

Giáo dục từ lâu luôn luôn được các nhà lãnh đạo đề cao là “*quốc sách hàng đầu*”. Nhưng cũng từ lâu người được giao trọng trách này cứ luôn luôn là một nhân vật hạng nhì⁽¹⁾ của bộ máy, không đủ sức tranh thủ một ngân sách để trả lương ở mức tối thiểu cho đội ngũ nhà giáo, và hàng năm mùa nhập học chẳng biết làm gì hơn là than thở sự tiếp tục xuống cấp của lĩnh vực “ưu tiên” do mình phụ trách... Một sự xuống cấp trầm trọng, không chỉ thể hiện ở những con số học sinh bỏ học, giáo viên bỏ dạy, ở con số người lớn không biết chữ tăng lên gấp nhiều lần so với những năm chiến tranh. Mà còn và nhất là ở sự mất đi những giá trị đạo đức cá nhân và xã hội tối thiểu, những lá chắn cần thiết để nền kinh tế thị trường không trở thành quá hoang dã. Trong khi đó, hàng năm, hơn một triệu thanh niên bước vào đời với những kiến thức và ý thức lệch lạc từ một nhà trường xiêu vẹo...

Hai mươi năm đã trôi qua, từ những ngày hồ hởi chấm dứt chiến tranh, thống nhất đất nước. Toàn cảnh bức tranh xã hội hôm nay không khỏi có phần đen tối vì những sai lầm nghiêm trọng, những ngu tối giáo điều kéo dài gây ra *hàng chục năm khủng hoảng trầm trọng* (chữ của ông Võ Văn Kiệt, trong bài phỏng vấn của báo **Tuổi Trẻ** số Xuân Ất Hợi) với những tác hại chưa dứt. Tuy nhiên, như nêu trên đầu bài, những mảng sáng đã nổi lên.

Với sức sống mãnh liệt của dân tộc, những không gian sinh tồn để thở hơn vẫn được mở rộng từng bước, và với nghị lực của kẻ gần tuyệt vọng, mọi người chạy đua vào đó, đẩy lui thêm những rào cản, biên giới phi nhân. Trước mắt, sức sống ấy mới chỉ thể hiện ở những nỗ lực của những cá nhân, cho bản thân và gia đình mình. Mới là những nỗ lực hồi sinh.

Còn vắng, những mối kết hợp, những tích năng (synergie) của các hoạt động tương tác, tung hứng lẫn nhau. Khi mọi sự liên kết đều có thể gây nguy nan cho những người khởi xướng, vì các bộ phận “an ninh” của đảng nhìn đâu cũng thấy mầm phản loạn. “*Việt Nam muốn làm bạn với mọi người*”, nhưng là những người nước ngoài mang tới đầy đũa. Còn đối với người trong nước...

Cũng còn vắng, những suy tính sâu xa, rộng lớn cho cộng đồng, cho xã hội, cho một tương lai dài hơi. Hay đúng hơn, còn vắng trên những phương tiện truyền thông, trên mặt báo mà đảng cầm quyền vẫn khu khu nắm chặt, dành riêng cho mình và chỉ cho phép những người khác quyền phụ hoạ. Dù họ thừa biết rằng chỉ có sự tranh luận tự do, sự cọ xát những ý kiến trái ngược nhau mới là môi trường tốt nhất để phát sinh những tư duy phong phú, mới mẻ, táo bạo. Mới cổ vũ những sáng kiến lớn trong mọi mặt của đời sống, cho phép điều chỉnh nhanh chóng những chính sách sai lạc, làm nảy nở những nhân tài đa dạng...

Dấu sao, một thời kỳ mới cũng đã mở ra ! Đối nội, những cây cầu đã cất với quá khứ khó lòng lập lại, dù các trận đánh học hậu còn sức tàn phá không nhỏ. Đối ngoại, có lẽ chưa bao giờ Việt Nam độc lập hơn hiện nay ! Pháp, Nhật, Mỹ, Nga, Trung, không ai còn là mẫu quốc, là đồng minh lớn, là nguồn tài trợ duy nhất... Sự đa dạng hoá thành công các mối quan hệ ngoại giao góp phần nuôi dưỡng cuộc hồi sinh, và ngăn chặn những âm mưu nô dịch mới.

Đại lộ thông tin (tiếp theo trang 19)

1. Tổng kiểm điểm (global inventory) các dự án phát triển xã hội thông tin, ghi lại trong một cơ sở dữ liệu đa môi giới, tiến hành khảo sát hậu quả xã hội, kinh tế và văn hoá của các dự án : Liên hiệp châu Âu và Nhật.

2. Thử nghiệm nối và sử dụng mạng truyền tin giải tần rộng ở mức quốc tế : Gia Nã Đại, Đức, Nhật, Anh (Gia Nã Đại đã nối với Mỹ, cũng như Đức với Pháp và Ý, đề tài này thực ra là cho toàn bộ G7 cộng thêm mọi nước trong Liên hiệp châu Âu).

3. Giáo dục và huấn nghiệp đa văn hoá, đặc biệt tìm những phương pháp dạy sinh ngữ mới và sử dụng công cụ đa môi giới : Pháp, Đức.

4. Thư viện điện tử : thành lập một thư viện 'ảo' chung bằng cách nối vào mạng những thư viện nằm phân tán, cho phép mọi người tham khảo qua mạng viễn thông tất cả những hiểu biết thiết yếu của loài người : Nhật, Pháp.

5. Triển lãm, bảo tàng điện tử : Tăng nhanh việc biểu diễn bằng số và đa môi giới các kho bảo tàng để cho công chúng có thể xem từ xa và để đóng góp vào giáo dục, nghiên cứu : Ý, Pháp.

6. Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường : tăng cường nối và kết hợp các cơ sở dữ liệu về môi trường : Mỹ.

7. Quản lý tổng hợp các biến cố : Khuyến khích việc phát triển một mạng quản lý cơ sở dữ liệu cần thiết để phản ứng được trước các sự cố và tai biến (tự nhiên) : Gia Nã Đại.

8. Ứng dụng tổng quát trong Y học : Chứng minh tiềm năng của công nghệ (viễn) thông tin trong việc phòng chống những tai hoạ y tế (health scourge) chính. Tăng cường chuẩn hoá những phương tiện điện tử để công việc này được thuận tiện, chẳng hạn các thẻ thông tin y tế điện tử (cá nhân ?) : Liên hiệp châu Âu, Pháp, Đức, Ý.

9. Thủ tục hành chính tức thời từ xa (on line government) : Trao đổi kinh nghiệm giữa các chính phủ về việc thiết lập mạng thông tin quản lý hành chính điện tử để tiện dùng và giải quyết hành chính cho các cơ quan công, các hãng tư và các công dân : Anh, Gia Nã Đại.

Những nhà lãnh đạo đảng cộng sản, người thì nhấn mạnh " nguy cơ chệch hướng ", người thì nhấn mạnh " nguy cơ tụt hậu ". Và kể ra những thách thức quả là không nhỏ đối với đất nước những năm sắp tới, để vượt qua các " nguy cơ " ấy. Không mấy ai cho rằng thách thức trước mắt lớn hơn cả là vượt lên bản thân mình để tìm thấy trong gia sản chung của nhân loại những giá trị hun đúc nghị lực và tài trí, cho phép những bước đi tiếp sáng tạo và vững chắc. Một nền dân chủ đích thực, với những quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin, hội họp và những tự do cơ bản khác được tôn trọng, chẳng hạn, là bước kế tiếp cần thiết và không thể tránh.

Hơn một nửa thời gian và nhiều mất mát lớn đã xây ra trong 20 năm qua. Hôm nay, nhắc lại mấy điều cũ kỹ trên tường cũng không thừa...?

Hoà Văn

(1) Đây chỉ là một nhận xét, không phải là một đánh giá đối với những nhân vật liên hệ.

10. Phòng thương mại toàn cầu cho các hãng nhỏ và vừa : Phát triển một môi trường mở (open environment) trên quy mô lớn, để cho phép các hãng vừa và nhỏ trao đổi thông tin, thương thảo và mua bán bằng phương tiện điện tử : Hội đồng châu Âu, Nhật, Mỹ.

11. Hệ thống tin hải dương : Liên kết và nâng cấp các biện pháp bảo vệ môi trường biển đồng thời với sự tăng cường cạnh tranh trong mọi hoạt động khai thác biển, bằng mọi phương tiện (viễn) thông tin : Hội đồng châu Âu, Gia Nã Đại.

5. Vài suy nghĩ của người đi xe đạp

Nền văn minh thế giới sẽ đi từ chữ viết tới hình ảnh, và hình ảnh động. Nhưng ngoài sự tiến bộ tự nhiên từ nghe nhau từ xa tới nhìn nhau từ xa trong các quan hệ xã giao, sản xuất hình ảnh động cho có ý nghĩa càng trở nên vấn đề văn hoá cốt tử. Hệ luận của những tiên đề này trên cuộc sống tương lai như thế nào còn phải bàn cãi, có điều chắc chắn là chưa thể gửi mùi và vị qua hệ thống viễn thông điện tử.

Tuy nhiên, khi nhìn về viễn thông như là một hạ tầng cơ sở đôn bầy cho những hoạt động kinh tế khác, tính cách hữu ích chủ yếu của nó nằm ở việc truyền tin bằng số, chứ không phải ở giải tần rộng hay hẹp. Các nước đang phát triển cần có ngay mạng thông tin điện thoại bằng số và những dịch vụ hữu ích như hòm thư điện tử (năm rồi số địa chỉ điện tử tại Âu châu tăng 20 % mỗi tháng) cũng như các trạm dịch vụ thông tin công cộng như thí dụ của các đề án G7. Thực ra bất cứ dịch vụ nào có thể tưởng tượng ra mà không cần hình ảnh động cũng không cần giải tần rộng và thực hiện được ngay qua Internet hay Minitel cải tiến, và sẽ mười lần tốt hơn qua mạng điện thoại số ; vì thế nhiều người hiểu nhầm khái niệm " đại lộ thông tin " chỉ như vậy. Thế nhưng nếu đứng ở chỗ các nước đang phát triển có lẽ cũng chỉ nên dừng lại ở mức ấy. Mặt khác những dịch vụ do mạng thông tin giải tần rộng đem lại có tính cách giải trí và văn hoá hơn là một đôn bầy cho những ngành khác, và những dịch vụ này có thể được bán qua CD, dùng trong những máy tính đa môi giới hoạt động độc lập, bên cạnh truyền hình qua đài phát sóng mặt đất hay vệ tinh.

Hàn Thuỷ